

Số 84

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

**Ý nghĩ tản mạn về
chân lý phương Đông**

Tr. 6

**Danh hiệu kỷ lục
sự phù phiếm...**

Tr. 8

Tắc đất tắc vàng...

Tr. 3



TÔN HOA SEN

HOA SEN SẢN PHẨM CỦA HOA SEN GROUP



Được Sản Xuất Trên

DÂY CHUYỀN

CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN

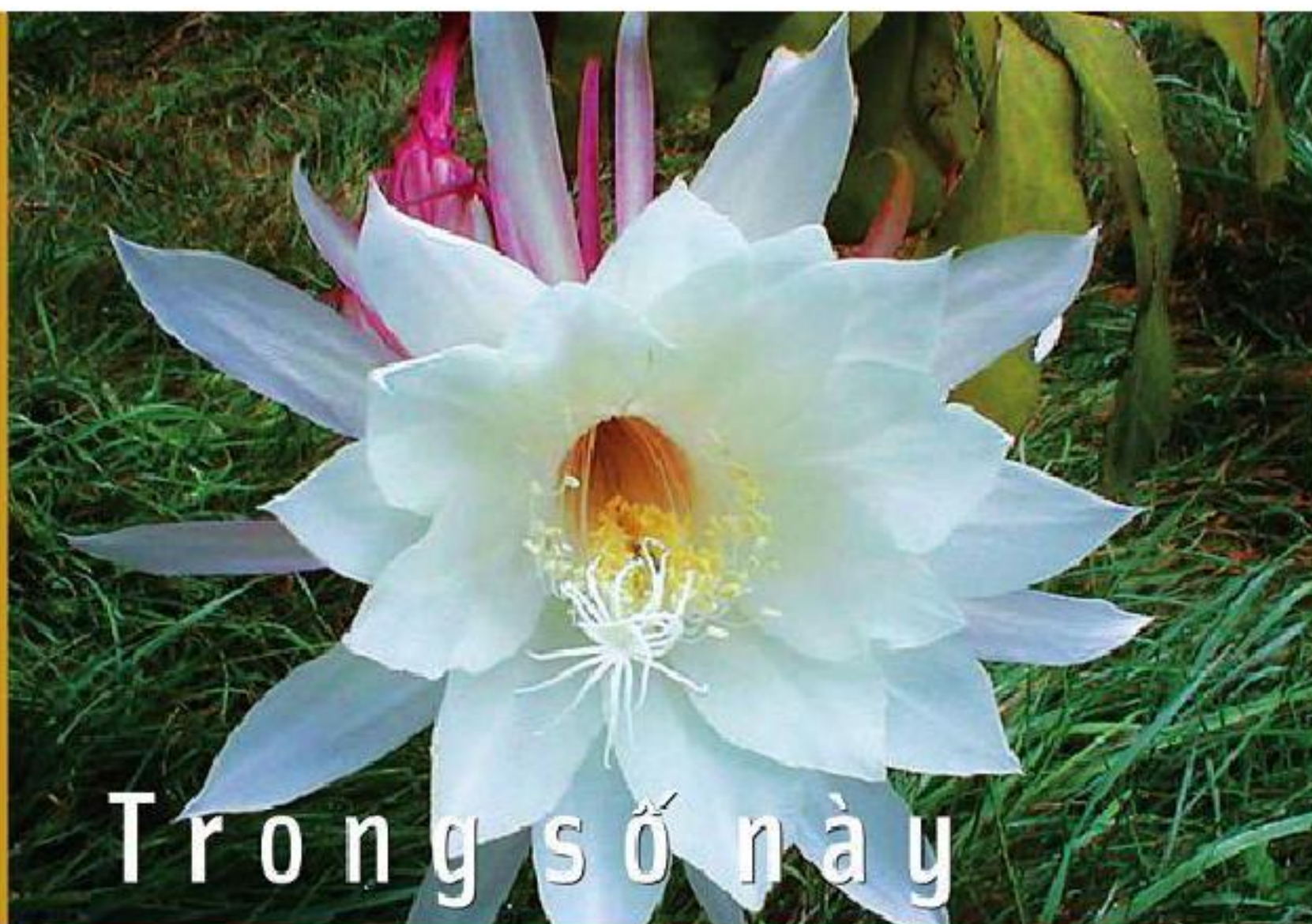
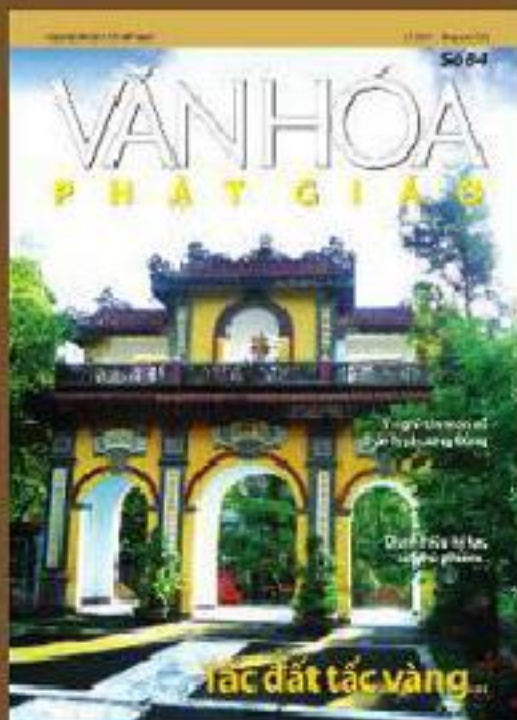
NHẤT THẾ GIỚI

NEW

TÔN LẠNH

TÔN LẠNH MÀU





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiên Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỂN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phát hành và Quảng cáo
113 Bạch Đằng, Phường 15,
Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3258 1669 - 3899 1529
Fax: (08) 3258 1663

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Tắc đất tắc vàng (Nguyễn Văn Nhật)	3
Sương mai	5
Ý nghĩa tản mạn về chân lý ngôi sáng ở phương Đông (Hòa thượng Thích Chơn Thiện)	6
Danh hiệu kỷ lục - sự phù phiếm không đáng có (Lưu Dũng Xuất)	8
Đêm Hoa Đăng trên dòng Hiền Lương (Quách Giao)	10
Lúa chín đúng thời (Nguyễn Thi)	12
Nhiệt tâm cần mẫn (Viên Minh)	14
Hội An và Volendam (Tịnh Trần)	17
Lộc trời (Nguyễn Tịnh Hòa)	20
Khoảng lặng (Trần Đăng Hà)	22
Quay về nương tựa (Nguyễn Hiền Phác)	24
Duy tâm và Vô ngã trong kinh Lăng Già (Trần Tuấn Mẫn)	27
Cái ác sinh ra từ Games on line? (Nguyễn Cần)	31
Một con đường tơ lụa khác vừa được phát hiện (Lâm Hạnh Nhiên)	33
Nhan sắc Quỳnh hoa (Trần Ngọc Hoàng)	37
Một vài nét về điện ảnh, truyền hình (Quang Vũ)	39
Linh hồn của tiền (Nguyễn Thế Đăng)	42
Thơ (Trương Nam Hương, Nguyễn Loan)	47
Hương trà sen (Trần Văn Hạc)	48
Nụ cười Langbiang (Truyện ngắn của Vũ Phạm Hương Hằng)	51
Một chặng khác, trên con đường (Nguyễn Đông Nhật)	56
15 ngày	60
Lời cảm ơn cuộc sống	61
Món chay: Canh rau sam (Hoàng Anh - Phú Xuân)	62

Bìa 1: Tam quan chùa Tường Vân (Huế). Ảnh: Ngọc Uyển

Thư tòa soạn

Quý độc giả thân mến,

Cuộc sống vốn phong phú và đa dạng. Các hiện tượng, sự kiện... không ngừng xảy ra, phát triển, biến đổi rồi suy tàn ảnh hưởng đến sinh hoạt, tư duy, tình cảm của mọi người. Quan điểm đối với một hiện tượng, một sự kiện... lại không phải là chung nhất, thường khi bất đồng, có lúc dẫn đến mâu thuẫn, biện bác, đấu tranh...

Thông cảm, chia sẻ với mọi người, Văn Hóa Phật Giáo đăng tải những bài viết chân thành, phản ánh một cách tích cực những nhận định về cuộc sống hàng ngày, có khi mang tính cách cá nhân nhưng lại khơi gợi, lại chờ đón những ý kiến khác, thường khách quan hơn, xây dựng hơn, được đa số công nhận.

Trên tinh thần đó, Văn Hóa Phật Giáo số 84 tiếp tục trình bày những kiến giải của người Phật tử về những vấn đề có tính cách thường xuyên của đời sống, như vấn đề "Tắc đất tắc vàng", vấn đề trách nhiệm của games online đối với những trường hợp phạm pháp của thiếu niên xảy ra gần đây, vấn đề liên quan đến linh hồn của đồng tiền qua bài đọc sách, việc trao tặng danh hiệu kỷ lục gây tranh cãi... và cùng ôn lại những lời dạy của Phật về việc Lửa chín đúng thời.

Cũng trong số báo này, Văn Hóa Phật Giáo tiếp tục gửi đến quý độc giả những tình cảm nhẹ nhàng của người Phật tử khi tham dự một đêm hoa đăng, những ý nghĩ thâm trầm của người Phật tử lúc đứng chân trước ngôi làng Volendam ở Hà Lan, những băn khoăn về việc gìn giữ và phát huy di sản cha ông khi thường thức hương trà sen...

Văn Hóa Phật Giáo luôn tôn trọng cái thú khám phá của quý độc giả. Và vì thế, xin quý độc giả tiếp tục tìm đến với những chia sẻ của người viết. Văn Hóa Phật Giáo cũng luôn hiểu rằng mọi ý kiến, mọi chia sẻ chỉ là khơi gợi. Mong rằng quý độc giả vẫn tìm thấy thái độ đồng hành của Văn Hóa Phật Giáo trên từng bước đường khám phá những giá trị sống đầy tính người.

Chúc quý độc giả Bồ đề tâm tinh tấn.

Trân trọng,
Văn Hóa Phật Giáo



Tắc đất **tắc vàng**

NGUYỄN VĂN NHẬT

Tắc đất là tắc vàng. Tắc đất tâm cũng là tắc vàng hiểu theo ý nghĩa là của báu. Chỉ tùy theo cách nhìn nhận giá trị của đất cũng như của đất tâm mà con người có những biện pháp sử dụng đất và đất tâm khác nhau. Sử dụng đất bằng lao động cần cù hoặc sự nghiên cứu cẩn thận trên tinh thần trách nhiệm, cũng giống như sử dụng đất tâm bằng từ bi hỷ xả và giới định tuệ, sẽ đem lại cho con người sự an lạc và tự do.

Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang,
 Bao nhiêu tắc đất, tắc vàng bấy nhiêu...
 Câu ca dao chứa đựng lời nhắc nhở của tiền nhân ta về việc phải đối xử với đất với ruộng một cách cần cù, tuy mộc mạc nhưng có thể đã chứa đựng cả sự sáng suốt của người Việt, một dân tộc đến nay vẫn còn sống bằng nông nghiệp và từng được coi là một trong những giống người đầu tiên biết áp dụng kỹ thuật trồng lúa nước.

Có một điều chắc chắn là khi câu ca dao này bắt đầu được phổ biến trong dân gian thì người Việt lúc ấy chưa biết đến những khái niệm như *chuyển công năng sử dụng đất, quy hoạch treo* hoặc *đến bù giải tỏa* khiến đôi khi người dân phải chịu nhiều gian nan vất vả. Nhưng cũng chắc chắn rằng bấy giờ ông cha ta đã biết rõ giá trị trao đổi và tồn trữ của vàng, thứ kim loại vừa đủ quý hiếm có thể làm say đắm lòng người mà cũng vừa đủ phong phú để được dùng làm bản vị cho hoạt động thương mại.

Có nghĩa là lúc ấy, tuy vẫn sống bằng nông nghiệp là chính, người Việt đã quen với hoạt động thương mại và đã có một nền văn minh vượt qua khỏi giai đoạn sử dụng những thứ kim loại tầm thường như chì và kẽm làm đơn vị tiền tệ. Nhưng bấy giờ đất đai vẫn chưa phải là một thứ hàng hóa để có thể sử dụng làm phương tiện đầu tư. Ngày trước đất rộng người thưa, ai có khả năng khẩn hoang được bao nhiêu thì đất ấy là của mình; không như bây giờ, muốn khẩn hoang cũng không còn đất mà khai thác.

Vậy mà ông cha ta đã có thể so sánh tắc đất với tắc vàng. Nghĩa là bấy giờ ông cha ta đã hiểu rõ giá trị thật của đất, rằng đất là nền tảng của sự sống. Có đất mới có lương thực nuôi sống con người. Và đất trồng trọt thực sự là một tài sản quý giá mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người; tuy rằng muốn sử dụng được hết khả năng của đất trồng trọt, con người vẫn phải lao động cần cù mới có được hoa trái.

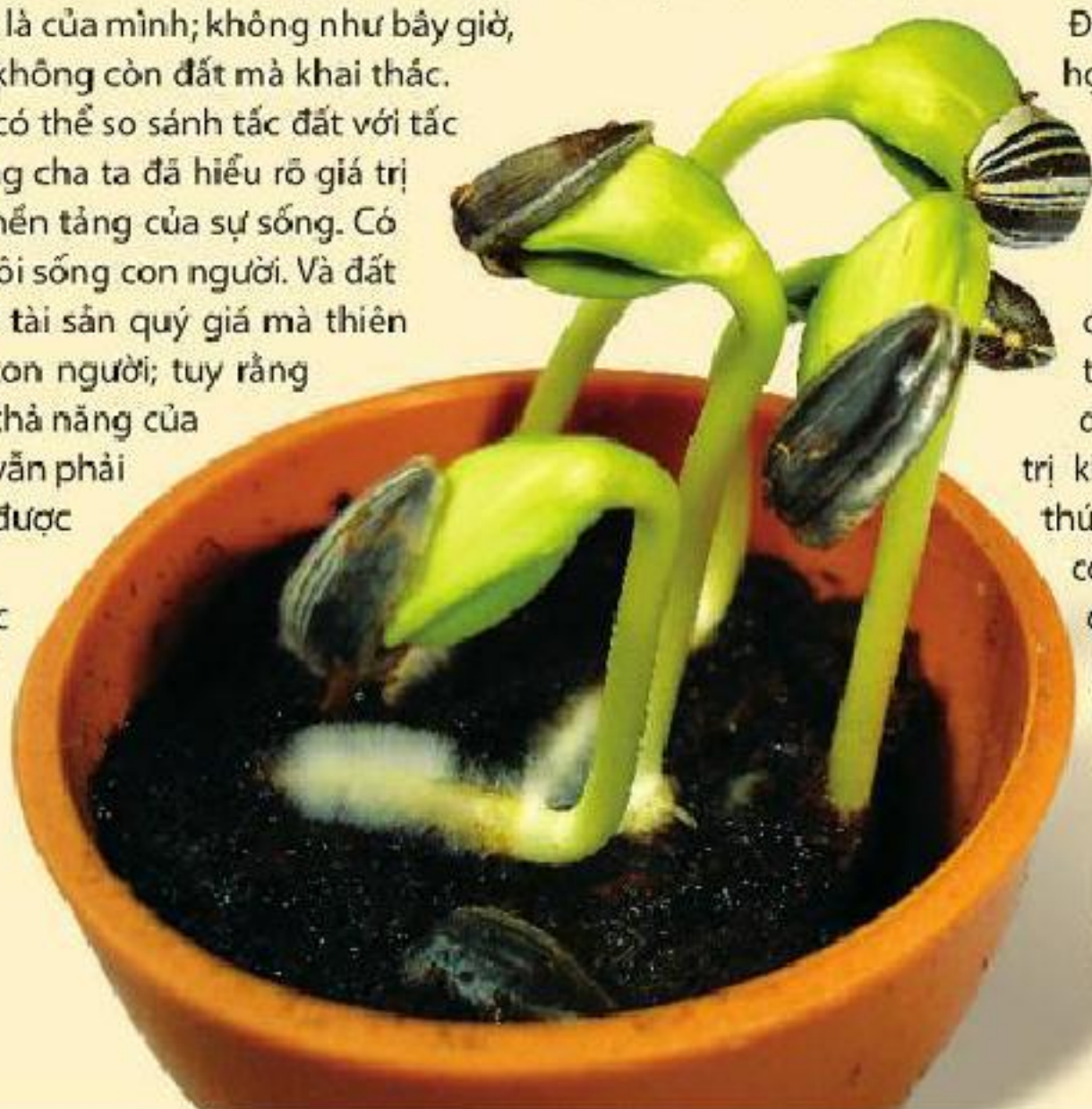
Câu ca dao trên nhắc nhở chúng ta đừng quý trọng đất chỉ như một thứ hàng hóa mà có ý

khuyến chúng ta phải chăm chỉ khai thác đất, không để đất bị hoang hóa, không sử dụng đất một cách bừa bãi, phung phí, đừng làm cho đất trở nên không thân thiện với cuộc sống của con người.

Quý trọng đất, chúng ta phải biết sử dụng đất một cách khôn ngoan và thận trọng. Chúng ta phải hiểu rằng để hình thành một khoảnh ruộng có thể cày cấy được, chẳng những cha ông ta từng tốn hao bao công sức khai khẩn, mà chính thiên nhiên cũng đã phải trải qua hàng triệu năm mới bồi tạo nên những vùng đất thích hợp cho hoạt động trồng trọt mà tổ tiên ta, ý thức được điều đó, đã biết tổ chức cuộc sống cho phù hợp với thổ ngơi. Bản lĩnh của một dân tộc sống định canh định cư khác với các sắc dân du mục ở chỗ đó.

Thật vậy, khi định cư, tổ tiên ta đã nghĩ đến việc lập kế *sâu rễ bền gốc* truyền lại nhiều đời về sau chứ không chỉ nghĩ đến cuộc sống trước mắt, rày đây mai đó miễn sao kiếm được miếng ăn, không cần biết đến lớp hậu bối. Khi định cư, tổ tiên ta đã biết đất có khả năng tái tạo sự màu mỡ, có thể mang lại lương thực cho con người theo chu kỳ nếu con người biết vận dụng. Bấy giờ, tổ tiên ta đã biết không nên thâm canh theo kiểu khai thác đất đến bạc màu mà phải biết chăm bón và ứng dụng những biện pháp luân canh để đất đai luôn luôn phục vụ cuộc sống của họ và con cháu họ.

Đến lúc tiến bộ về khoa học và kỹ thuật đưa con người đến với công nghiệp, và khi cuộc sống công nghiệp thúc đẩy con người phải xây dựng các khu đô thị tập trung hàng triệu công dân, đất đai có những giá trị khác. Đất trở thành một thứ hàng hóa trao đổi, đầu cơ. Con người tìm đủ mọi cách khai thác những giá trị hàng hóa của đất chứ không còn quan tâm đến giá trị thật của đất.



Và quả thật, đất trong sự phát triển công nghiệp bằng mọi giá sao cho tốc độ phát triển năm sau cao hơn năm trước đã đẩy lòng tham của con người lên đến tột độ.

Thực ra, bản thân việc nhìn thấy giá trị hàng hóa của đất không phải là điều xấu. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, xã hội bắt buộc phải được tổ chức sao cho có sự hài hòa giữa nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp. Ngoài những vùng đất được giữ lại để làm nông nghiệp nhằm bảo đảm an toàn lương thực, tất nhiên cũng phải có những khu đất cần được cải biến để sử dụng trong công nghiệp và thương nghiệp. Tuy nhiên, việc cải biến ấy luôn phải chú trọng đến giá trị thật của đất, rằng đất phải luôn luôn là nơi nâng đỡ cuộc sống của con người. Những biện pháp dời núi, lấp sông, phá rừng, lấn biển, xây đập, đào hầm... lẽ ra chỉ được thực hiện trên cơ sở đã nghiên cứu kỹ về tác động mọi mặt của chúng đến môi trường, đến đời sống con người và đến hệ sinh thái, thì thường khi lại được tiến hành vội vàng chỉ dựa vào ý muốn chủ quan và quyền lợi riêng tư của những người có trách nhiệm.

Với lòng tham bị đẩy lên đến cực độ, con người chỉ muốn khai thác tức thời mọi giá trị hàng hóa của đất mà không cần biết đến hậu quả có thể gây ra cho chính cuộc sống của mình, nói chi đến những hậu quả mà con cháu về sau phải gánh chịu! Ai có thể thống kê được có bao nhiêu diện tích đất trống trọt mà vì lòng tham của con người đã bị hoang hóa chờ những dự án trên giấy vẽ mãi mà chẳng bao giờ thực thi? Có tổ chức nào đã tận lực nghiên cứu về những tác động đến môi trường của việc sử dụng đất bừa bãi khiến tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt và gây nên sự phá hủy môi sinh, làm cho đất đai hoặc trở thành hoang mạc, hoặc chứa đựng những mầm độc hại không còn khả năng nâng đỡ cuộc sống? Đã có bao nhiêu trăm ngàn con người bị đẩy ra khỏi mảnh đất trống trọt bao đời của họ để trở thành những công dân hạng hai vất vưởng nơi những khu đô thị?

Khi con người chỉ nhìn thấy giá trị hàng hóa của đất thì đất trở thành quyền rũ hơn bao giờ hết. Tấc đất lập tức trở thành tấc vàng trong con mắt của kẻ đầu cơ, không cần đến lời nhắc nhở trong câu ca dao xưa. Nhưng kẻ đầu cơ cũng không cần biết đến lời khuyên *đừng bỏ ruộng hoang* nữa, vì họ chỉ cần đến đất như một phương tiện trục lợi. Khi con người chỉ có *quyền sử dụng đất* thì họ tìm mọi cách để khai thác đến cạn kiệt mọi giá trị sử dụng của đất. Họ không hề nghĩ đến việc mảnh đất mà họ đang sử dụng cần được tài bồi cho sự sử dụng tiếp tục của con cháu mai sau. Họ chẳng hề có lòng yêu đất mà họ chỉ yêu những đồng tiền có thể tạo ra được từ đất.

Chỉ từ chỗ quý trọng đất, gắn bó với đất là nơi nâng đỡ cuộc sống của mình, con người mới có lòng yêu đất, mới biết yêu thương quê hương bản quán và những gì liên hệ với quê hương bản quán ấy, gồm những con người sinh sống làm ăn chung trên một mảnh đất, những niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống hàng ngày khi sinh hoạt quần tụ bên nhau, những tập tục truyền từ đời này qua

đời khác, những câu chuyện liên quan đến công nghiệp của những người đầu tiên đến gây dựng cuộc sống trên mảnh đất ấy v.v., những điều góp phần hình thành lịch sử của từng mảnh đất để tập hợp thành lịch sử của cả một dân tộc, một quốc gia, vốn là cơ sở cho lòng yêu nước.

Trên cơ sở đó, những khi có các biến cố đe dọa đến sự tồn tại của cuộc sống gắn với mảnh đất mà con người đã mất nhiều công gây dựng, những khái niệm về việc bảo vệ vùng trời, vùng biển, hải đảo, đất liền... được hình thành, trở nên một nghĩa vụ thiêng liêng của con người. Lịch sử đã chứng minh rằng khi mảnh đất có tính cách gắn bó máu thịt với người dân thì đất có tác động vô cùng to lớn đối với lòng yêu nước. Từ đó, nhân dân mới sẵn sàng chấp nhận hy sinh gian khổ để bảo vệ đất nước, bảo vệ chủ quyền của dân tộc.

Nhà Phật quan niệm rằng tâm hồn con người cũng như một mảnh đất, gọi là đất tâm, hay tâm địa, cũng cần được cày ải để biến thành ruộng phước hay ruộng công đức. Mảnh đất tâm ấy cũng có thể biến thành vàng, với ý nghĩa quý giá, với ý nghĩa là của báu đối với con người.

Khi con người để cho đất tâm bị che lấp bởi các thứ cỏ tham sân si, họ dễ dàng học được những thủ đoạn, cách thức lừa lọc, để trục lợi, để đem lại cuộc sống với đủ loại vật chất xa hoa, không biết rằng mình đang gây nên những nhân đau khổ cho chính mình. Hết như những kẻ chỉ có *quyền sử dụng đất*, người không biết đến giá trị thật của đất tâm mặc tình để cho mảnh đất tâm của mình giống như một thửa ruộng hoang.

Nhưng mảnh đất tâm ấy cũng có thể trở thành vàng với ý nghĩa là sự trân quý khi con người biết dùng tâm để nhìn thấy tính cách hư ảo của mọi giá trị vật chất và sử dụng tâm để từng bước thanh lọc mọi ảo tưởng do tham sân si gây nên, biến đất tâm của mình thành ruộng công đức. Những người hiểu được giá trị thật của đất tâm như vậy, sẽ biết gieo vào đất tâm những hạt yêu thương, những hạt giới đức, để cho từ bi và trí tuệ nảy mầm kết trái xanh tươi, từ đó có thể dùng tâm để quán sát lý nhân quả, tính cách vô thường và vô ngã của vạn sự vạn vật; dùng tâm để mở rộng lòng thương yêu đến mọi sự mọi vật trong cuộc đời, nhờ tâm mà không thấy mình là trung tâm điểm của vũ trụ, từ đó biết buông bỏ những ham muốn không bao giờ được thỏa mãn. Những người như vậy chính là những người chủ thật sự có trách nhiệm của một mảnh đất tâm màu mỡ.

Tấc đất là tấc vàng. Tấc đất tâm cũng là tấc vàng hiểu theo ý nghĩa là của báu. Chỉ tùy theo cách nhìn nhận giá trị của đất cũng như của đất tâm mà con người có những biện pháp sử dụng đất và đất tâm khác nhau. Sử dụng đất bằng lao động cần cù hoặc sự nghiên cứu cần thận trên tinh thần trách nhiệm, cũng giống như sử dụng đất tâm bằng từ bi hỷ xả và giới định tuệ, sẽ đem lại an lạc và tự do. Mong sao chúng ta nhớ lời dạy của cha ông, trong trường hợp này cũng không xa lời Phật dạy, đừng để đất hay đất tâm bị hoang hóa mà phải đắm chìm trong khổ đau và nô lệ. ■

*Pháp được Thế Tôn giảng dạy thì liên
hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời.
Hãy đến để mà thấy, pháp ấy có khả
năng hương thượng, được người trí tự
mình giác hiểu.*

Lời Phật

(Kinh Kassapa, Tương Ưng Bộ)



Ảnh: Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Nguồn: consonkiepbac.org.

Ý nghĩ tản mạn về chân lý người sáng ở phương Đông

HÒA THUƠNG THÍCH CHƠN THIÊN

Bước đầu học Anh ngữ thường sử dụng các câu hỏi bắt đầu bằng chữ WH (Who, Whom, Which, What, Where): Ai? Cái gì, những gì? Cái nào? Ở đâu? v.v... Đây là những câu hỏi đầu môi mà các trẻ em hiếu kỳ thường hỏi về các sự vật xung quanh mình. Đây cũng là các câu hỏi tra vấn cuộc đời, ngạc nhiên về hiện hữu, thái độ rất triết lý.

Câu trả lời cho các câu hỏi ấy sẽ rơi vào một trong các cấp độ: đặt tên, thuật tả, nói về cấu trúc, cấu tạo, chức năng, công dụng hay gộp tất cả ý nghĩa ấy. Tại đây, nếu hỏi thêm thì đó là câu hỏi ám chỉ bản chất, bản thể, hay sự thật của căn gốc, tối hậu của sự vật. Và, câu trả lời là sự mở ra các triết thuyết, học thuyết hay các tôn giáo tín ngưỡng tôn thờ một đấng sáng thế như là nguyên nhân đầu tiên của thế giới, đáp ứng sự mong mỏi của tư duy đầy ngã tính (self, nature), nhị nguyên tính (dualism).

Ai cũng biết rằng dù triết lý hay tín ngưỡng có chủ trương như thế nào về vũ trụ, thì vũ trụ xưa nay qua nhiều vạn năm vẫn là vũ trụ của đã là, sẽ là như đang là trong hiện thế. Nó hiện hữu giữa vạn duyên biến động không ngừng của kết hợp, đan xen. Cái bàn viết là gì? - là những gì nó đang là: là gỗ đến từ cây, cây phải phát triển từ đất, tụ thành từ đất, nước, gió, lửa, ánh sáng mặt trời của mặt trời tồn tại dựa vào sự tồn tại của các thiên hà... Cái bàn là thế. Mà vạn hữu cũng đều là thế. Không có một yếu tố nào độc lập, là yếu tố đầu tiên thực sự có mặt. Các hiện hữu hiện ra như con người của ý nghĩ "mình vì mọi người, mọi người vì mình".

Con đường tư duy "tra vấn cuộc đời" ấy đã dẫn dắt phương Tây đến một số bến bờ của khoa học, khám phá ra một ít túi bí mật của quy luật tự nhiên, và khi khám phá ra sấm, quế, hổ tiêu, các mỏ khoáng sản, kim khí v.v. mở ra các vùng thuộc địa ở Á, Phi. Con đường đó đưa họ đến sự phát triển chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, phát triển kinh tế

thị trường tự do với vô số của cải tài sản, và nhận chìm chúng trong các cuộc khủng hoảng kinh tế định kỳ và bất định kỳ, và chiến tranh lạnh, nóng. Con đường đó đang đẩy họ đi tới điểm không thể kiểm soát được những sản phẩm mà họ làm ra. Họ đang dọ dẫm những bước đi hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu với ý định tiếp tục thủ lợi cho tự thân bằng những con đường mới. Nhưng có lẽ đây là khúc quanh định mệnh. Họ đến phương Đông, nơi mà một danh ngôn Pháp đã nói "Mặt trời đến từ phương Đông" (Le Soleil vient de l'Orient). Họ gặp ngay một nhà vua giác ngộ Việt Nam Phật Hoàng Trần Nhân Tông, với chủ trương "Trong nhà có báu đừng chạy kiếm/Đối cảnh tâm không chớ hỏi thiền" (Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch/Đối cảnh vô tâm, mạc vấn thiền) và gặp ngay một vị đại thiền sư đời Trần, Tuệ Trung Thượng Sĩ, với câu nói vang vọng để đời "Đạo không có trong câu hỏi/Câu hỏi không có trong đạo" (Đạo bất tại vấn, vấn bất tại đạo) - Các thiền sư Trung Hoa và Nhật Bản cũng nói tương tự - Họ khựng lại trước cuộc khủng hoảng năng lượng, tài chính và kinh tế, mơ hồ nhìn về xa xăm như đang cố tìm một hướng đi mới. Họ tiếp tục nói như mới về nhân quyền, về tự do tín ngưỡng với những người phương Đông rất nhân văn và đang sống với một tín ngưỡng lớn nhất, rất tự nhiên, là tín ngưỡng thực tại của nhân ái và công bằng, và sẵn sàng khoan dung, tha thứ cho những người từng gieo rắc khổ đau trên đất nước của họ, và đề nghị những người - tra - vấn - cuộc - đời ấy hãy soát xét lại cùng lúc các lý thuyết về kinh tế, tài chính, nhân quyền và tự do tín ngưỡng kia hầu để có chung tiếng nói hội nhập của cộng đồng trái đất.

Có lẽ câu nói "ánh sáng đến từ phương Đông" là sự thật. Con người cần đến với sự thật ở ngoài mọi mặc cả. ■

(Nguồn: Người Đại Biểu Nhân Dân số 159)



Danh hiệu kỷ lục

sự phù phiếm không đáng có

LUU DUNG XUẤT

Lời Tòa Soạn: *Nhận định về việc công bố các kỷ lục của Lưu Dung Xuất tuy mang tính cá nhân nhưng cũng phản ánh quan điểm đồng tình của một số độc giả. VHPG mong nhận được các ý kiến phản hồi về bài viết này.*

Xét về mặt từ nguyên, ban đầu, *kỷ lục* chỉ là một động từ có nghĩa là ghi chép hay biên chép, tương đương với *record* trong tiếng Anh hay *enregistrer* trong tiếng Pháp. Về sau, người Anh dùng *record* như một danh từ với nghĩa chính là *điều được ghi chép hay biên chép*. Cho đến khi có nhu cầu nói đến những thành tích cao nhất hay sự kiện thiên nhiên cực độ đã được ghi nhận, từ *record* lại được người Anh sử dụng. Cho nên, hiện nay, *kỷ lục* được coi là một danh từ chỉ những thành tích cao nhất hay sự kiện thiên nhiên cực độ đã được ghi nhận.

Con người thường tò mò muốn biết về những cái nhất trong cuộc đời, từ ngọn núi cao nhất đến con sông dài nhất, từ giống thú nào chạy nhanh nhất đến loài chim nào

bay cao nhất, vân vân. Việc tranh cãi về những thứ như vậy thật sự khó dàn xếp được, vì ai cũng cho điều mình biết là chính xác. Nhu cầu có một sách tham khảo ghi rõ những cái nhất như thế được phát hiện bởi một nhà quý tộc Anh, Sir Hugh Beaver, khi ông ta là Giám đốc điều hành Nhà máy bia Guinness của Ai-nhĩ-lan.

Người ta kể lại rằng vào tháng Năm năm 1951, trong một lần đi săn chim trên bờ sông Slaney thuộc hạt Wexford, ông ta cãi nhau với hội săn của mình về việc giống chim nào bay nhanh nhất, loài chơi chơi hay loài gà gô. Chiều hôm ấy trong một quán rượu, ông ta nhận thức được rằng chẳng có tài liệu tham khảo nào đáng tin cậy có thể giúp ông ta phân định đúng sai về vấn đề ấy. Ông ta cũng nhận thấy có vô số những vấn đề tranh cãi hàng đêm trong

những quán rượu ở Anh quốc hay Ái-nhĩ-lan liên quan đến cái gì thuộc vào hạng nhất. Ông ta nghĩ rằng một quyển sách cung cấp câu trả lời cho những câu hỏi loại ấy sẽ là một quyển sách được ưa chuộng.

Ý tưởng ấy được Hugh Beaver ấp ủ, nhưng mãi đến năm 1954, khi người ta tiến cử cho ông hai anh em sinh đôi Norris và McWhirter lúc ấy đang điều hành một cơ quan tìm kiếm dữ liệu ở Luân Đôn, ý tưởng ấy mới được thực hiện. Tháng Tám năm 1954, quyển sách ghi nhận kỷ lục đầu tiên được phát hành có tên là *The Guinness Book of Records*. Một ngàn bản đã được in ra để phát không.

Quyển sách được hâm mộ ngoài sức tưởng tượng của Beaver nên sau đó ông này đã tổ chức *Công ty trách nhiệm hữu hạn Kỷ lục Thế giới Guinness* chuyên cung cấp việc ghi nhận các kỷ lục thế giới và phát hành thành sách hàng năm. Về sau, công ty này được bán lại cho nhiều tổ chức kinh doanh giải trí nối tiếp nhau, nhưng tài liệu được phát hành vẫn duy trì cái tên *Sách Kỷ lục Thế giới Guinness*. Tất nhiên, về sau sách kỷ lục thế giới Guinness được bán chứ không phát không nữa.

Đi xa hơn, các tổ chức kinh doanh giải trí ấy còn gián tiếp khuyến khích việc lập các kỷ lục mới và phá các kỷ lục cũ hàng năm, nhiều kỷ lục thật là quái đản, như *kỷ lục ăn bánh mì kẹp thịt nhiều nhất và nhanh nhất, kỷ lục chịu nhiều ong chích nhất*, vân vân. Các tổ chức kinh doanh giải trí ấy cũng quy định những thủ tục để một kỷ lục được công nhận. Những người muốn phá kỷ lục cũ hay lập kỷ lục mới trong một lãnh vực nào đó phải nộp lệ phí và Công ty Guinness sẽ tổ chức việc thực hiện để một cơ quan có tính cách vô tư kiểm chứng và công bố.

Thực ra, việc ghi nhận các kỷ lục trên thế giới chỉ là một trò giải trí vô bổ, chưa kể trong nhiều trường hợp, có những thành tích được coi là kỷ lục có thể gây hại cho người lập kỷ lục ấy. Thêm vào đó, mức độ chính xác của việc ghi nhận kỷ lục càng về sau này càng bộc lộ những điều chưa hẳn là trung thực. Mặt khác, có những kỷ lục bị coi là ngớ ngẩn, chẳng hạn, sau khi công bố kỷ lục về "con mèo nặng nhất", hàng ngàn chủ nuôi mèo đã cố gắng vỗ béo con mèo cưng của họ chỉ với mục đích được công nhận phá kỷ lục năm trước khiến cho mèo nuôi mập quá mức thích hợp với sức khỏe của chúng; kết quả là năm sau kỷ lục ấy bị bãi bỏ. Một loại kỷ lục khi bị bãi bỏ cũng là điều gây tranh cãi, vì như vậy, phải chăng kỷ lục đã được công bố là kỷ lục không thể bị vượt qua?

Nói tóm lại, ngay tại quê hương của các nhà lập kỷ lục, vấn đề ghi nhận kỷ lục cũng chịu nhiều phê phán chỉ trích, và càng ngày người ta càng nhận rõ tính cách phù phiếm của việc này.

Giáo lý nhà Phật nhấn mạnh đến nguyên lý duyên khởi và vô ngã của vạn pháp. Do duyên khởi và vô ngã nên vạn sự đều vô thường. Mục tiêu của hành giả đạo Phật là nhận chân được tính cách duyên sinh, vô ngã, vô thường của mọi sự mọi vật để tìm được sự an lạc trước tất cả những thay đổi của cuộc đời. Hành giả đạo Phật hiểu được tánh

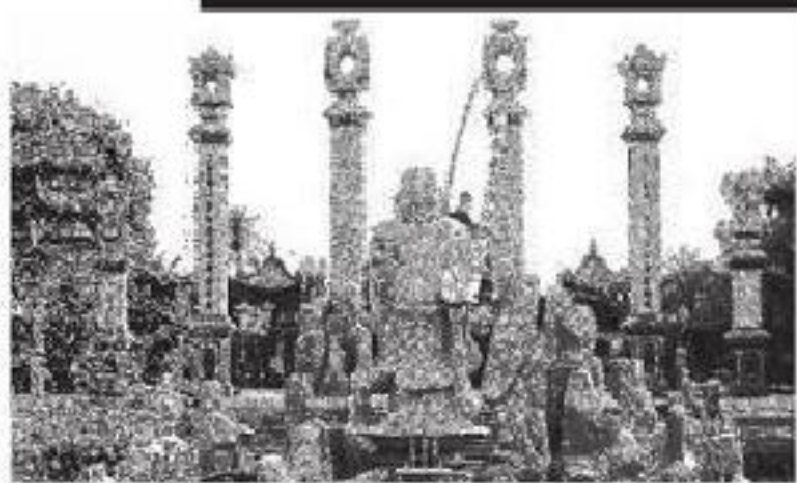
Không của vạn pháp sẽ thấy mọi sự mọi vật trong cuộc đời chỉ như những hình ảnh phản chiếu trong gương, khi sự vật đi qua, mặt gương lại không tì vết. Từ đó, hành giả không chấp trước vào bất kỳ danh hiệu nào, kể cả những danh hiệu có thực chất như khi được tôn xưng là bậc chấp trì giới luật nghiêm túc nhất. Danh hiệu có thực chất đến như vậy còn không mong cầu thì sá gì phải mong cầu những danh hiệu phù phiếm như việc lập được kỷ lục về việc này hay việc nọ? Chúng ta biết rằng, một kỷ lục đã được lập cũng là một kỷ lục sẽ bị vượt qua. Ngay cả những sự kiện thiên nhiên có thể cũng không tránh khỏi việc bị xói mòn hay vì động đất, bão tuyết làm tan vỡ. Hiển nhiên, mỗi kỷ địa chất đều đem lại những thành tạo địa chất mới, phá vỡ các thành tạo địa chất trước đó.

Một sự kiện có giá trị lớn lao tự thân nó biểu lộ giá trị ấy, không phải đợi đến khi có một tổ chức nào đó cấp cho sự kiện ấy một giấy chứng nhận thì nó mới có giá trị. Việc Bồ-tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân không vì bài thơ ca ngợi của nhà thơ Vũ Hoàng Chương mà trở nên vĩ đại hơn. Tuy nhiên, bài thơ ca ngợi của nhà thơ Vũ Hoàng Chương được viết ra do cảm xúc thực của ông, có thể truyền đi ngọn lửa từ bi của trái tim Quảng Đức, nên người ta vẫn trân trọng bài thơ ấy.

Thế nhưng một sự kiện như việc Hòa thượng Thích Chơn Thiện dẫn đầu đoàn hoàng pháp Việt Nam đến thăm các cộng đồng người Việt ở các quốc gia Bắc Âu và Đông Âu tự nó đã có giá trị, sao phải chờ Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam tổ chức trao bằng kỷ lục để có thêm hào quang? Việc bài hát "*Phật giáo Việt Nam*" do cư sĩ Lê Cao Phan sáng tác ai cũng biết là bài hát đầu tiên được chọn làm đạo ca cho Phật tử Việt Nam từ lâu, phải chăng chỉ khi Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam tổ chức trao bằng thì mới khẳng định được vị trí đó?

Cũng có ý kiến cho rằng, dù một sự kiện tự thân nó đã có giá trị mà lại được một tổ chức nào đó lên tiếng khẳng định về giá trị ấy thì cũng vẫn có tác dụng quảng bá và cũng mang lại lợi lạc. Điều đó đúng. Nhưng chỉ đúng khi tổ chức lên tiếng khẳng định sự kiện ấy có một danh tiếng đứng đắn và có thẩm quyền thực sự trong lĩnh vực được khẳng định. Điều đó sẽ không đúng với một hình thức khẳng định vốn được coi là chỉ có giá trị giải trí. Việc ghi nhận kỷ lục cấp quốc tế như của Guinness cũng chỉ có giá trị giải trí, thì những tổ chức ghi nhận kỷ lục cấp địa phương làm sao vượt qua được cái định kiến giải trí của việc cấp bằng kỷ lục?

Một điều đáng buồn nữa là trong đợt trao danh hiệu kỷ lục mới đây cho các hoạt động Phật giáo, có hiện tượng kỷ lục được trao cho ông Vũ Ngọc Toàn về danh hiệu người viết nhiều ca khúc Phật giáo nhất đã bị tranh cãi, khiến cho những danh hiệu khác được trao chung trong đợt cũng bị nhìn bằng con mắt ngờ vực. Không bàn về vấn đề đúng sai của các lập luận bênh hay chống ông Toàn, ở đây chúng ta chỉ cảm thấy ngớ ngẩn khi những người giảng dạy về tánh Không lại bận tâm đến những danh hiệu phù phiếm. ■



Đêm Hoa Đăng trên dòng Hiền Lương

QUÁCH GIAO

Từ dãy núi phía Tây huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa có một con sông nhỏ đổ nước vào vịnh Vân Phong tại cửa Hiền Lương. Dòng sông nhỏ hiền hòa ấy được gọi là sông Hiền Lương, quanh năm có nước trong xanh nhưng dòng chảy không mạnh, chỉ lờ lờ trôi ra biển. Hai bên bờ sông thấp thoáng xóm làng và những hàng cây tỏa bóng mát xuống dòng sông. Ra gần đến cửa Hiền Lương thì có thôn Hiền Lương, một khu dân cư tập trung những người làm nghề chài lưới nhưng không kém phần mộ đạo.

Trước đây thôn Hiền Lương chỉ là một vùng đất hoang vắng, rừng nối với biển. Nghe kể rằng vào thời vua Lê Hiến Tông thuộc nửa sau thế kỷ thứ 18 có vị Hòa thượng Đại Bửu mang pháp hiệu Kim Cang Đại lão Tổ sư gốc người Quảng Nam đến ngồi tu thiền dưới gốc một cây kén cổ thụ lối đầu thôn. Thấy nơi đây phong cảnh u nhã, ngài quyết định ở lại hành đạo hoằng hóa nên đã ra công xây dựng một ngôi phạm vũ, hoàn tất vào năm Cảnh Hưng thứ 22 (1761), đặt tên chùa là Sa Long tự.

Năm Tự Đức thứ 21 (1867), chùa bị cháy và được xây

cất lại. Sau khi trùng tu, chùa đổi tên là Linh Sơn tự. Từ đó đến nay, chùa tiếp tục được trùng tu nhiều lần. Mái chùa vươn cao, chánh điện uy nghi, tầng phòng tịnh xá thoáng mát và tiện nghi; tuy thời gian cũng có làm cho đôi chỗ tàn tạ nhưng toàn thể ngôi chùa vẫn được chăm sóc cẩn thận. Hòa thượng Quảng Đức, vị Bồ tát đã vị pháp thiêu thân năm 1963, từng có nhiều năm tu tập tại nơi này. Chùa có một khu vườn rộng rãi; ngày xưa trước chánh điện có một hồ sen nhưng nay đã được cải biến thành một vườn quẩn sơn nho nhỏ vây quanh tượng Đức Phật Di Lặc Từ Tôn đứng tươi cười nhìn dòng sông Hiền Lương lặng lẽ trôi trước mặt.

Ngày xưa, ngay sát cổng tam quan, có một cây xoài cổ thụ thân cao to, tàng tỏa rộng như một chiếc lọng che mát sân chùa. Về sau, cây xoài này già cỗi và chết, thân cây được chùa cho người xẻ thành một bộ ván gồm bốn tấm dài gần ba thước rộng tới hai thước rưỡi, hiện vẫn còn tại chùa.

Cây kén phía sau chùa nơi ngài Đại Bửu đến ngồi thiền trước khi dựng chùa hiện nay vẫn còn sừng sững.

Nghe kể khi ngài Đại Bửu ngồi thiền có một con cọp đến kỳ sanh đẻ đã đến sanh một bầy cọp con gần chỗ ngài ngồi. Thân cây kén to đến ba người đang tay ôm không hết, cành lá vươn cao, xanh tươi tỏa bóng mát nơi hậu viên chùa. Giữa tàng lá, luôn vang tiếng chim cu gù hòa cùng tiếng riu rít của đàn chim sâu. Tuổi thọ của cây cũng phải đến ba, bốn trăm năm.

Ngoài ra, chùa còn có một quả đại hồng chung được đúc vào năm xây dựng chùa. Trên thành chuông còn ghi năm tháng chú tạo, "Cảnh Hưng nhị thập nhị niên, Tân Ty, bát nguyệt". Trong thời chiến tranh giữa nhà Tây Sơn với Nguyễn Ánh, có lúc chuông bị thất lạc. Sau, có người phát hiện chuông nơi cửa sông Hiền Lương nên dân làng kéo nhau rước chuông về chốn chùa xưa; hiện chuông vẫn được treo bên hiên chùa.

Hòa thượng Đại Bửu viên tịch ngày mồng hai tháng Chạp năm Giáp Thân (1764), truyền y bát lại đến nay được tám đời. Trụ trì đời thứ bảy là Hòa thượng Tịch Tràng; Hòa thượng quy Phật địa vào ngày 24 tháng Năm năm Bính Thìn (1976).

Năm nay, chùa Linh Sơn tổ chức lễ hiệp kỳ chư vị Tổ sư và tưởng niệm húy nhật lần thứ 33 có Hòa thượng Tịch Tràng vào ngày 24 tháng Năm năm Kỷ Sửu, nhằm ngày 16 tháng Sáu năm 2009. Từ ngày 23 tháng Năm, chùa đã tổ chức cúng ngọ, cúng tổ vào buổi sáng; đến chiều, chùa lại lập trai đàn chẩn tế và vào đêm, một buổi lễ phóng đăng đã được tiến hành thật trang nghiêm và tráng lệ.

Nằm giữa một bên là đường sắt và một bên là con đường thiên lý Bắc Nam, cho nên phía Tây chùa là một chiếc cầu đường sắt còn phía Đông có một cây cầu đường bộ bắc qua con sông Hiền Lương.

Trời vừa chạng vạng, hàng hàng thuyền câu từ các bến sông xa đã về tụ hội bên bờ sông trước lễ đài. Dưới chân cầu sắt, thuyền đậu san sát; những chiếc thuyền đến muộn đành neo dưới bóng cây tỏa rộng bóng mát dọc theo bờ sông. Trên bờ là lớp lớp Phật tử, dưới sông là hàng hàng thuyền câu, nối tiếp nhau. Không một lời kêu gọi, không một tiếng í ới. Không gian trên sông và trong thôn xóm tràn ngập một niềm vui tĩnh lặng chờ giờ giắc thiêng liêng của buổi lễ phóng hoa đăng.

Buổi lễ được ấn định khai mạc vào đúng 8 giờ tối. Ngay lúc chư tôn đức Hòa thượng đã đứng vào vị trí trước dãy bàn có bày hương đèn hoa quả thì tình cờ một chiếc tàu hỏa Bắc Nam vượt qua cầu. Tiếng ì ầm của đoàn tàu vượt qua cầu sắt vọng về khe làm rung rinh mặt nước sông. Khi ánh sáng của những ngọn đèn trước đầu chiếc tàu hỏa tắt lịm và tiếng ì ầm tan biến thì buổi lễ bắt đầu.

Trong khuôn viên trước chùa, ánh đèn pha từ góc sân bùng sáng lên soi rõ nét mặt an nhiên của pho tượng đức Di Lặc Từ Tôn như đang nở một nụ cười vui nhìn đàn con Phật đứng sắp hàng hai, từ chân tượng ra đến tận bờ sông. Giữa hai hàng Phật tử là những chiếc hoa đăng sắp xếp hàng đôi thẳng như một hàng rào hoa

lung linh muôn sắc. Vì khuôn viên hành lễ nằm sâu dưới lòng sân chùa vuông vức nên cảnh tượng này trông chẳng khác nào một đoàn Phật tử đang từ lòng biển chuẩn bị bước lên bờ đem hoa đăng Đức Phật.

Dọc bờ sông, đồng bào trong làng, cả cụ ông lẫn lão bà, cả thanh niên và thiếu nữ lớn nhỏ, đều đứng trang nghiêm tuy không thành hàng nhưng vẫn có thứ lớp; cảnh tượng trông thật cảm động.

Sau lời mở đầu nhằm giải thích ý nghĩa việc phóng hoa đăng của Đại đức Thích Chúc Minh, cánh cửa nơi bậc thềm dẫn xuống bến sông được mở rộng. Từng đoàn Phật tử, hai tay nâng hoa đăng, lần lượt bước xuống bờ sông thả hoa đăng vào lòng sông. Khác với mọi nơi, pho tượng Đức Di Lặc Từ Tôn tươi cười đứng thẳng giữa các cụm đá. Trên bờ sông ngay trước lễ đài, những ngọn đèn trong lòng ba mươi đóa sen hồng vụt sáng lên hắt ánh sáng lung linh xuống dòng nước; như thể nụ cười của đức Di Lặc đã nở thành những đóa sen trang nghiêm bên bờ sông.

Từ những chiếc thuyền câu neo nơi chân cầu sắt, những chiếc hoa đăng cũng bắt đầu được thả xuống nước. Những chiếc thuyền đậu dọc theo bờ cũng nhịp nhàng tách bến, từ từ lướt ra giữa dòng. Hàng chục, hàng trăm chiếc đèn lồng hình bông sen trong lòng có thắp những ngọn nến lung linh bồng bóng trôi trên sông. Nước sông lờ lững chảy, hoa đăng chậm chạp trôi. Nhịp nhàng hình bóng những người con Phật từ tốn lội xuống mép nước cung kính đặt những chiếc hoa đăng xuống mặt nước rồi đưa tay khỏa nhẹ làn nước tiễn hoa đăng trôi ra giữa dòng. Từ tốn thả hoa đăng rồi nhanh nhẹn bước lên bờ nhường chỗ cho người khác tiếp tục thả hoa đăng. Trời chỉ hiu hiu gió vừa đủ cho ánh sáng của trăm ngàn ngọn nến lung linh trên những chiếc hoa đăng chậm chạp trôi ra phía cửa sông. Trăm ngàn chiếc hoa đăng trôi trên sông không một ngọn nến nào bị tắt; không một đóa hoa đăng nào loạng choạng đến nỗi không kịp trôi về với biển cả.

Trong bầu không khí trang nghiêm của buổi lễ, tưởng như nụ cười của Đức Phật Di Lặc lại hóa thân thành muôn vạn đóa hoa đăng gửi đến cho muôn ngàn sinh linh còn đang phiêu diêu nơi trần thế. Dòng sông tuy nhỏ mà như dài thăm thẳm hết một dải lụa đen lóng lánh ánh kim tuyến. Trong cõi vô thường này, đêm nay có biết bao tâm hồn rung động. Người ở dương gian nhớ người đã khuất, thành tâm gửi cho nhau một ánh đèn để sưởi ấm nỗi cô đơn, để thắp sáng đường về cho những âm hồn quạnh quẽ. Con sông nhỏ mà dài, đủ để chở muôn ngàn ánh hoa đăng đi vào cõi mệnh mỏng. Mệnh mỏng ngoài trời và mệnh mỏng cõi lòng...

Đến mười giờ đêm thì cuộc lễ phóng hoa đăng chấm dứt. Một chuyến tàu hỏa từ Nam ra Bắc lại xinh xịch vượt qua cầu sắt. Ánh sáng và tiếng động lại chợt đến rồi lại chợt tắt ngấm và lặng im. Trên dòng Hiền Lương muôn ngàn ánh hoa đăng vẫn tiếp tục lung linh trôi. ■

Lúa chín đúng thời

NGUYỄN THI



Đức Phật chỉ dạy cho các học trò mình cách thức tu tập để giải thoát khổ đau luân hồi, cơ bản dựa trên sự phát triển ba phẩm chất tự nội là đạo đức, tâm linh và trí tuệ, thường gọi là Giới-Định-Tuệ hay còn gọi là Tăng thượng giới, Tăng thượng tâm, Tăng thượng trí tuệ. Ngài khuyên họ phải chuyên tâm nỗ lực thực hành Tăng thượng giới, Tăng thượng tâm, Tăng thượng trí tuệ nhưng không nên bận tâm về kết quả, vì tâm giải thoát là kết quả hết sức tự nhiên một khi có sự nỗ lực tu tập đúng đắn. Tựa như người nông phu khéo cày bừa thửa ruộng của mình, rồi đúng thời gieo mạ, đúng thời cho nước vào ra, đúng thời bón phân cho ruộng lúa. Cứ thế, vị ấy kiên trì chăm bón cho ruộng lúa của mình thì đúng thời lúa sẽ trở hạt và chín vàng.

Thông thường, chúng ta làm một việc gì thì cứ mong sao cho chóng có kết quả. Tâm lý này thường mang lại nhiều hệ quả không hay. Chúng ta thiếu tập trung đầy đủ và chính đáng vào những gì mình đang làm hoặc làm vội làm dối mọi việc cho xong. Hệ quả là những gì chúng ta

làm ra không đạt kết quả tốt đẹp như mong muốn. Không biết bao nhiêu hệ quả xã hội đáng buồn và đáng trách cứ liên tục xảy ra khiến chúng ta vô cùng lo lắng, tất cả chỉ là do lòng người quá chú trọng về lợi ích trước mắt. Ngày trước, Đức Phật khuyên người nông phu khéo cày bừa thửa ruộng của mình, rồi đúng thời gieo mạ, đúng thời cho nước vào ra, đúng thời bón phân cho ruộng lúa. Người nông phu phải khéo trông nom chăm bón cho ruộng lúa của mình và không có quyền ra lệnh: *"Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín"*. Nhưng ngày nay, tâm lý nôn nóng muốn có được kết quả nhanh chóng đôi khi khiến chúng ta bỏ quên nhiều kinh nghiệm bổ ích. Chúng ta thiếu lòng tin và không đủ sức chờ đợi một kết quả chín muồi tự nhiên khi bắt tay làm điều gì đó. Chúng ta muốn kết quả đến thật nhanh và ngày nay điều đó dễ như trở bàn tay. Rõ là chúng ta có thể thu được những kết quả lợi ích trước mắt, nhưng sự thật thì nhiều sản phẩm chúng ta làm ra không đạt chất lượng, không còn tự nhiên, không



bảo đảm độ an toàn lâu bền. Câu chuyện đạo lý “Lúa chín đúng thời” do Đức Phật dạy cho các học trò mình sau đây¹ lưu ý với chúng ta về lòng tin, tính kiên trì và kết quả lợi lạc tốt đẹp, hết sức tự nhiên, của việc đầu tư thích đáng và nỗ lực đúng đắn:

“Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng; sau khi mau lẹ khéo cày, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống; sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): “Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín”. Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm. Thế nào là ba?

Chấp hành tăng thượng giới học, chấp hành tăng thượng tâm học, chấp hành tăng thượng tuệ học. Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): “Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy”. Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tâm học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập”. ■

1. Kinh Cấp thiết, Tăng Chi Bộ.



Nhiệt tâm cần mẫn

VIÊN MINH

Làm việc gì chúng ta cũng cần có sự cố gắng, chuyên cần, siêng năng, nỗ lực, hăng hái, nhiệt thành *vừa đủ* để thực hiện công việc đó; nếu không chúng ta sẽ không thể hoàn thành bất cứ việc gì dù dễ hay khó. Thái độ tiêu cực, lười biếng, buông xuôi, chểnh mảng, phóng dật, hay “*nhắm mắt đưa chân*” đều là đầu mối của sự thoái hóa, sa đọa, suy đồi và thất bại trong mọi lãnh vực.

Tích cực hay cần mẫn đúng đắn được gọi là *chánh tinh tấn*, một trong bốn yếu tố quyết định để hoàn thành mọi việc:

- 1/ Nguyên vọng chính đáng
- 2/ Tinh cần đúng mức
- 3/ Chuyên chú nhất tâm
- 4/ Thông hiểu sự lý

Đầy đủ bốn yếu tố này, chúng ta có thể thực hiện thành công bất cứ việc gì dù khó đến đâu. Giả sử chúng ta có nguyên vọng chính đáng và đã hiểu biết thành thạo sự việc, mà thiếu nỗ lực thích ứng thì không thành tựu nào có thể đạt được.

Trong thiền Vipassanā, chánh niệm tỉnh giác là hai yếu tố cốt lõi, nhưng nếu thiếu tinh tấn thì vẫn không đủ lực để thể hiện giác niệm một cách đúng mức cần thiết cho sự quán chiếu trung thực.

Như con dao hai lưỡi, tinh tấn tự nó là trung tính, nhưng khi ứng dụng vào hành động của thân tâm thì nó quyết định mức độ đúng, sai, thiện, ác. Tinh tấn thích ứng, vừa đủ là đúng; tinh tấn yếu kém hay dư thừa là sai. Siêng năng trong điều lành là thiện, hăng hái trong việc ác là bất thiện, vì vậy mới có chánh tinh tấn và tà tinh tấn.

Mặc dầu nhiệm vụ của chánh tinh tấn là ngăn ngừa và từ bỏ điều xấu ác (pháp bất thiện), đồng thời, gieo trồng và phát triển điều tốt lành (pháp thiện), nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta phải cố gắng trừ khử điều ác một cách chủ quan, và phát triển điều lành theo quan điểm luân lý nào đó hay quan niệm đạo đức của riêng mình. Bao lâu chưa thấy bản chất thật của thiện ác, đúng sai mà nỗ lực hành động theo quan niệm đạo đức sẵn có thì chúng ta vẫn còn bị dính mắc hay ý lại vào khuôn sáo, đầu phải là chánh tinh tấn! Dù chúng ta có cố gắng rập khuôn đúng mẫu đạo đức nào đó thì vẫn hàm nghĩa lười biếng, vì sâu trong tiềm thức chúng ta có khuynh hướng bắt chước khuôn mẫu có sẵn hơn là tự mình khám phá sáng tạo.

Giống như khi bạn đi trên con đường phẳng phiu đã dọn sẵn, thì bạn đâu cần phải dọ dẫm thận trọng từng bước chân, nhưng đồng thời bạn cũng dần dần đánh mất khả năng sáng tạo và tỉnh tế để khám phá những chuyển biến bất ngờ. Vậy khi chọn cho mình con đường phẳng phiu dọn sẵn, chắc hẳn trong đáy sâu của tâm thức đang ẩn chứa một sự biếng lười, không dám đối mặt với bản chất vô thường của đời sống.

Ví như, bạn nói, nhờ cố gắng theo một phương pháp thiền nào đó bạn sẽ giác ngộ nguyên lý vô thường, nhưng hãy coi chừng, đó có thể chỉ là vô thường mà bạn tưởng tượng theo công thức đã có sẵn được mô tả trong kinh

điển, không phải là bản chất vô thường thật sự trong đời sống hàng ngày mà bạn cố tình lẩn tránh! Đây chắc chắn không phải là chánh tinh tấn mà chúng ta cần đến.

Cần khám phá xem chúng ta đang cố gắng như thế nào và vì mục đích gì? Không phải lúc nào tinh tấn cũng đúng, dù tinh tấn để hỗ trợ giác niệm. Vì khi giác niệm sai hoặc không chính xác thì càng tinh tấn càng tệ hại hơn. Trong trường hợp này, tinh tấn chỉ uống phí công sức và thời gian vô ích mà thôi.

Nhiều hành giả than phiền rằng họ đã cố gắng giác niệm hết mình để diệt trừ sân hận, nhưng thất bại. Người khác hành thiền hết sức tinh tấn để mong đạt được định tuệ, mà vẫn không thành công. Tại sao? Lý do là vì họ đã tinh tấn sai lầm, áp dụng giác niệm sai lầm và hướng đến mục đích sai lầm!

Tinh tấn với một mức độ không thích hợp (quá nhiều hoặc quá ít) là sai lầm thứ nhất. Giác niệm một cách chủ quan (theo tư ý của mình) là sai lầm thứ hai. Và nếu mục đích tinh tấn giác niệm cốt để loại trừ điều không thích hoặc đạt được điều ưa thích thì đó là sai lầm thứ ba. Mặc phải ba sai lầm này, dĩ nhiên, không hành giả nào gặt hái được lợi ích gì mà chỉ tự mình chuốc hại vào thân, dù có tinh tấn đến đâu đi nữa.

Ý chí thúc đẩy bạn tinh tấn giác niệm để loại trừ tâm sân cũng chính là một tâm sân khác, như vậy chẳng khác nào đổ dầu để giập lửa. Theo cách đó, bạn càng cố gắng càng tạo ra xung đột trong chính bạn. Trong cuộc xung đột nội tại này dù thắng hay thua, thì thực ra bạn vẫn thất bại, vì chỉ tạo điều kiện cho phiền não khổ đau gia tăng áp lực mà thôi. Giống như khi bạn ép một trái bóng càng mạnh thì không khí bên trong càng gia tăng áp lực.

Vậy tại sao bạn phải tiêu hao năng lực để chống lại cái không thích (sân) khi nó chính là cơ hội tốt giúp bạn thấy ra chính mình - thấy ra bản chất của tâm trạng không vừa lòng mà đang sau đang ẩn giấu “cái ta” nguy hiểm?

Mặt khác, cố gắng đạt được điều ưa thích là tham, lúc đó càng tinh tấn càng tạo ra lực ly tâm lớn hơn. Thế rồi chính sự hướng cầu bên ngoài này làm bạn tiêu hao và phân tán năng lực. Trong lãnh vực này, một lần nữa bạn lại thất bại vì đã tạo thêm điều kiện cho khổ đau phiền não gia tăng.

Vì vậy, bao lâu còn chưa thấy ra sự thật thì sự nỗ lực phản ứng vội vàng của chúng ta chỉ làm cho sự việc rắc rối và tệ hại hơn mà thôi. Giống như gỡ một đồng chỉ rối mà không thấy ra đâu là đầu dây mối nhợ thì càng cố gỡ càng làm cho nó rối bời thêm.

Tinh tấn chỉ nên hiểu theo nghĩa phủ định như là không buông xuôi, không lơ là, không lười biếng, không tiêu cực thụ động v.v. Vì nghĩa xác định dễ bị hiểu lầm theo kiến thức của mỗi người, rồi được ứng dụng chủ quan, theo một kiểu mẫu sai lầm. Mức độ cố gắng phải thích ứng với từng trường hợp khác nhau. Nếu không đủ minh mẫn bén nhạy để điều hợp đúng mức nỗ lực của mình thì có thể chúng ta chỉ phí công vô ích mà thôi. Thông thường



chỉ cần chúng ta không buông xuôi, giải đãi, tiêu cực, thì sau đó chính nỗ lực sẽ tự điều chỉnh mức độ cần yếu theo luật vận hành tự nhiên của pháp.

Ví dụ, khi lên hay xuống dốc, khi qua đường lầy lội hoặc gồ ghề v.v. sự nỗ lực của chúng ta biết tự động điều chỉnh mức độ thích ứng như thế nào cho từng bước chân theo phản xạ tự nhiên, mà chúng ta không cần cố gắng can thiệp một cách chủ quan. Những người khôn khéo chơi lướt sóng, biểu diễn xiếc, thả bè trên thác v.v. đều biết học cách thuận ứng theo phản xạ tự nhiên hơn là gắng gượng dụng công theo phỏng đoán của mình. Giống như khi bạn ngồi xe ô-tô đi qua một đoạn đường đèo quanh co hiểm trở, để khỏi ngã tất nhiên bạn phải vịn vào một điểm tựa nào đó, nhưng nếu bạn cố ghì nắm tay quá chặt thì sớm muộn gì bạn cũng sẽ không còn sức để nắm vững được nữa. Vì vậy, bạn chỉ cần ngồi thoải mái để tay thư thả tự nhiên, thì khi xe qua khúc quanh tay bạn sẽ tự động nắm vào chỗ vịn vừa đủ để không bị ngã, mà không mất sức hay bị tê cứng. Những gì bạn cần là yếu tố tự tin, nhẫn nại, trầm tĩnh, chánh niệm tỉnh giác v.v. để thấy sự tinh tấn của thân tâm bạn tự thích ứng như thế nào hơn là cố gắng dụng công một cách chủ quan.

Tinh tấn thiếu thiền định dẫn đến bốn chồn dao động. *Thiền định thiếu tinh tấn* đem lại thụ động hôn trầm. *Tinh tấn thiếu trí tuệ* phát sinh kiêu căng ngã mạn, *trí tuệ thiếu tinh tấn* gây nên lãnh đạm thờ ơ. *Tinh tấn thiếu đức tin* chỉ là nỗ lực của bản ngã; *đức tin thiếu tinh tấn* là ý lại vào tha lực v.v. Vì vậy những yếu tố này cần được chánh niệm phối hợp điều hòa một cách cân đối mới phát huy được hiệu năng tốt nhất.

Có một vị Tăng sau khi xuất gia đã hết sức tinh tấn hành trì nhưng không đạt được kết quả mong đợi. Vị ấy vô cùng thất vọng chán nản, xin phép Đức Phật từ bỏ đời sống xuất gia trở về thế tục, phàn nàn rằng giáo pháp của Ngài không

đem lại lợi lạc nào. Nhân đó Đức Phật dạy hàng Tăng chúng đệ tử không nên quá tinh tấn, dù với mục đích chính đáng, hướng chỉ chỉ vì mục đích tham cầu ước vọng. Quá nhiều tinh tấn hay quá nhiều buông lung đều là những thái quá sai lầm. Ví như sợi dây đàn quá căng hay quá chùng không thể phát ra âm thanh du dương trầm bổng.

Mong cầu sở đắc tạo ra một sự cố gắng hướng về mục đích ở tương lai, nghĩa là chúng ta cần có một thời gian để nỗ lực hoàn thành sở nguyện. Chính nỗ lực hăng say và ý chí cuồng nhiệt này tạo ra mộng mơ, tưởng tượng, đợi chờ, hy vọng v.v.

Trong trường hợp không đạt được sở cầu thì bạn thất vọng, nản lòng, khổ đau, phiền muộn, phát xuất từ nỗi khổ "cầu bất đắc". Còn nếu đạt được sở cầu thì ngã mạn, kiêu căng sẽ phát sinh, vì bạn cho đó là kết quả do nỗ lực của chính mình. Nhưng rồi trước sau gì bạn cũng chán ngán với những thành tựu đạt được, bởi vì cái gì có sinh tất có diệt, và cái gì có được từ tham cầu thì không bao giờ thỏa mãn, nên bạn lại tiếp tục săn đuổi những mong cầu sở đắc khác.

Thực ra, mọi thành tựu đều do pháp vận hành, không phải đạt được bởi ý chí cá nhân. Nỗ lực cá nhân chỉ có thể khởi động cho tiến trình vận hành của pháp mà thôi.

Trong cả hai trường hợp thất vọng hay thỏa mãn thì cũng đều đã tiêu phí biết bao chân khí nội lực. Hơn nữa, sự cố gắng đạt được cái bạn kỳ vọng ở tương lai, luôn đi kèm với nỗ lực loại trừ cái bạn đang bất mãn trong hiện tại. Như vậy bạn rơi vào một sự mâu thuẫn đối kháng giữa cái đang là và cái sẽ là, điều này chắc chắn đưa đến tâm lý căng thẳng, bất an, bức xúc và phiền muộn.

Như vậy, một khi đã có mong cầu, hy vọng và có sở đắc để giữ lại cho mình, thì bạn đã bị trói buộc vào thời gian và bản ngã, không còn khả năng đối diện với sự thật vô thường. Biến dịch vốn là để hanh thông nay bỗng nhiên trở thành chướng ngại do tham cầu của bạn. ■

Phố cổ Hội An thêm huyền ảo
nhờ ánh sáng tỏa ra bên trong
đèn lồng treo cao

Hội An và Volendam

TINH TRẦN

Tôi đến Volendam vào mùa thu năm 2000. Mùa thu ở miền Bắc Âu không huy hoàng như Paris hay miền núi Trung Âu, nó vẫn xám xám cái màu cổ hữu của vùng biển Bắc, và mưa lất phất bay trên ngôi làng chài cổ kính. Làng này có lịch sử rất xa xưa, nghe đâu được tạo dựng từ thế kỷ 14, và trải qua bao dâu bể của lịch sử Hà Lan, ngôi làng vẫn... như thời xa xưa ấy. Tôi đứng trên con đường nhỏ vào làng mà nghĩ tới sự thách thức thời gian của những ngôi nhà cổ hai bên đường, mà trên tất cả là sự thách thức dòng lịch sử kinh tế xã hội như vũ bão đã diễn ra trên xứ sở này.

Có thể nói không ngoa rằng lịch sử thế giới hiện đại bắt đầu từ đây, từ Hà Lan, xứ sở của những người chăn bò sữa và đánh cá cần cù, những lái buôn thông minh. Họ đã hoài thai những ý niệm đầu tiên về thị trường chứng khoán, về tự do thương mại... về chủ nghĩa tư bản. Với lãnh thổ và dân số khiêm tốn của mình, người Hà Lan đã đi tiên phong trong sự hình thành thương mại toàn cầu với những hạm thuyền lừng danh của Công ty Đông Ấn Hà Lan. Nước Hà Lan ngày nay không nằm trong G7, thậm chí G8, là các quốc gia có nền kỹ nghệ hàng đầu, do kích

thước quá khiêm tốn của mình (vốn chỉ rộng hơn đồng bằng sông Cửu Long một chút), và cũng có thể là do di chứng của căn bệnh Hà Lan ngày xưa, khi phát hiện ra những mỏ khí đốt khổng lồ, hậu duệ của những người xây đập đã ngủ quên giấc Nam Kha bên ánh lửa tài nguyên phong phú. Tài nguyên không tái tạo, than ôi bài học vỡ lòng để đâu ai cũng thuộc!

Các cuộc chiến tranh đã trôi qua, nóng và lạnh, các chính biến và cách mạng, người ta đã khôn hơn, bình thản hơn. Hà có gì phải *hì hục* phát triển công nghiệp nặng trên mảnh đất mong manh giành giật từ tay biển cả này? Những người khổng lồ Shell, Philips... chắc hẳn đã đủ tôn vinh danh tiếng quốc gia trên toàn cầu. Mảnh đất thấp đầy bùn nhão và cạn kiệt khí thiên nhiên vẫn điểm nhiên tạo ra giá trị thặng dư cho chủ nhân của nó mà không cần tới công nghiệp nặng: sữa bò, đánh cá, chế tác kim cương, chế tạo bia, và... du lịch. Nhẹ nhàng, sung túc!

Ngôi làng Volendam ít nhiều mang hình ảnh ấy của nước Hà Lan.

Từ đô thị phồn hoa Amsterdam, du khách băng qua những cánh đồng ngay ngắn tinh tươm thoáng mùi pho



Du khách tham quan và mua sắm ở Hội An

mai và bất ngờ dừng bước trước ngôi làng nhỏ. Không hàng quán, không khách sạn mini lẫn phần hoa hiện đại, Volendam thỏa lòng khao khát shopping của du khách một cách chừng mực trong vài cửa tiệm bán postcard, quốc gỗ, và... y phục thế kỷ 14. Các cửa hàng này quây quần quanh một quảng trường nhỏ cổ kính, và không xa là bến thuyền, những con thuyền trắng nằm phơi mình dưới làn mưa nhẹ, vài tia nắng hiếm hoi lấp lánh trên cột buồm. Người Volendam vẫn ra khơi đánh cá, trên những con tàu hiện đại, và cá được đưa về đầu đó trong khu chế biến xa xa, để lại bến cảng cổ kính trầm tư trong mưa thu nhuần nhĩ đón khách đường xa.

Đã có một lớp cư dân không làm nghề chài kéo đến Volendam, những người giàu có, đa phần lớn tuổi, để được tận hưởng không khí thanh bình xưa cũ. Giá nhà ở Volendam vì thế đắt lên, nhưng nhờ thế mà phố cổ vẫn còn nguyên vẹn. Tôi đi dọc con đường chính, cảm nhận hồn phách xa xưa qua những viên đá lát đường, ngắm nhìn các chậu hoa xinh xinh bên bậu cửa sổ, một bà cụ già ngồi đọc sách, một người đạp xe thong thả lên dốc... Chúng tôi cùng cả trăm du khách như lọt thỏm giữa bầu không khí cổ kính bao la khiến tôi chạnh lòng nhớ tới Hội An. Lần đầu tới Hội An năm 1993 tôi cũng có cảm giác ấy...

Mùa thu hai lẻ chín tôi trở lại Hội An. Tôi đã đến Hội An nhiều lần và phải thú thực rằng tôi yêu... ngôi làng đó. Và lo lắng nhìn thấy nó được tôn vinh là thành phố...

Hình như có quan niệm cho rằng hạnh phúc sẽ tăng lên theo sau những danh hiệu! Vâng, thì thành phố Hội An! Thành phố cổ có nhiều cái... mới. Quảng trường Sông Hoài với mấy cái trụ bê tông như bước ra từ tiểu thuyết của Kim Dung tiên sinh, đường Nguyễn Phúc Chu mới tinh tươm bên hữu ngạn, hai ba khu... ẩm thực có lẽ là một thử nghiệm đột phá của cái gọi là du lịch cộng đồng, ngôi chợ cũ kỹ đang được xây lại (mà chỉ mới xem mô hình không thôi đã thấy... hoành tráng đến phát choáng)... Bước chân lang thang đưa người du khách nặng lòng với làng Hội An năm xưa ra biển Cửa Đại. Cả một đoạn đường bốn cây số từ Hội An xuống biển hầu như không còn đất trống nữa, vài mảnh ruộng buồn bã hắt hiu... Đủ loại kiến trúc, từ giả cổ đến hiện đại hăng hái vươn lên, với bao đường ngang lối tắt đều đã được hóa bê tông, bao vây mấy khu vườn xưa cổ chấp đứng trên mình chối từ niềm vinh dự lên thành phố.

Những con đường trong khu bảo tồn đồng nghịt du khách và người bán hàng,... hình như dân số Hội An đang gia tăng?! Đâu rồi không gian cổ kính bao la như tôi đã có với Volendam? Đâu rồi những bức tường rêu khiến không gian và thời gian quện chặt, vun vút đưa ta ngược về với thật nhiều năm trước? Gió lồng lộng thênh thang, không hề phải len lỏi cúi lún giữa những khối bê tông đầy sắc màu hiện đại. Hội An khi ấy... ít người, shop ít mà nhà hàng cũng thưa. Không như hôm nay, Hội An đang dần trở thành một cái shop khổng lồ!



Một góc phố làng Volendam ở Hà Lan

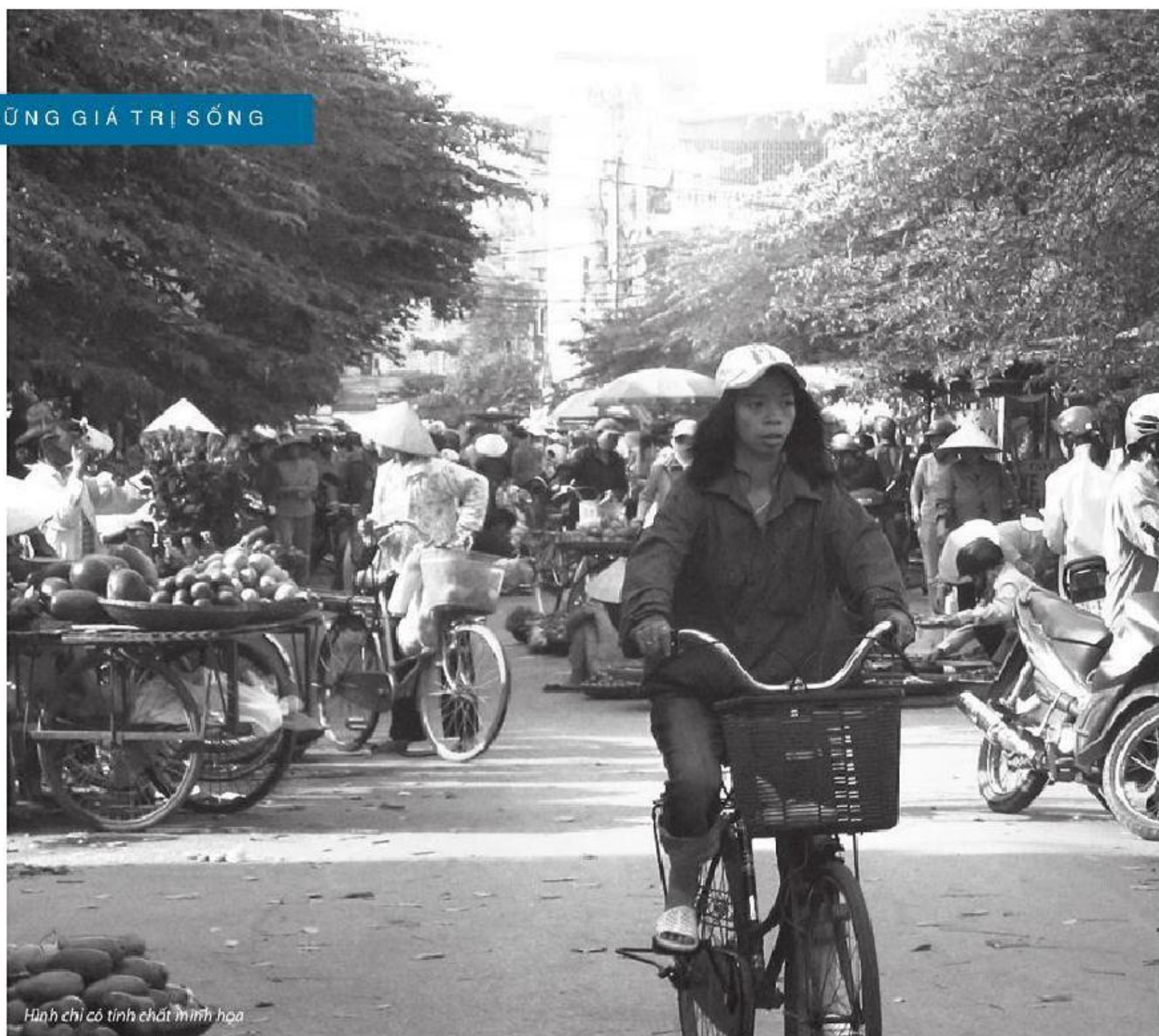
Có bạn vong niên của tôi ở Hội An cho rằng sự sôi nổi của thương mại như thế quả cũng không hay nhưng trong chừng mực nào đó thì nó tạo điều kiện cho di tích Hội An sống, chứ không phải như một bức tượng hay một phế tích. Nhưng Volendam không hề chết! Những cánh đồng Hà Lan xung quanh Volendam vẫn rạo rực mùi phô mai, người Volendam vẫn đánh cá, vẫn hàng ngày mang đôi guốc gỗ ra đồng... Mấy người đánh cá ở Hội An nay đâu? Mấy làng dệt chiếu ven sông Thu liệu có còn không? Tôi thấy thấp thoáng một lão chài quắt queo nơi Cửa Đại, tôi nghe tiếng dệt chiếu rộn lên rồi tắt ngấm trong các shop phục vụ du khách. Quá vắng của Hội An chỉ còn là những đoạn phim sống mua vui cho du khách trong thoáng qua. Phải chăng Hội An đã đoạn tuyệt với quá khứ buồn bã, nặng nề mặc cảm của nông thôn và cả ngư dân? Hội An bây giờ lấy du lịch làm chủ đạo? Du lịch không chỉ dừng lại ở mấy con đường hẹp quanh chùa Cầu, nó lan xuống biển, kéo theo hàng loạt các dịch vụ vệ tinh, nó hiện ngang ngửa trị trên các cồn cát biển bao đời nay chỉ biết có sóng và thuyền thúng. Hàng trăm taxi dập diu đưa khách từ phố xuống, rồi từ biển lên, tất bật rộn ràng...

Lúc dịch SARS bùng nổ tôi có dịp đến Hội An, phố vắng như tờ, khách sạn đều hiu hắt lạnh lẽo... Nhưng cái vắng lạnh ấy không phải là cái hồn tĩnh tại của mấy trăm năm

hóa thạch khiến ta phải kính cẩn lắng nghe. Đó chỉ là sự im lặng lo âu của gã chào hàng trong bữa chợ thất bát. Có những điều không thể đảo ngược khi nó đã vận hành theo một cách nào đó. Khi dịch SARS đi qua thì du khách trở lại, du lịch vẫn là chủ đạo. Không còn thấy đâu nữa bóng bà cụ áo nâu cũ kỹ bán lục tàu xá như trong những lần đầu tôi đến Hội An! Bây giờ là các cô bán hàng mặc áo lụa ngồi ngồi, tay lăm lăm tờ menu, miệng đơn đả "Sir! Sir! Madame! Madame!" (Ồng ơi!Ồng! Bà ơi! Bà!) ở các khu *ẩm thực quy hoạch*...

Những thức quà quê có lẽ không còn ngon như xưa, nhưng rõ ràng người Hội An khá lên đấy chứ! Nếu cứ mãi tiếc nuối cái hình ảnh xưa cũ thì e rằng ta lại thành kẻ ích kỷ! Nên tôi chỉ dám mong cho ông lão chài lưới nơi Cửa Đại, cô gái bán những con giống bằng đất sét... cũng hài lòng trong cái nếp *du lịch chủ đạo* ấy, và ngộ nhớ... lúc nào đấy không có du khách thì *thành phố Hội An* vẫn là nơi vui vẻ bình yên. Và mong sao cho cái linh hồn xưa cũ của Hội An, cái làm cho du khách đến đây, không mất đi, không khiến nó biến thành người khác!

Buổi chiều tôi rời Hội An nắng vàng rực rỡ. Tôi cứ tần ngần mãi bên cánh cửa gỗ của Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, trên cánh cửa này là một khung sắt có rên hình huy hiệu của Công ty Đông Ấn Hà Lan. Đã có những người Hà Lan đặt chân đến đây, có ai đến từ Volendam không nhỉ? ■



Hình chỉ có tính chất minh họa

Lộc Trời

NGUYỄN TỊNH HÒA

C hợ chiều ở gần khu nhà trọ của công nhân nên dù đã muộn nhưng vẫn đông vui sầm uất. Tôi lách xe qua lối đi chật hẹp để ghé vào sạp rau củ quen thuộc. Trông thấy tôi, cô hàng bán cá ngồi đối diện đơn đả: "Cò! Bữa nay cô đi làm về trễ vậy cò! Ăn giùm con mấy con cá rô đi cò, cá rô cỡ này về chiên giòn ăn ngon hết sảy!". Tôi cười cười, lắc đầu: "Cá rô xương nhiều, mấy đứa nhỏ ở nhà đâu có ăn được". Cô ta mau mắn: "Vậy cô mua cá lóc đi cò. Cô lấy con này nè, béo ú hà! Lấy đi con bán rẻ cho, chớ để ống đờ mưa xuống là con ôm xô đó cò ơi!". Tôi còn đang lựa lời từ chối vì chỉ định ghé vào chợ mua ít nắm rơm về kho tiêu thì nó đã quay sang giống già với

một người phụ nữ đứng sẵn đó tự nãy giờ: "Tui đã nói từ từ để tui bán xong rồi có tiền tui trả, chứ tui có tính giật của bà đâu mà làm cái gì dữ vậy!". Thấy tôi tò mò nhìn cả hai, nó bèn giải thích: "Coi chớ buôn bán khổ cực lắm cò ơi, cực dữ lắm mà cũng không có dư. Bởi vậy phải nhín ăn nhín mặc đừng mua tấm vé số cầu may, mong sao Trời Phật thương tình...". Người phụ nữ bán vé số cũng tranh thủ tiếp thị: "Cô mua giúp em vài tờ đi cò! Cô lấy cặp này nè, số đẹp đó". Tôi lắc đầu: "Tui hông quen chơi vé số...". Cô hàng cá te rẹt: "Xời ơi, bà coi cổ kia - cánh tay, cần cổ, trên mặt nữa... toàn mụn ruồi son không hà, cổ giàu lắm đó, ai mà thèm chơi vé số...". Tôi lúng túng đáp, nửa phân bua nửa khôi hài để khóa lấp kiểu nhận xét



đáng mắc cỡ: “Hồng phải vậy đầu em. Chẳng qua cô làm biếng dò số, hay quên dò lăm, nhiều khi mua về rồi bỏ mất, lỡ trúng độc đắc lại mất công tiếc...”. Ba chữ “trúng độc đắc” như gợi lên một niềm khao khát sâu thẳm, cô hàng cá thở dài: “Con còn hồng dám mơ tới độc đắc nữa, chỉ mong trúng được giải gần gần đó là cũng thấy đỡ lăm rồi”. Người phụ nữ bán vé số thêm: “Nói chi mày, tao đây bán vé số mười mấy năm trời, lâu lâu mua nải chuối cúng ông địa xong cũng liều nhín ăn giữ lại 1-2 tờ, mà có bao giờ trúng được các nào đâu!”. Cô hàng cá hướng mắt tới một người đàn ông đang trờ xe tới: “Chú mua mấy con cá rô về chiên giòn đi chú, mua đi, chợ chiều con bán rẻ cho... (rồi lại tiếp tục câu chuyện đầy tâm tư khi này) Ờ, nhiều khi tui nghĩ tức ông Trời ông Phật ghê! Mình nghèo mà xin hoài cũng hồng khi nào được, cứ toàn cho mấy người giàu trúng số không hà! Họ đã giàu lại càng giàu thêm, đã sướng lại càng thêm sướng...”. Tôi mỉm cười, trong đầu nghĩ đến lý thuyết xác suất thống kê sơ đẳng đã được học từ hơn chục năm trước, đang tìm cách nói sao cho dễ hiểu để tâm hồn non cạn kia bớt buồn, bớt than Trời trách Phật, thêm mang tội, thì người đàn ông nọ đã nhẹ nhàng nói, mắt vẫn chăm chú quan

sát mấy con cá nhỏ đang loi chơi trong thau: “Biết sao là sướng, sao là khổ! Coi vậy chứ có tiền cũng chưa chắc sướng...”. Tôi lặng lẽ quan sát chủ nhân câu nói đơn giản nhưng trĩu nặng triết lý ấy. Xe Honda cũ, loại dành cho đàn ông của mấy chục năm về trước; áo sơ mi ngắn tay, cũ tới mức không còn nhận ra được màu nguyên thủy của nó, phần lưng áo mỏng hằn đi với những đường kẻ sọc gần như đã biến mất hoàn toàn; vóc người đậm đà to khỏe... Có vẻ như ông ta làm nghề Honda ôm, hay chờ hàng thuê, hay một nghề gì đại loại thế; có thể vất vả, lam lũ nhưng cái ăn hàng ngày chắc không đến nỗi (ở thành phố này cá rô nào phải thứ dân dã, rẻ tiền...). Tôi chỉ một con cá lóc đen trùi trùi: “Làm cho cô con này đi (rồi quay sang ngó người đàn ông) Anh nói đúng đó. Nhiều khi được trúng số lại thêm khổ, phải suy nghĩ coi xài tiền làm sao, để bao nhiêu đem cho, mà phải cho những ai, rồi cho làm sao cho vừa, để con cái không hư, gia đình không bị xào xáo... Thôi thì cứ kiếm được bao nhiêu hay bấy nhiêu, miễn là còn lo được cái ăn cái mặc hàng ngày...”. Cô hàng cá tay thoăn thoắt đập đầu con lóc, miệng liên thoắng: “Ờ cô nói phải. Như ông tiệm vàng đầu chợ kia cà, hai vợ chồng giàu để sợ mà chỉ có một thằng con trai duy nhất, tới ngày ông bà cứ thay phiên lo cho nó ăn xong lại lo chờ nó đi học. Đến năm nó học lớp mười một thì ông trúng độc đắc, bèn sắm luôn cho nó một chiếc a còng để đi học. Thằng nhỏ xách xe chạy được mấy tháng thì hô bị mất, ông bèn mua chiếc khác. Ba lần như vậy mới lòi ra nó ghiền xì ke, hai năm trời đu theo nó, lớp mua hàng cho nó phi, lớp chạy thầy chạy thuốc cai nghiện. Bây giờ ông bà phải bán nhà, sang tiệm để lo tiếp cho nó, khổ không biết chừng nào mới hết...”. Chị bán vé số dè dặt góp chuyện: “Như vậy lúc đầu tưởng đầu là trời cho, sau lại té ra giống như bị trời phạt...”. Cô hàng cá: “Chớ còn gì nữa! Mấy người đó kiếp trước chắc phải ở ác lắm nên kiếp này Trời Phật mới làm cho có lộc đó mà lại không được hưởng, thấy phước đó mà lại là thành họa đó”. Tôi lặng người khi nghe thấy lời nhà Phật về vô thường và nhân quả từ những con người lam lũ. “Biết vậy rồi thì đừng có ham muốn nhiều chi cho thêm khổ, mà cũng đừng có than trách trời đất chi cho thêm tội”, người đàn ông vừa đón lấy bạch cá, trả tiền, vừa nói – nói mà không nhìn ai, vẻ như nói vu vơ, nửa để góp chuyện với mấy người phụ nữ, nửa như tự nhủ với chính mình; nói xong thì nổ máy xe chạy thẳng, cũng không ngoái nhìn ai... Tôi cũng nhận lấy bạch cá được mua ngoài dự tính, mỉm cười với hai người phụ nữ rồi quay xe ra, lòng lâng lâng để chịu... Về tới nhà, tâm trí vẫn còn vương vấn câu chuyện băng quơ giữa chợ, tôi chân thành mong sao những trao đổi thấm đẫm lời Phật dạy – tự nhiên như cây cỏ thấm đẫm sương mai, như hoa thơm đẫm bao mật ngọt – sẽ giúp họ thấy vơi nhẹ được phần nào những lo toan thường nhật, dần dần giúp họ tìm ra con đường để tồn tại thông dong hơn giữa cuộc mưu sinh này... ■



khoảng lặng

TRẦN ĐĂNG HÀ

Bà đi họ gọi điện, giọng chưa hết thảng thốt. Di H. bị té thang trượt chân, phải bỏ bột cả tuần nay.

Buổi đương thì của hai chị em trùng với giai đoạn khó khăn nhất của đất nước và gia đình. Nay tới tuổi hưu, căn nhà nhỏ nơi chốn nội ô chật chội bị giải tỏa, ba mẹ con gom góp huy động mọi nguồn có thể để về một khu dân cư mới, người mua để đó thì nhiều, người muốn ở và đã dọn tới ở thì không bao nhiêu. Bên trái nhà bà người ta chưa ở, nhưng xây một tường rào cao hơn hai mét để giữ đất. Bên phải còn là đất trống. Quy hoạch buộc phải chừa sân năm mét, thỏa sức ba bà trồng cây và rải gạo cho chim trời. Chẳng bù ngày xưa, lúc còn ở *trong kia*, trước nhà cũng là hẻm, là lối đi lại của mọi người. Trồng cây thì cứ phải lo tén gọn chậu cây, rải gạo nuôi chim trời cứ phải lo quét dọn, mà cũng không dám rải nhiều, sợ chim xuống nhiều, phiền bà con – nhất là từ khi có dịch cúm

gà... Về đây, một khoảng sân hơn hai mươi mét vuông, chỉ trồng cây phân nửa, một nửa còn lại là *phổ ẩm thực* của các loài chim trời. Ngày hai lần, bà mẹ tám mươi hai tuổi tóc bạc trắng lụm cụm rải gạo phục vụ khu phố ấy – thứ gạo ở chỗ bán gọi là “gạo chim ăn”, do họ quét gom những hạt vương vãi, bán giá rẻ gần như cho không. Cứ vài ba tuần hai đi lại chở về, mỗi lần mười, mười lăm ký, rồi ba mẹ con xúm lại, sàng sảy, lượm rác, “để tụi nó ăn cho sạch, để tội nghiệp”. Họ làm những việc đó rất tự nhiên, như thể đi chợ nấu ăn hàng ngày, không phải để giải trí (chương trình truyền hình không bỏ sót một bộ phim nào, *Yahoo Messenger* không ngày nào không mở để *chat* với một di ở Úc, hai di khác ở Canada – tất cả đều thuộc những nhánh khác nhau, không phải trực hệ, mà nếu không vì sự cách trở qua không – thời gian thì chưa chắc họ đã *gặp nhau* hàng ngày thân thiết như thế này – và một bà bạn ở Pháp – người tài trợ chính cho chương trình bắc cầu thông



tin này...); mà lại càng không phải để mưu cầu phước đức hay tài lộc. “Sống tới từng tuổi này, không con cũng chẳng cháu, tao đâu cần cầu xin gì Trời Phật nữa!”.

Mùa Phật đàn. Sáng đó hai chị em chờ nhau vô thành phố mua đồ chay chỗ tiệm quen về cúng giỗ. Đến trưa về thấy bà cụ ra mở cửa, giọng run run: “Hai đứa nó thấy má cho chim ăn, nó đứng một bên cổng rào chờ. Chim mới xuống đang chao chát, má mới quay lưng đi khuất vô nhà thì đã nghe tiếng động. Má hé cửa dòm ra, thấy một đứa đứng trước cổng xưa, đứa kia đứng chỗ miếng đất trống kế bên giếng lười rồi giả tiếng cu gáy... Má nghe nó đếm ‘được sáu em’! Buồn quá con ơi! Vậy là mình tiếp tay cho tụi ác rồi!”.

Bữa sau tụi ác trở lại. Dì H. nhỏ tuổi hơn, còn nhanh nhẹn quyết đoán, chứng kiến hai gương mặt bặm trợn lăm lăm đứng chờ giờ chim ăn, chứng kiến chúng hí hửng bỏ chim vào giỏ... mà cũng phải sợ, không dám nói gì “Sợ nó trả thù”. Dì bàn: “Để con bắc thang leo lên tường rào nhà kế bên, rải gạo trong đó, tụi nó sẽ không bắt được”. Nói là làm. Chỗ gạo còn lại được chia làm ba lần. Dì định cho chim ăn hết rồi thì thôi, không dám mua thêm nữa, vì không đành lòng thấy chim sa vào

tay tụi ác, mà lớn tuổi rồi leo trèo nhiều không nên... Quả thực vậy. Hai lần đầu, ba mẹ con ngồi trong nhà sung sướng nghe tiếng chim chao chát gọi nhau quen thuộc (dù không nhìn gì được với bức tường xám ngắt ngưỡng đó, nhưng vẫn như thấy được trước mắt cảnh cả trăm nắm lông con nhầy lách chách vui mừng...); để rồi nín thở trông theo tụi ác hậm hực bỏ đi. Tới lần thứ ba – đã được mấy bà buồn bã ấn định là lần cuối cùng – thì dì H. trượt chân...

Từ đầu bên kia thành phố, tụi xách xe chạy hơn hai mươi cây số tới thăm mấy bà. Căn nhà màu xanh da trời, màu xanh của sự bình yên bao la, hôm nay lại có vẻ lạnh lạnh. Cái lạnh không phải chỉ do mấy cơn mưa liên tiếp nhiều hôm, cũng không chỉ do sắc trắng của lớp bột bó chân dì H. Những tia nắng mặt trời lấp lánh trên vòm cây cao ven dòng kênh trước nhà xem chừng cũng ứ đọng. Chúng buồn vì thiếu bước chân

chim làm náo động xôn xao... Tiếng chim chuyển cành gọi nhau hôm nay tôi nghe sao thảng thốt, xa xăm. Bàn tay con-người-ác đã lôi tuột thiên nhiên rời xa khỏi con-người-không-ác, để cho con-người-không-ác phải ngác ngơ, hiu quạnh thế này đây! ■



Quay

nướng tựa

giáo của các Hòa thượng
Thiện đã giúp tôi hiểu
Từ đó tôi rất quan tâm
Phật giáo. Tôi cũng
Phật giáo, trong

giáo của các Hòa thượng
Thiện đã giúp tôi hiểu
Từ đó tôi rất quan tâm
Phật giáo. Tôi cũng
Phật giáo, trong



TS. Nguyễn Mạnh Hùng

VHPG: Nếu có, xin ông cho biết rõ hơn về những băn khoăn thao thức của mình trước những đòi hỏi tâm linh cần được đáp ứng?

Ô. NMH: Nhu cầu có một chỗ dựa, một nơi nương tựa là nhu cầu tất yếu của tất cả mọi người trên hành tinh này; nhất là trong thời buổi khủng hoảng với nhiều biến cố hiện nay; trong lúc cuộc sống vật chất tốt hơn thì con người lại chịu nhiều áp lực hơn và stress đang tăng trưởng. Tôi cảm nhận sâu sắc rằng ngày càng có nhiều bạn trẻ quan tâm đến tâm linh và thực sự mong muốn đến với Phật giáo. Tuy nhiên không phải ai cũng có đủ duyên lành để tìm được thầy hướng dẫn tốt. Điều này sẽ rất nguy hiểm nếu các bạn trẻ với khao khát, nhiệt huyết mà bị định hướng sai lầm hay bị thất vọng. Điều băn khoăn nhất của tôi hiện nay chính là làm sao để đạo Phật đến gần với bạn trẻ hơn, giúp họ có thể ứng dụng những

lời dạy của Đức Phật vào trong cuộc sống và công việc. Mỗi ngày. Mỗi giờ.

VHPG: Hiện nay ông vẫn dành thời giờ cho việc nghiên cứu chuyên môn, viết sách, báo, lại đang giảng dạy về quản trị kinh doanh và là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc ThaiHaBooks. Liệu ông có thời gian để tìm hiểu thêm về Phật học hoặc thực hành theo Phật pháp để phát triển tâm linh?

Ô. NMH: Thành thật mà nói, ngày nào tôi cũng đọc sách về đạo Phật (dù có hôm chỉ đọc được vài trang). Nhà tôi có một tủ sách mà gần sách to nhất là sách đạo Phật. Bằng đủ các thứ tiếng. Hầu như chuyến đi công tác nào tôi cũng mua rất nhiều sách đạo Phật mang về bổ sung cho tủ sách đó của mình. Mục đích là để hiểu hơn về Phật pháp, về những lời dạy của Phật, về bản chất

cũng như cách thức thực hành tốt nhất, nhanh nhất, hiệu quả nhất. Tôi cũng dành quỹ thời gian của mình để tọa thiền, tụng kinh, niệm Phật, trì chú. Tôi cũng thường xuyên đi thăm viếng các chùa. Tôi thực tập thiền hành và sống trong chánh niệm mỗi phút mỗi giây. Tuy nhiên tôi rất mong nhận được sự chỉ giáo của các bậc cao tăng về con đường tu học. (Tiếc là việc tìm được cho mình một người thầy hay một vị minh sư không phải là chuyện dễ).

VHPG: Xin ông cho biết đôi nét về ThaiHaBooks. Xem ra, trong số các đầu sách mà Công ty đã phát hành, số lượng sách Phật giáo, nhất là về Thiền học, chiếm một tỷ trọng khá lớn. Ông có thể cho biết lý do? Độc giả của loại sách này có nhiều không?

Ô. NMH: THB được thành lập bởi một đội ngũ những người đam mê sách, có tâm huyết với văn hóa đọc. Chúng tôi có 3 mảng sách chính là 1, V-Biz: Sách dành cho doanh nhân, lãnh đạo, cho những bạn trẻ quan tâm tới sự nghiệp và phát triển kỹ năng trong kinh doanh; 2, V-Teen: Sách dành cho lứa tuổi mới lớn, những em đang chuẩn bị bước vào ngưỡng cửa cuộc đời, rất cần những định hướng, những kỹ năng sống cơ bản; và 3, V-Smile: Sách dành cho những ai mong muốn phát triển bản thân và hướng tới một đời sống tâm linh lành mạnh. Đây cũng là tủ sách có rất nhiều đầu sách đạo Phật.

Với mong muốn mang đạo Phật đến với càng nhiều đối tượng độc giả càng tốt, không chỉ là những người đã hiểu đã biết đạo Phật, mà cả những người chưa hề biết đến đạo Phật, hiện nay THB đã xuất bản một loạt các đầu sách đạo Phật dành cho những người làm công tác lãnh đạo, cho bạn trẻ, cho những người mới tìm hiểu về đạo Phật. Trong tương lai THB sẽ thiết lập một tủ sách chuyên về đạo Phật cho nhiều đối tượng bạn đọc.

Có thể nói những đầu sách về đạo Phật của chúng tôi hiện nay là những cuốn sách có giá trị và đã được khẳng định. Chẳng hạn những tác phẩm của Ni sư Ayya Khema như *"Vô ngã vô ưu"*, *"Ốc đảo tự thân"*, hay của Geshe Michael Roach như *"Năng đoạn Kim cương"*... Độc giả của những sách này khá đa dạng, từ những người đã lớn tuổi mong muốn tìm hiểu thêm về đạo Phật đến các bạn sinh viên bắt đầu đến với đạo Phật. Chúng tôi tin tưởng trong thời gian tới các đầu sách về đạo Phật của THB còn thu hút được nhiều người quan tâm hơn nữa. Nhất là khi một loạt các đầu sách đang dịch sẽ được phát hành nhân dịp chào mừng Hội nghị Phật giáo Thượng đỉnh đã có dự định được tổ chức tại Hà Nội vào cuối năm 2010 tới.

VHPG: Hiện ông đang có những dự kiến, kế hoạch phát triển THB. Theo đó, ông có lưu tâm gì đến việc giới thiệu Phật giáo cho quần chúng độc giả?

Ô. NMH: Chúng tôi rất tích cực tổ chức những buổi thiền trà giới thiệu sách đạo Phật cho bạn trẻ, và cũng mong sẽ đa dạng hóa đầu sách đạo Phật như là một cách thức hữu hiệu giúp các bạn trẻ có thể tiếp cận với đạo Phật tốt hơn.

Các buổi nói chuyện về sách và về đạo Phật cũng được "Câu lạc bộ Yêu sách Thái Hà" tổ chức và đã được các vị xuất gia ủng hộ. Chư Tăng Ni đã đến chia sẻ nói chuyện và mang lại lợi ích to lớn cho độc giả của THB. Tôi hiểu và thấm nhuần lời Phật dạy rằng trong tất cả các loại bố thí thì bố thí Pháp là loại bố thí cao quý nhất và mạnh mẽ nhất. Làm sao để nhiều người đọc sách Phật và biết áp dụng nó vào trong đời sống để họ bớt khổ, bớt sân si là chúng tôi đã rất vui rồi. Ngoài ra, trong các buổi giảng về quản trị kinh doanh cũng như các buổi tọa đàm, hội thảo hay nói chuyện với sinh viên và công chúng, thật tâm tôi luôn lồng ghép các câu chuyện hay những lời dạy của Đức Phật vào.

VHPG: Ông có suy nghĩ gì về Phật giáo hiện nay tại Việt Nam? Theo ông, đạo Phật có ảnh hưởng thế nào với các tầng lớp nhân dân trong hoàn cảnh đất nước hiện tại?

Ô. NMH: Gần đây có rất nhiều cuộc hội thảo bàn về ảnh hưởng và sự phát triển tâm linh được tổ chức. Khắp nơi, hệ thống chùa chiền được khôi phục chỉnh trang. Nhiều chùa mới cũng được xây dựng. Những sự kiện như việc cung nghinh Phật ngọc, cung nghinh xá lợi Phật được tổ chức trang nghiêm và thu hút nhiều người quan tâm, cả Phật tử và chưa là Phật tử. Đây là những tín hiệu rất vui cho Phật giáo và Phật tử Việt Nam. Tôi rất hạnh phúc và cảm thấy hân hoan là một người con Phật. Nhưng làm sao để ảnh hưởng của các sự kiện bề nổi đó biến thành những hành động thiện mà chúng ta dành cho nhau mỗi ngày thì mới thật là đáng quý, đáng trọng. Tôi mong muốn từ những sự kiện này, người con Phật của Việt Nam càng ngày càng tinh tấn trong tu học và mang lại nhiều lợi lạc cho cuộc sống.

Có một điều tôi cũng rất suy nghĩ, rằng rất nhiều Phật tử, nhất là Phật tử phía Bắc, đi lễ chùa mà không hiểu bản chất của đạo Phật. Họ đến chùa để "xin", xin nhà, xin cửa, xin đủ thứ. Có người gần như mặc cả đối chác. Có người khi "xin" hay "vay" không được thì thậm chí đã "quay mặt lại". Thật đáng tiếc. Một điều nữa là hầu như ở các nơi, rất ít nam giới đến chùa. Đặc biệt là các bạn trẻ, nhất là các bạn trẻ nông thôn, chỉ thỉnh thoảng mới đến chùa vào các dịp lễ lạt, làm cho nhiều người có cảm tưởng không tốt rằng hình như chùa chỉ dành cho phụ nữ và người già! Tôi mong mọi người hiểu rõ bản chất của đạo Phật và ngày càng có thật nhiều bạn trẻ đến chùa, đến với đạo Phật. Tuy nhiên hình như trong việc này có cả lỗi của các chùa và của chư Tăng Ni – khoảng cách với các thầy vẫn còn xa, số buổi giảng pháp, nói chuyện về Phật pháp, cũng như các khóa tu ngắn hạn dành cho hàng Phật tử ngay tại các thành phố lớn cũng còn hạn chế, nói chi đến các vùng sâu vùng xa! Và cuối cùng là phong trào ăn chay. Thói quen ăn chay chưa được phổ biến. Ở miền Bắc, các quán ăn chay rất ít và rất đắt; và người dân, ngay cả Phật tử, chưa ý thức được ý nghĩa tuyệt vời của việc ăn chay.

VHPG: Xin cảm ơn về những chia sẻ của anh.

Nguyễn Hiền Phúc thực hiện



Duy tâm & Vô ngã trong kinh Lăng Già

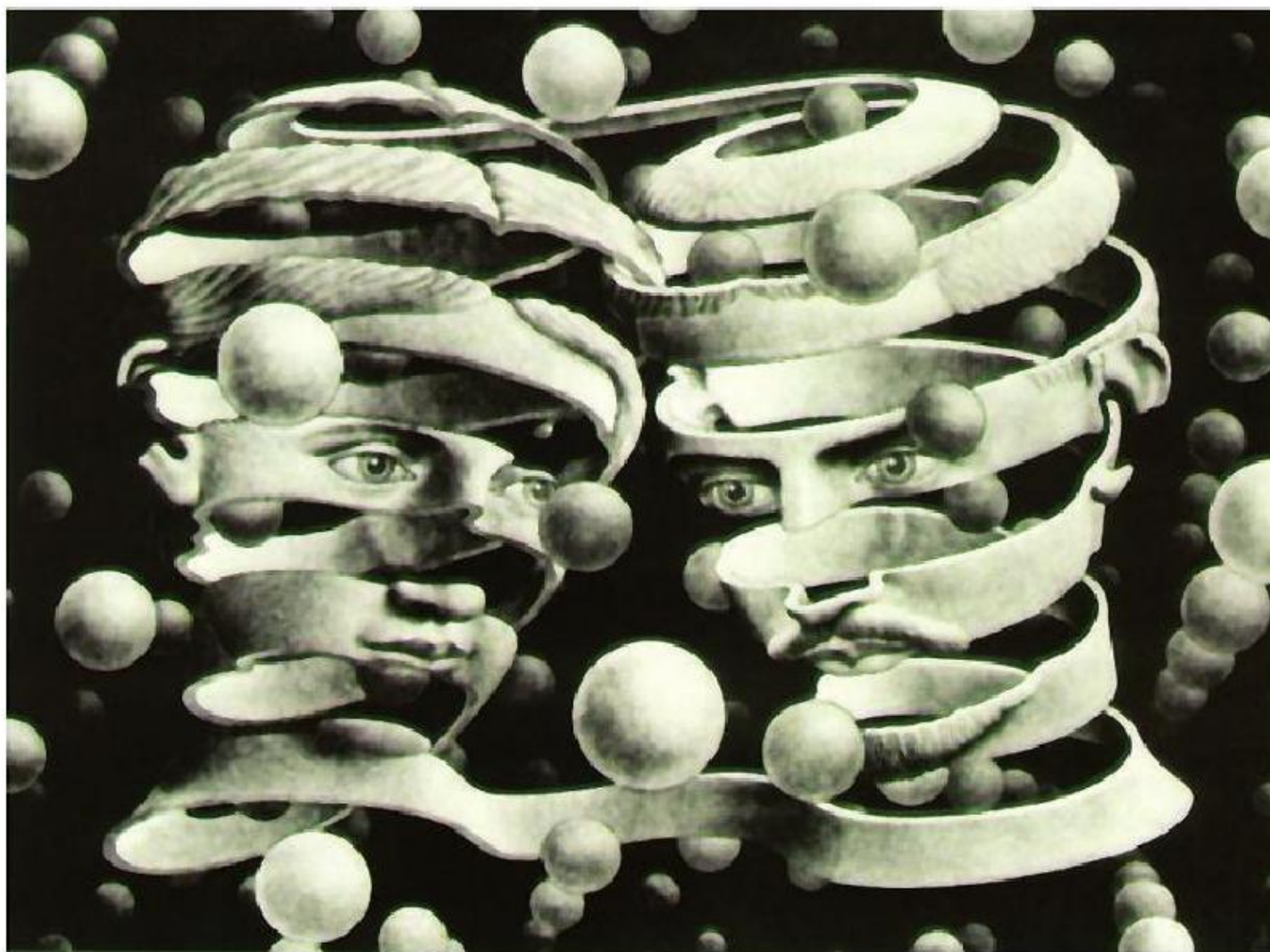
TRẦN TUẤN MÃN

I. Học thuyết Duy tâm trong kinh Lăng Già

Có lẽ *Lăng Già* là một trong những bộ kinh phân tích cái Tâm một cách chi li, khúc chiết nhất trong kinh điển Phật giáo, làm căn bản cho bộ *Duy thức luận* của Vasubandhu. Học thuyết Duy tâm được biểu hiện trong các câu quen thuộc, thường được trích dẫn từ kinh *Lăng Già*: chỗ nào cũng là tâm cả (*nhất thiết xứ giai tâm*), tất cả hình tướng đều do tâm khởi lên (*chúng sắc do tâm khởi*), ngoài tâm không có cái gì được trông thấy (*tâm ngoại vô sở kiến*), thế gian chỉ là tâm (*tam giới duy thị tự tâm*), ba cõi do tâm sinh (*tam giới do tâm sinh*) v.v.

Cái tâm trong ý nghĩa trên là cái tâm phân biệt, vọng động. Tâm ở đây bao gồm các hoạt động của tâm thức,

tức bao gồm tám thức đang vận hành với những hệ quả phức tạp của chúng (nhân thức, nhĩ thức..., A-lại-da thức). A-lại-da là trung tâm của hệ thống này. A-lại-da lại có cái hoạt tổ phân biệt là Mạt-na. Bấy giờ A-lại-da là cái bị chấp, Mạt-na là cái chấp, cái biết. Cái biết (Mạt-na) này có tính phân biệt và cái công cụ phân biệt là ý thức. Ý thức nhận các dữ kiện từ năm giác quan đưa vào, rồi sắp xếp, so sánh, ra lệnh cho năm giác quan. Mặt khác, ý thức lại nạp các dữ kiện do nó sắp xếp, phân biệt vào A-lại-da, khiến A-lại-da có một nội dung phân biệt và trở thành đối tượng chấp trước của Mạt-na. Thế là hệ thống thức vận hành không ngừng, gồm thành cái mà ta gọi là tâm, cái tâm phân biệt, chấp trước, vọng động như đã nói.



Là thành phần trung tâm của cái tâm, A-lại-da vốn từ vô thi hoàn toàn thanh tịnh, nhưng hiện tại nó đang bị ô nhiễm, nên có thể nói nó vừa tốt, vừa xấu và nó trung tính. Nó phải được tẩy sạch các nội dung mà nó bị đưa vào để trở nên thanh tịnh, uyên nguyên. Được như vậy thì A-lại-da trở thành căn bản thức (paralaya-vijnana) hay còn gọi là Như Lai tạng (thathagata-barbha). Do đó Như Lai tạng là cái Tâm tuyệt đối, là Phật tính, chân như, viên mãn thanh tịnh. Và cái tâm hiểu trong ý nghĩa này chính là Như Lai tạng, đối tượng của tu hành và thể chứng.

Rất nhiều lần, *Lăng Già* khẳng định tất cả mọi sự đều do tâm biến hiện, tất cả đều không thực có, đều do tưởng tượng, phân biệt. Đức Phật, qua kinh *Lăng Già*, thường ví cái thế giới tâm vật lý như hình nộm cử động do đôi tay của nhà ảo thuật, như đám mây, bóng cây trong nước, ánh chớp, tiếng dội, đứa bé trong mộng của người đàn bà không sanh đẻ được, một bức tranh, một vòng tròn tạo ra do quay một que củi cháy v.v. Ngôn ngữ, kể cả ngôn ngữ tư duy, mà cơ bản là các tên gọi (danh) cũng như các hình tướng (tướng) đều chỉ là những dấu hiệu không thực (giả danh – samketa), đây là tưởng tượng, là biến kế sở chấp (parikalpita) mà thôi. Chỉ có một cái thấy, cái biết chân thực (hay như thực – yathabhutam) là cái biết ngay liền, trực giác (tức hiện lượng – pratyaksha) của Thánh trí (aryajnana).

Chúng được Như Lai tạng hay Thánh trí lại là cái sở đắc những gì xưa nay vẫn như thế, vẫn ở trong mỗi người và chính là cái Tâm tuyệt đối bản lai diện mục, cái Tự chứng pháp tính (pratyatmadharmata), cái pháp tính xưa nay vẫn thường trụ (bổn trụ pháp tính – pauranasthitidharmata).

II. Duy tâm và Vô ngã

Cái tâm trong ý nghĩa là tác nhân của sự hình thành thế giới tâm vật lý, tức là sự vận hành của hệ thống tám thức thì không khó nhận định rằng tâm ấy là do nhân duyên tạo thành, do sự vận hành, tương tác của các thức theo hoàn cảnh và do đó tâm ấy không có tự tính hay tâm ấy vốn vô ngã. Nhưng cái tâm ý nghĩa A-lại-da thanh tịnh hay Như Lai tạng thì sao? Câu hỏi ấy cũng như câu hỏi rằng: Cái Chân tâm, cái Tự chứng pháp tính, Bổn trụ pháp tính là chân thật, thường hằng, bất biến há chẳng phải được hiểu như là một tự tính, cụ thể, vấn đề là: Như Lai tạng có phải là một thứ ngã không? Từ đây, phát sinh một thắc mắc tinh tế hơn: Phật tính, Như Lai tạng mà *Lăng Già* thường nhắc đến có trái với học thuyết vô ngã của Phật giáo mà ngay chính kinh *Lăng Già* vẫn luôn đề cao không?

Ta hãy bắt đầu bằng lời của Bồ-tát Ma-ha-ma-ti (Đại Huệ) hỏi Đức Phật (tr.77, 78 của Phạn bản Nanjo, Suzuki dịch ra Anh ngữ):

“Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Ma-ha-ma-ti bạch Thế Tôn: Thế Tôn có nêu ra cái Như Lai tạng trong các kinh điển và quả thực Ngài đã miêu tả Như Lai tạng có bản tính sáng sủa, thanh tịnh như vốn không ô nhiễm, có ba mươi hai tướng tốt ẩn giấu trong thân thể của mỗi chúng sanh như một viên ngọc quý được bọc trong chiếc áo dơ, trong cái áo của uẩn (skandha), giới (dhatu) và xứ (āyatana) và bị bẩn vì bụi của tham, sân, si và huyễn tưởng, trong khi Thế Tôn miêu tả nó là trường cứu, thường hằng, tốt đẹp, bất biến. Thế Tôn dạy về Như Lai tạng như thế há lại không phải nó là cùng một thứ với cái tự ngã mà các triết gia (ngoại đạo) vẫn tuyên thuyết hay sao? Cái ngã như được nói đến trong các hệ thống triết học là một vị sáng tạo, trường cứu, bất định tính, có mặt khắp nơi và không bị hủy diệt”.

Câu cuối cùng của vấn nạn trên do Ngài Ma-ha-ma-ti nêu ra chỉ là một trong nhiều quan niệm về ngã, linh hồn mà ý nghĩa cơ bản là: Có một cái gì đó vô cùng tinh tế, trường tồn, vĩnh cửu, ở bên trong mỗi người hay mỗi chúng sanh, là linh hồn, là sự sống, là tinh thần, không phụ thuộc vào thể xác.

Trong Lăng Già, Đức Phật nói đến hai loại vô ngã là nhân vô ngã (pudgalanairātmya) và pháp vô ngã (dharmanairātmya). Ta hãy nói về pháp vô ngã trước, tức sự vô ngã của các sự vật mà học thuyết Duy tâm luôn luôn nói tới: Thế giới bên ngoài chỉ là phản ảnh của cái tâm phân biệt, là huyễn tưởng, như trăng trong nước, như hình ảnh trong tấm kính,... Về pháp vô ngã, Đức Phật dạy:

“Này Ma-ha-ma-ti, thế nào là pháp vô ngã? Đây là thể nghiệm rằng các uẩn, giới, xứ được định tính bằng bản chất của sự phân biệt sai lầm. Này Ma-ha-ma-ti, vì uẩn, giới, xứ chỉ là một sự tích tập của các uẩn và phải chịu nhân duyên hỗ tương ràng buộc nhân quả với nhau bằng sợi dây khát ái và nghiệp, nên không có nhân tố tạo sanh nào trong chúng cả. Này Ma-ha-ma-ti, các uẩn không có các tướng đặc thù và tướng tổng quát. Kẻ ngu vì phân biệt lầm lạc mà tưởng ra cái đa phức của các hiện tượng; còn người trí thì không như thế. Này Ma-ha-ma-ti, khi nhận ra rằng tất cả các sự vật đều không có tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tính, vị Bồ-tát Ma-ha-tát sẽ biết thế nào là pháp vô ngã” (tr.70 sđđ).

Đoạn kinh trên khẳng định rằng thế giới bên ngoài hiện hữu là do sự phân biệt của tâm, do sự giao thoa giữa chủ thể tâm vật lý (uẩn) với đối tượng bên ngoài (giới) và với các quan năng nhận thức (xứ). Đây là do duyên sinh, vì duyên sinh nên tất cả đều không có tự tính, tức là vô ngã.

Còn cái vô ngã kia, tức nhân vô ngã, rõ ràng hơn nữa là sự vô ngã của Như Lai tạng thì vấn đề trở nên khó khăn hơn. Chúng ta cố tìm hiểu ý nghĩa – vô ngã, trước khi tìm hiểu về nhân vô ngã.

III. Tâm – Ngã và Vô ngã

Nếu hiểu tâm là toàn bộ hệ thống thức và sự vận hành của chúng (tâm tụ hay thức thân – cittakapala, vijñānakaya) thì khái niệm về sự vô ngã của tâm tương đối dễ hiểu vì các thức nương vào nhau mà vận hành, đây

là ý nghĩa duyên sinh, đưa đến ý nghĩa vô ngã. Nhưng một khi học thuyết Duy tâm được tụ về cực điểm của nó là A-lại-da hay Như Lai tạng thì tâm có vẻ giống như một tự ngã, một linh hồn hằng cửu.

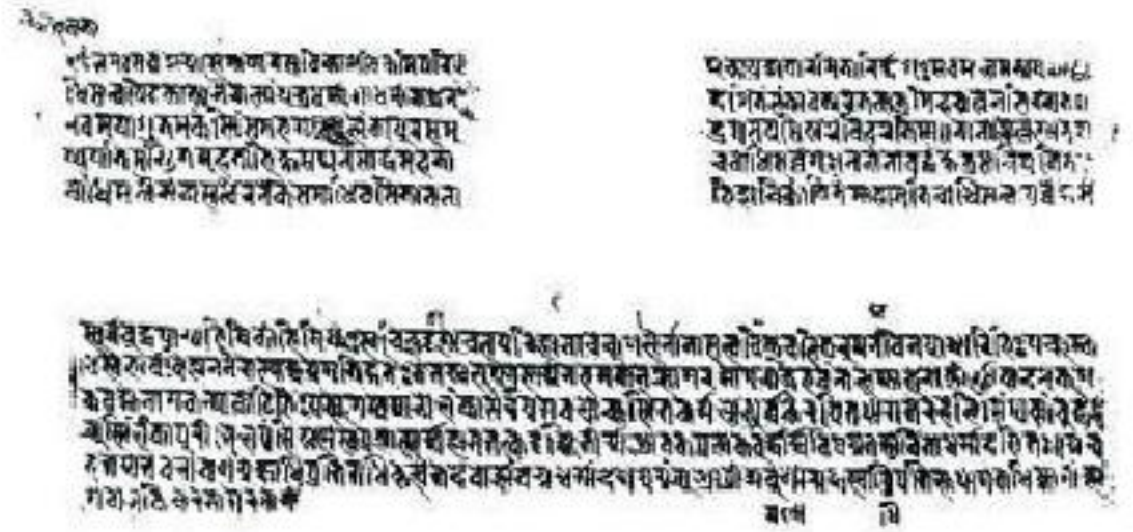
Phật giáo vẫn một mực bác bỏ cái ngã linh hồn như thế và tuyên bố rằng không thể tìm đâu được một cái ngã như thế. Mặt khác, Phật giáo lại nêu lên tính bất khả tư nghị của những gì mang tính tuyệt đối. Lăng Già thừa nhận có một nguyên lý tối hậu, cái Tự chứng pháp tính hay Bản trụ pháp tính vốn là một diễn dịch của cái Tâm tuyệt đối, A-lại-da nguyên bản hay Như Lai tạng. Vấn đề trở nên rắc rối hơn khi người ta có quyền nghĩ rằng Tâm tuyệt đối, Như Lai tạng, Ngã hay Vô ngã có thể chỉ là những phương pháp đối trị những thắc mắc hữu ngã hay vô ngã. Và nếu như thế thì câu hỏi đặt ra ở trên kia hoặc chỉ là một giả vấn đề hoặc vấn đề chưa được giải đáp.

Ta hãy trở lại câu hỏi của Bồ-tát Ma-ha-ma-ti: *“Thế Tôn dạy về Như Lai tạng như thế, há lại không với phải là cùng một thứ với cái tự ngã mà các triết gia vẫn tuyên thuyết đó sao?”.*

Đức Phật đã trả lời như sau: *“Không, này Ma-ha-ma-ti, Như Lai tạng của Ta không phải như cái ngã mà các triết gia tuyên thuyết. Này Ma-ha-ma-ti, vì cái mà Như Lai tuyên thuyết là Như Lai tạng có ý nghĩa rằng đây là cái không, cái bờ giới của thực tính, Niết-bàn, vô sinh, vô định tính và vô nguyên. Lý do khiến chư Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Toàn Giác thuyết giảng giáo lý Như Lai tạng là để làm cho kẻ ngu nói đến giáo lý vô ngã và để làm cho họ thể chứng trạng thái vô phân biệt, vô tướng. Và này Ma-ha-ma-ti, Ta cũng mong rằng chư Bồ-tát Ma-ha-tát trong hiện tại và trong vị lai sẽ không có ý niệm về một cái ngã (mà tưởng rằng nó là một linh hồn). Này Ma-ha-ma-ti, cũng giống như một người thợ đồ gốm tạo ra nhiều bình lọ do một khối đất sét cùng một loại bằng sự khéo tay và cần mẫn, với một cái cần, nước và chì; này Ma-ha-ma-ti, chư Như Lai thuyết giảng về sự vô ngã của các sự vật, gỡ bỏ tất cả những dấu vết phân biệt nhờ vào các phương tiện thiện xảo khác nhau phát xuất từ trí tuệ siêu phàm của chư vị; đây là có khi chư vị dùng lý thuyết Như Lai tạng, có khi dùng lý thuyết vô ngã. Và cũng như người thợ đồ gốm, chư vị dùng nhiều đề mục, nhiều biểu từ và nhiều từ đồng nghĩa mà thuyết giảng. Vì thế, này Ma-ha-ma-ti, học thuyết về Tự ngã của các triết gia không phải là cùng một thứ với giáo pháp như Như Lai tạng. Này Ma-ha-ma-ti, học thuyết Như Lai tạng được trình bày để thức tỉnh các triết gia cho họ khỏi chấp vào ý niệm về ngã, để cho những ai đã rơi vào các kiến giải cho rằng cái ngã phi hữu là thực và rơi vào cái ý niệm tam giải thoát là cứu cánh thì bây giờ nhờ học thuyết này mà họ có thể nhanh chóng ngộ được trạng thái chứng ngộ tối thượng” (tr.79 sđđ).*

Đoạn kinh trên bao gồm 5 điểm sau đây:

1/ Học thuyết Như Lai tạng không cùng nghĩa với học thuyết Tự ngã, 2/ Như Lai tạng có ý nghĩa là không, vô tướng, vô nguyên (tức là vô ngã), 3/ Học thuyết Như Lai tạng nhằm cho người ngu khỏi sợ hãi khi nghe đến học thuyết vô ngã (vì vô ở đây không phải là trống rỗng, đối



Một trang kinh Lăng Già (bản Tạng ngữ)

lập với hữu), 4/ Học thuyết Như Lai tạng nhằm cho người chấp ngã thức tình, chóng đến Tam giải thoát (không, vô tướng, vô nguyện), và 5/ Học thuyết Như Lai tạng và học thuyết Vô ngã được thuyết giảng tùy theo hoàn cảnh, đối tượng, như là những phương tiện thiện xảo để trình bày chân lý. Như vậy, Như Lai tạng là vô ngã, nhưng không phải là cái gì trống rỗng mà là một thực tính của tuyệt đối. Khẳng định như thế là giải đáp được phần nào câu hỏi trên. Trong nỗ lực giải đáp tối đa cho câu hỏi, ta thử xét thêm về nhân vô ngã, hay cái vô ngã của con người hay của một cái gọi là chủ thể.

Cái tư tưởng cho rằng mỗi người là một chủ thể, có tự tính hay linh hồn thật ra chỉ là do thói quen, tập khí phân biệt từ vô thủy, thâm nhiễm qua chuỗi luân hồi dài của sinh mệnh trong ba cõi. Nếu không thể tìm ra được cái ngã nào trong con người thì không thể gán cho Như Lai tạng hay A-lại-da thức ở trong con người đó một ngã tính nào được. Về nhân vô ngã, Đức Phật dạy:

"Nhân vô ngã nghĩa là gì? Đó là một tập hợp các uẩn, giới, xứ, không có gì thuộc ngã thể cả. Thức có gốc là vô minh, nghiệp và khát ái và thức duy trì chức năng của nó bằng cách nhiếp các các đối tượng vào các căn như mắt, v.v. và do chấp các đối tượng là thực, trong khi một thể giới đối tượng và thân thể chỉ được thể hiện do bởi sự phân biệt xảy ra trong một thể giới của chính cái tâm, tức là trong A-lại-da thức. Do tập khí được chất chứa bằng cách suy tưởng sai lầm từ vô thủy, cái thể giới này phải chịu vô thường và đoạn diệt trong từng sát-na giống như một dòng sông, một hạt giống, một ngọn đèn, gió và mây, trong khi cái thức tự nó như một con khỉ không lúc nào ngưng nghỉ, giống như một con ruồi bao giờ cũng tìm kiếm những thứ không sạch và những chỗ dơ bẩn, giống như một ngọn lửa không bao giờ thỏa. Lại nữa, cũng giống như một bánh xe kéo nước hay một cái máy, thức tiếp tục lăn bánh xe luân hồi, mang nhiều thân xác khác nhau, làm sống lại cái chết như quỷ Vetàla vẫn làm, khiến cho các hình nộm bằng gỗ cử động lung tung như nhà ảo thuật vẫn khiến. Nay Ma-ha-ma-ti, đây là sự thâm hiểu về nhân vô ngã" (tr.68, 69 sđd).

Cũng như đã nói về pháp vô ngã, ở đây, Đức Phật cũng định nghĩa con người là một tập hợp của các uẩn, giới, xứ, tức là con người được hình thành do nhân duyên nên không thể mang ngã tính. Sự việc con người ý thức về

minh, nghĩ mình là một chủ thể, có ngã, linh hồn là vì con người có tám thức, sự vận hành các thức lại có gốc là nghiệp, và khát ái, tức là cái gốc mười hai chi phần duyên khởi được nói gọn. Do nghiệp lực và như là tập khí, thức vận hành không ngừng, tạo ra những hình ảnh, những ý tưởng, tạo ra sự sinh diệt luân hồi. Thức thiên biến vạn hóa như quỷ Vetàla, như nhà ảo thuật đến nỗi có thể ví như ông thần (thức thần), và thế là thế giới bên ngoài, bên trong con người đều là giả, là tướng tượng.

Duy thức hay Duy tâm là nhằm tỏ ý rằng cái thế giới này đây, con người này đây là do thức, do tâm tạo ra, chỉ có thức, chỉ có tâm mà thôi vậy. Duy tâm trong *Lăng Già* còn tỏ cái A-lại-da Như Lai tạng như là thực thể tối hậu và Duy tâm ở đây là duy A-lại-da, duy Như Lai tạng trong ý nghĩa thực thể tối hậu này là không, là vô ngã. Từ đó, *Lăng Già* để nghị phải chứng cho được cái thực thể tối hậu vô ngã này bằng một sự đột chuyển (paravritti), được hiểu như sự đốn ngộ trong Thiền tông. Duy tâm của *Lăng Già* còn bao gồm ý nghĩa này nữa!

VI. Kết luận

Trên đây là một nỗ lực để có thể nói được rằng học thuyết Duy tâm trong kinh *Lăng Già* một khi được phân tích đến phần cốt lõi là A-lại-da, Như Lai tạng, người ta có thể nghĩ rằng phần cốt lõi này mang một ngã tính, nhưng thật ra nó là vô ngã. Nỗ lực trên vẫn chưa thỏa đáng cho cái thắc mắc rằng: phải chăng có mâu thuẫn trong câu trả lời Bồ-tát Ma-ha-ma-ti của Đức Phật khi Ngài dạy rằng Như Lai tạng không giống với Tự ngã (tức Như Lai tạng là vô ngã) và rằng học thuyết Như Lai tạng nhằm cho người ngu khỏi sợ hãi khi nghe nói đến học thuyết vô ngã (tức là, một cách nào đó, Như Lai tạng khác với vô ngã)? Nếu người ngu sợ hãi khi nghe nói đến vô ngã (vì nghĩ rằng nếu vô ngã thì mình sẽ bị mất đi) thì người ấy cũng sẽ sợ hãi khi nghe nói đến Như Lai tạng nếu như Như Lai tạng không mang một ngã tính nào!

Thắc mắc ấy phải chăng phát xuất từ một trí óc nhị biên, phân biệt, chấp trước, điều mà *Lăng Già* cực lực bác bỏ? *Lăng Già* kêu gọi chúng ta hãy tự tu, hãy tự chứng cái chân lý tự nội (svasiddhanta), hãy làm sao có sự đột chuyển (paravritti) xảy ra ngay chính trong A-lại-da. Đây cũng chính là nội dung của pháp môn Thiền định vậy... ■



sinh ra từ Games online?

NGUYỄN CÁN

Bàn phím và tội ác?

Tin về việc một học sinh lớp 12 giết và chôn xác cha mình đem thả trôi sông phi tang ở Hải Dương để lấy tiền ăn chơi, thỏa mãn cơn nghiện Internet (hay đúng hơn là nghiện games online) đã được nhiều phương tiện thông tin đại chúng phân tích, mô tả, cùng với những vụ án có liên quan đến games khác; như trường hợp một học sinh ở Hà Nội dự định ăn trộm để lấy tiền chơi games nhưng bị phát hiện đã chém chết chủ nhà. Tác giả những bài báo ấy cho rằng “nghiện games thì cũng không khác nghiện ma túy là mấy”. Từ đó có ý kiến về việc cần phải xem lại giới hạn cho việc kinh doanh games online. Nhưng có thực cái ác trong giới trẻ hiện nay chỉ là do việc “ghiền” games mà ra chăng?

Thế thì chúng ta giải thích thế nào khi có kẻ chỉ vì nhấn còi mà xe trước không kịp nhường đường đã rút súng ra

bắn? (Vụ Nguyễn Văn Thành bị bắn trên đường Hai Bà Trưng – Hà Nội ngày 8/6). Giải thích thế nào khi một thanh niên đâm chết người yêu 14 tuổi vì nghi ngờ bị phụ bạc? (Vụ Nguyễn Hoàng Minh ở Rạch Giá), hoặc giết người khi tỏ tình bị từ chối (Vụ Lê Trung Hiếu ở Cần Giuộc ngày 16/6)? Chúng ta giải thích thế nào khi hai kẻ làm công giết con chủ nhà lấy 30 triệu (Trường hợp hai tên Nguyễn và Vũ ở TP. HCM)... và còn hàng loạt án mạng từ những chuyện rất nhỏ nhặt như không đưa tiền cho chồng đi nhậu, làm gà đãi khách không hỏi ý kiến chồng...

Thiện căn ở tại...

Những kẻ ghiền games nghĩ gì khi hành động? Chúng còn trẻ, đang kiếm tìm niềm vui, dù là giả tạo, trong những hình tượng người hùng ảo trên mạng? Chúng hủy hoại những trở ngại trong đời thực để mưu cầu



Giải trí bằng games on line “cẩn kiểm soát”

“hạnh phúc” trong thế giới hình ảnh. Nói như một nhà phê bình, “*Thân không bằng mộng cho nên mộng cho cam thân*”. Tương tự, bản người khác để tự khẳng định khí chất “anh hùng” của mình như trong phim ảnh mà không hình dung ra mức độ của tội ác. Phải chăng họ đang sống trong những cuồng vọng hào huyền? Còn những kẻ điên cuồng trong yêu thương, buộc người khác phải yêu mình dù muốn hay không? Họ đang tự cho mình cái quyền “phải được yêu” mà không tự nhìn lại mình xem có xứng đáng với tình yêu ấy? Tất cả bắt nguồn từ đâu? Không phải chỉ từ games!

Ralph Waldo Emerson đã từng nói: “*Tùy vào những cách suy nghĩ khác nhau, cuộc sống trần tục này có thể là thiên đường hay địa ngục*” hay như Hamlet của Shakespeare “*Không gì là xấu hay tốt, chỉ những nghĩ suy của ta tạo ra nó mà thôi*”. Nói theo ngôn ngữ thiền, kẻ nào rút gươm ra, kẻ ấy đã mở lối địa ngục. Nhưng trước khi rút gươm, tâm thức của anh ta đã chứa đầy hờn căm và những nghĩ suy hiểm ác. Nghĩa là một khi trong lòng đã đánh mất thiện căn, thì con người ta sẽ sa vào tà đạo. Nói theo nhà Phật thì “tâm thiện đang hoạt động thì vắng mặt tâm ác, tâm tham đang hoạt động thì vắng mặt tâm bố thí (tâm từ)”. Tâm bệnh do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là tham, sân si; được ví như những vi trùng gây bệnh. Tham về của cải, tình cảm, địa vị..., tham mà không được thì khởi tâm sân hận và sau cùng là những hành động cuồng điên do si muội. Như vậy đã rõ, cái mà chúng ta đang thiếu trong cuộc sống hôm nay là những bài học về tính thiện, là những tấm gương tinh cần trong rèn luyện, huấn tập thân tâm. Trẻ em lớn lên chỉ thấy một xã hội tôn vinh những giá trị ảo: ca tụng phú quý như là một lý tưởng cần phải vươn đến, hạ thấp chuẩn mực đánh giá con người trên những tài

sản mà anh/ta sở hữu: Nhà cửa, thu nhập, thậm chí giá trị tinh thần cũng chỉ được hiểu qua những học hàm, học vị, chức tước, bằng khen... Hãy lắng nghe những câu chuyện của giới trẻ, chúng ta sẽ hiểu vì sao động cơ chân chính bị thu chột mà thay vào đó là sự tán tụng những giá trị vật chất. Trong học đường, những bài học về đạo đức thừa thớt, hơi hợt; còn trong xã hội thì người ta mãi mê tìm cách làm giàu bất chấp thủ đoạn.

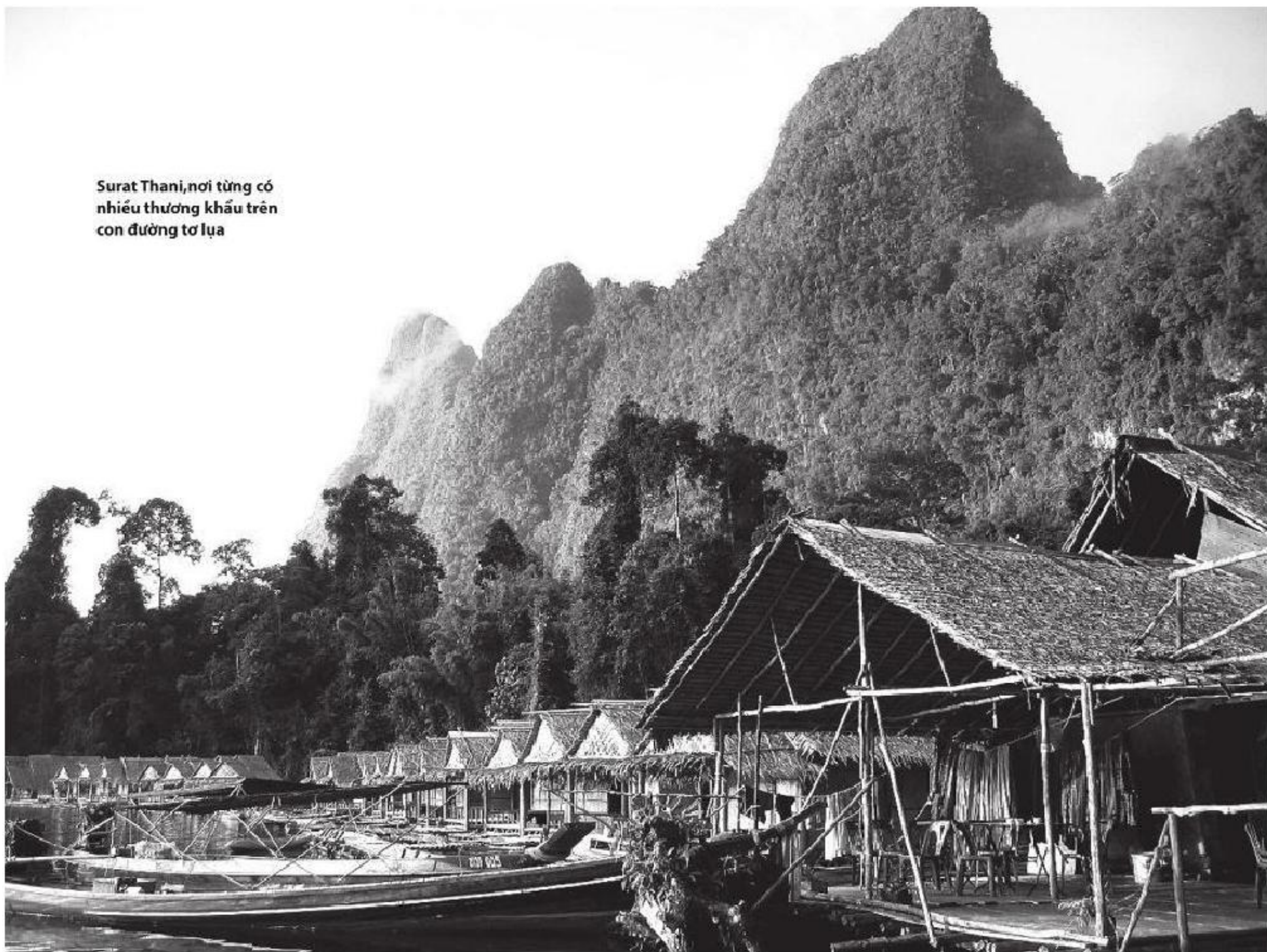
Phải làm sao vực dậy chữ TÂM?

Làm sao giáo dục tính THIÊN trong nhà trường và nhất là trong gia đình? Không ở đâu mà lòng yêu thương con người, quý trọng mạng sống được dạy dỗ tốt và có hiệu quả cho bằng trong gia đình vì ở đó con trẻ học được ý nghĩa và niềm vui trong tình yêu. Nhà tâm lý học Donald W. Winnicott nhận thấy những đứa trẻ chơi đùa khi có mẹ gần bên thì có khả năng sáng tạo trong các trò chơi nhiều hơn những đứa trẻ khác khi mẹ chúng ở xa hơn. Chúng sẽ tạo ra vòng tròn sáng tạo là khoảng không gian bọn trẻ có thể chơi mạo hiểm và thử làm mọi thứ, té ngã và đứng dậy, thất bại và thành công vì chúng cảm thấy được an toàn và được bảo vệ trước một người yêu thương chúng vô điều kiện luôn hiện diện bên chúng. *Tình yêu vô điều kiện ấy tạo ra một vòng tròn hạnh phúc song hành*. Ta thử nhìn lại những kẻ gây tội ác bên trên, phần đông đều thiếu vắng tình yêu ấy. Đứa con giết cha thì vẫn sống một mình, mẹ ở phương xa, hình như gia đình không hề hạnh phúc, cha lại yêu một người đàn bà khác (!). Những kẻ thủ ác trong tình yêu thì chắc hẳn là những kẻ thiếu thốn, thèm khát tình yêu, hay nói cách khác, “tật nguyên tâm hồn”. Khi người ta thiếu thốn và cô đơn, cái ác dễ tìm đến gõ cửa, quyến rũ. Thậm chí những kẻ no đủ vật chất nhưng mù lòa lương tri cũng đã đánh mất “tính NGƯỜI”, như những tên bản người giữa phố. Nói tóm lại, sự bất an trong tâm hồn khiến người ta dễ dàng mất động theo bản năng. Ngoài gia đình và học đường, giáo dục công dân trong xã hội cũng vô cùng cần thiết. Ở đây, chính quyền phải xem lại những hình thức giải trí mà games online là một phương tiện “cẩn kiểm soát”; tương tự là sách báo và phim ảnh, hãy bóc khai thác khía cạnh tội ác và tính dục trong phim. Ngoài ra, phải hướng con người, dẫu trong hoàn cảnh nào, hướng tâm đến những đối tượng tâm linh để tin tưởng, làm mục tiêu và lý tưởng cho đời. Khi tâm thức hình thành sức mạnh hướng thiện, thích thú và nỗ lực thực hành, chúng ta sẽ khởi sinh tín lực. Tín căn và tín lực là cơ sở và năng lực của niềm tin giúp ta từ bỏ điều ác, là lối thoát cho mọi bất hạnh và khổ đau. Ta hãy lắng nghe lại lời Phật dạy hàng ngàn năm trước:

*Như ngôi nhà khéo lợp
Mưa không xâm nhập vào
Cũng vậy, tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập*

(Kinh Pháp Cú) ■

Surat Thani, nơi từng có
nhiều thương khẩu trên
con đường tơ lụa



Một con đường tơ lụa khác vừa được phát hiện

LÂM HẠNH NHIÊN

***Chứng cứ khảo cổ học cho thấy một trong những con
đường hàng hải thương thuyền chính của thế giới ngày
xưa đã vượt đất liền thông qua vùng phía Nam Thái Lan***

Lầu nay, người ta đã biết nhiều về Con đường Tơ lụa nổi tiếng nối liền Đông-Tây mà Marco Polo và nhiều nhà thám hiểm phương Tây khác đã sử dụng. Tuy nhiên, chẳng mấy người biết rằng trong nhiều thế kỷ, các thương nhân nước ngoài còn sử dụng một con đường khác đi xuyên qua miền Nam Thái Lan để vận chuyển hàng hóa từ Hy Lạp, La Mã đến Trung Quốc và ngược lại theo đường biển.

Con đường tơ lụa xuyên Thái Lan ấy bắt đầu từ một địa điểm nằm ở vùng duyên hải phía Tây Thái Lan trên bờ biển Andaman và kết thúc ở một địa điểm thuộc vùng bờ biển phía Nam trong Vịnh Thái Lan, tại tỉnh Surat Thani, thường được người Thái Lan gọi là con đường Thung Tuk – Laem Pho. Khi sử dụng con đường này, để tới được vùng biển Đông trong khu vực Thái Bình Dương, thương nhân đã không phải đi thuyền dọc theo eo biển



Tranh vẽ thể hiện thần Ganesha



Các hiện vật khai quật được trên Con đường tơ lụa

Malacca, vốn là con đường dài hơn và đầy hải tặc.

Trong thế kỷ thứ nhất, những con đường hàng hải thương thuyền của thế giới đã nối liền Tây Âu với Ấn Độ, Đông Nam Á và miền Nam Trung Hoa nhờ vào mặt biển, được coi là một hệ thống thương mại quốc tế. Các cộng đồng thương mại hoạt động quanh biển Andaman ở Đông Nam Á, bao gồm các thương nhân ở Nam Thái Lan, đã trở thành một bộ phận của hệ thống thương mại quốc tế ấy. Những nhóm thương nhân này phát triển dần thành những thành phố cảng hay những thương khẩu đã làm cho việc trao đổi hàng hóa địa phương với hàng hóa ngoại quốc, cũng như các hoạt động trao đổi văn hóa, trở nên dễ dàng và thuận lợi hơn, giữa Ấn Độ, Trung Hoa, vùng Trung Cận Đông và các đế quốc Hy Lạp, La Mã.

Trong số những thương khẩu ở miền Nam Thái Lan bấy giờ có thương khẩu Phu Khao Thong ở tỉnh Ranong và thương khẩu Khuan Lukpat ở tỉnh Krabi. Cả hai thương khẩu này đều là những nơi sản xuất chuối hạt. Ở đây, người ta đã phát hiện được số lượng khổng lồ các chuối hạt, nhất là loại chuối hạt đơn sắc có nguồn gốc Indo-Pacific. Người ta cũng đã khai quật được rất nhiều hiện vật cổ có xuất xứ ngoại quốc như những đồ trang sức có hình khắc lõm trên mặt đá carnelian của La Mã, những chuối hạt có chạm khắc, mặt hạt chuối, đồ thủy tinh, tiền đúc và đá có khắc chạm của Ấn Độ.

Tại Phu Khao Thong, các nhà khảo cổ cũng đã phát hiện được nhiều đồ gốm đen có hình dáng thanh nhả và những hoa văn hình sọc dọc đảo tương tự những sản phẩm được phát hiện ở Arikamedu, Ấn Độ. Bên cạnh đó còn một mặt dây chuyền bằng đá trong suốt trên có khắc hình một con sư tử ngồi ở tư thế hai chân trước gấp lại, một biểu tượng của việc quy hướng Tam bảo trong Phật giáo Ấn Độ và một hình ảnh dấu chân Đức Phật thu nhỏ theo mô thức mỹ thuật truyền thống Ấn Độ. Tại Khuan Lukpat, một mô hình bánh xe Pháp bằng đá cũng

đã được khai quật. Việc phát hiện những cổ vật này dẫn các nhà khảo cổ học đến một kết luận là đạo Phật có thể đã được truyền đến vùng này trước thời Amaravati, trong khoảng từ thế kỷ thứ 2 đến thế kỷ thứ 3, khác với những điều được tin trước đây.

Nhiều hình khắc về con sư tử ngồi ở tư thế gấp hai chân trước tương tự như hình khắc phát hiện được ở Phu Khao Thong đã từng được tìm thấy tại Taxila ở Ấn Độ. Vào năm 250, khi truyền bá Phật giáo ra khắp thế giới, đại đế A-dục đã sử dụng các hình ảnh sư tử, bánh xe Pháp, con voi trắng và nhiều biểu tượng khác như là những biểu hiệu của Phật giáo. Đó là trước lúc bức tượng Đức Phật đầu tiên được tạo tác trong thời kỳ Amaravati.

Các nhà khảo cổ cho rằng khoảng 2.000 năm trước, Khuan Lukpat và Phu Khao Thong đã là những thành phố cảng nhộn nhịp. Nhưng về sau, khoảng 1.300 năm trước, khi dân cư vùng này khám phá được kỹ thuật đi biển với sự giúp đỡ của gió mùa, một thị trấn cảng mới đã nảy nở tại Thung Tuk, trong khi Phu Khao Thong và Khuan Lukpat trở nên kém quan trọng. Vùng khai quật khảo cổ học Thung Tuk nằm trong làng Thung Tuk trên đảo Koh Kho Khao, huyện Ta Kua Pa, tỉnh Phangnga. Hòn đảo này đối diện biển Andaman ở hướng Tây và sông Takua Pa ở hướng Đông.

Vị trí của đảo Koh Kho Khao cung cấp một nơi neo đậu an toàn cho tàu thuyền trong mùa gió lớn, về sau hòn đảo này đã được phát triển để thành một cảng biển nằm trên vùng duyên hải phía Tây của miền Nam bán đảo. Người địa phương còn gọi đảo này là Muang Thong.

Thung Tuk xuất hiện như một thương khẩu quan trọng sau khi có sự phát triển kỹ thuật đi biển cho phép thủy thủ không chỉ đi dọc bờ biển mà còn có thể vượt đại dương. Thịnh vượng trong khoảng thế kỷ thứ 9 và thứ 10, thành phố cảng này được các nhà khảo cổ tin rằng đã là nơi thương nhân nghỉ ngơi và còn là một thị



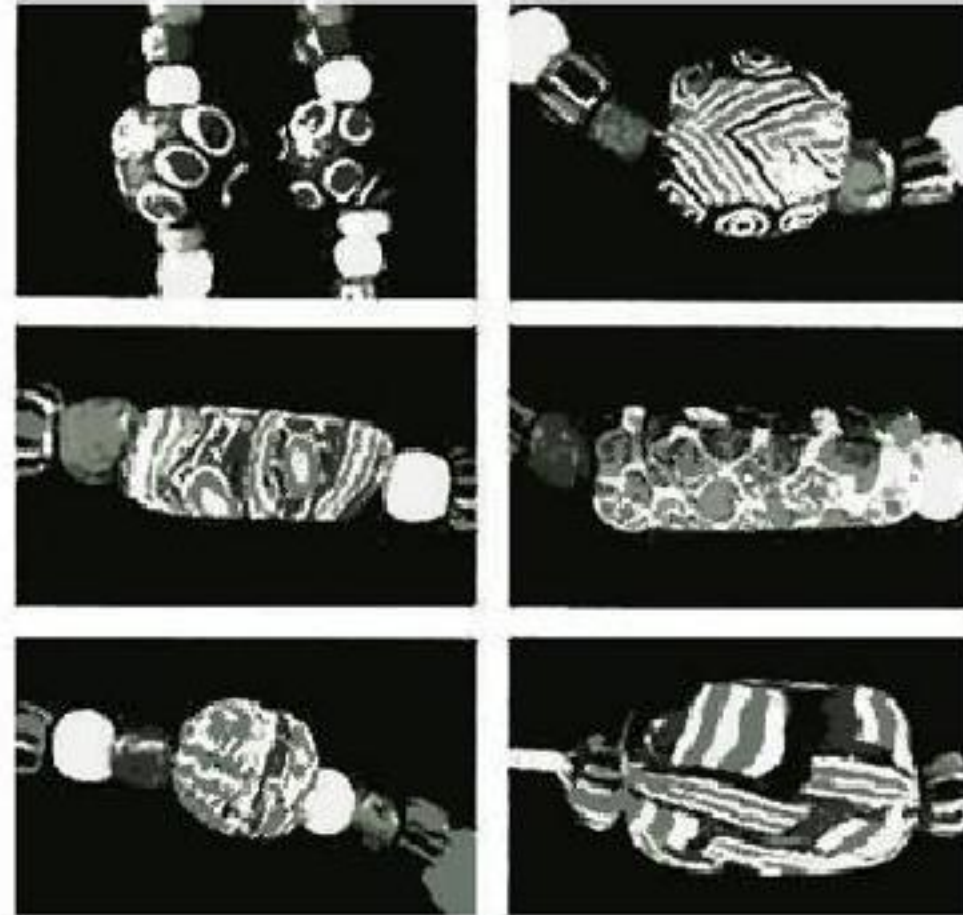
Vật trang sức chạm lọng xuất xứ La Mã

trường quan trọng cho các sản phẩm địa phương như hương liệu, các sản phẩm quý hiếm của núi rừng, và có thể là thiếc, cũng như những hàng hóa có xuất xứ Trung Hoa, Ấn Độ, Trung Đông và Tây phương. Những hiện vật phát hiện được ở đây gồm có đồ gia dụng, các loại hạt chuỗi, sản phẩm thủy tinh rực rỡ đến từ vùng Trung Cận Đông và các xứ thuộc Địa Trung Hải, đồ gốm sứ Trung Quốc có niên đại đời Đường (618-907), các sản phẩm chế tác từ lam ngọc vùng Basra đến từ Iran và các loại hạt chuỗi đến từ Ấn Độ, kể cả những hạt thủy tinh và những loại hạt bằng vàng. Tại đây cũng còn khai quật được cả những loại hạt bằng thủy tinh đơn sắc có chạm khắc, những đồ trang sức xa xỉ thường chỉ tìm thấy ở những thành phố cảng quan trọng.

Tại Thung Tuk, các nhà khảo cổ cũng tìm thấy những tác phẩm điêu khắc liên quan đến Phật giáo và Ấn Độ giáo, cụ thể là những tượng Phật và tượng của thần Ganesha, vị thần có khả năng *Đẩy Lùi Trở Ngại* trong Ấn Độ giáo. Di tích của những kiến trúc cổ được phát hiện mang những đặc điểm kiến trúc và kỹ thuật xây dựng tương thích với những điều được phát hiện tại thung lũng Bujang, Mã Lai. Chúng gồm có một công trình bằng đất hình chữ nhật, có thể là một hồ chứa, một vài công trình bằng đá đã đổ nát, bệ của một đền thờ thần Ganesha và di tích của một tu viện Phật giáo. Các khai quật ấy phản ánh những hoạt động văn hóa khác biệt của cư dân đã từng sinh sống tại thị trấn cảng cổ xưa này.

Trong vùng châu thổ của sông Takua Pa đối diện với Thung Tuk còn có một ngọn núi nhỏ. Trên đỉnh ngọn núi này vẫn còn di tích của một tòa kiến trúc tôn giáo. Người ta đã phát hiện được ở đó một pho tượng thần Vishnu bốn tay cao 202cm có mang hình dạng con người. Điều này cho thấy cư dân ở đây cũng từng thờ thần Vishnu.

Nhà nghiên cứu lịch sử mỹ thuật Pierre Dupont cho rằng pho tượng này thuộc nền mỹ thuật Pallava và có



Các loại hạt chuỗi đã khai quật được

niên đại thế kỷ thứ 6 hay thế kỷ thứ 7, trong khi sử gia Stanley O'Connor thuộc Viện Đại học Cornell lại xếp pho tượng này thuộc phong cách hậu Gupta xuất hiện trong khoảng từ cuối thế kỷ thứ 7 đến đầu thế kỷ thứ 9. Hiện pho tượng này đang được lưu trữ và trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Bangkok.

Trạm trung chuyển kế tiếp trên con đường tơ lụa này, Khao Phra Narai hay Khao Wiang thuộc huyện Kapong tỉnh Phangnga, là một ngọn đồi nhỏ tọa lạc ngay vị trí nơi hai con kênh Leh và Rommanee gặp nhau để tạo nên con sông Takua Pa. Trên đỉnh của ngọn đồi này, ngày xưa có ba tòa kiến trúc tôn giáo đứng đối xứng nhau giữa con sông. Trong đó có một pho tượng thần Vishnu bốn tay đang ngồi trong tư thế du-già. Cũng trên đỉnh đồi còn có một tảng đá có khắc chữ Tamil, một ngôn ngữ vùng Nam Ấn Độ, nói về việc đào một hồ chứa nước. Ngoài ra, ba bức tượng mà sử gia Piriya Krairiksh cho là phảng phất hình ảnh của những vị thần Ấn Độ giáo thuộc thời kỳ Pallava thì hiện được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia ở Thalang, Phuket.

Một điểm dừng khác là Khuan Phunphin hay Khuan Saranrom nằm trong huyện Phunphin, tỉnh Surat Thani, ngay điểm hợp lưu của hai con sông Tapi và Phumduang. Các nhà khảo cổ học đã thu nhặt tại nơi này những di tích của một thánh địa vuông vức mỗi bên 7m, một pho tượng Bồ-tát, những tấm bùa hộ mạng bằng sứ mang hình Đức Phật, phần đầu và phần thân của một số tượng Phật, cùng những đồng tiền cổ bằng bạc của Ả Rập có niên đại 767 Tây lịch. Pho tượng Bồ-tát hiện được lưu trữ tại Bảo tàng Quốc gia ở Lop Buri.

Trạm đến tiếp theo, Khao Sri Wichai hay Khao Phra Narai, cũng nằm trong huyện Phunphin tỉnh Surat Thani, là một ngọn núi cô độc đứng chơ vơ giữa đồng bằng cách con sông Phum Duang chừng 400m. Ở đây, đã khai quật được tám tòa kiến trúc tôn giáo. Cùng với những

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2009

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2009, các cá nhân, đơn vị hướng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 60 cuốn/kỳ
Bà Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 26 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tíb , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Ô. Lương Trung Hiếu , Q.1	: 15 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Hồng Phúc-Xuân An , Q. BT	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai	
98 Nguyễn Thượng Hiền, BT	: 4 cuốn/kỳ
Cô Phan Thị Nguyễn Thảo	
Cty Unilever	: 4 cuốn/kỳ
Chị Thanh	
298 Lạc Long Quân, P.8, TB	: 4 cuốn/kỳ
Chị Liên Hoàng , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Cô Lý Lạc Bích Ngọc , Q.12	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn , Q. 7	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này : 306 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

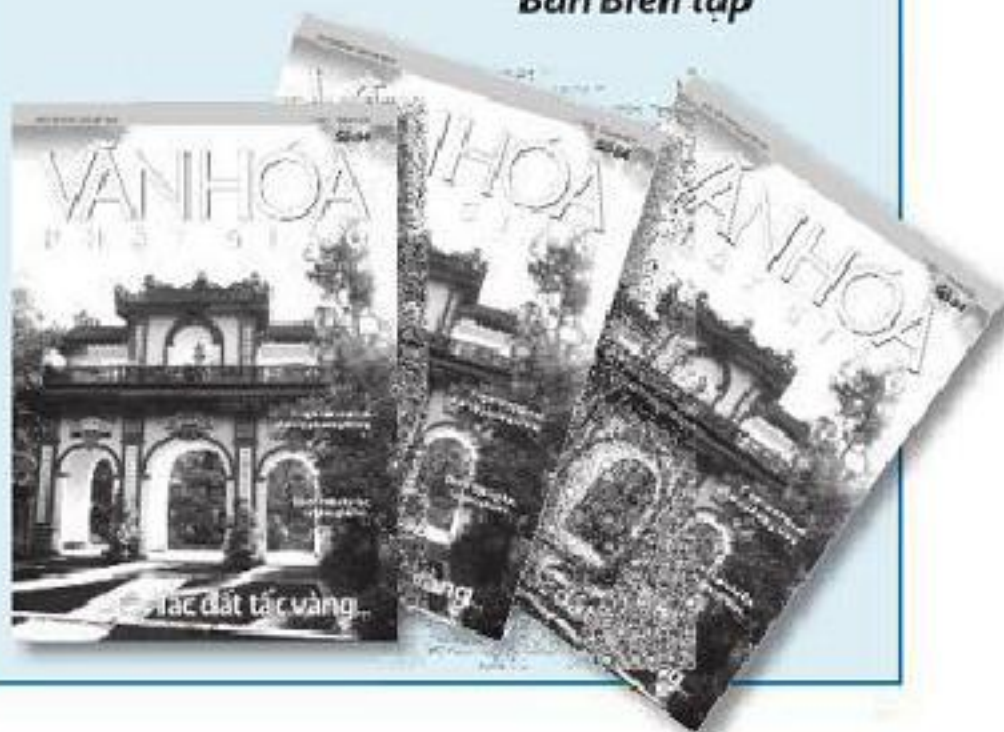
Tòa soạn : (08) 3 8484 335 hoặc

Phòng Phát hành VHPG :

(08) 3 8991 529

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



tòa kiến trúc ấy còn có một pho tượng thần Vishnu thật lớn có niên đại khoảng thế kỷ thứ 8 cùng những đồ gốm sứ Trung Hoa đời Đường, những đồ thủy tinh, đồ gia dụng và hạt chuỗi nhiều loại của Iran.

Điểm đến cuối cùng của con đường tơ lụa này là Laem Pho thuộc huyện Chaiya tỉnh Surat Thani và được coi là tiền thân của thành phố cảng Chaiya. Nhiều chứng cứ khảo cổ học, bao gồm những đồ gốm Trung Quốc, những sản phẩm Ba Tư có niên đại thế kỷ thứ 10, những đồng tiền cổ Trung Quốc phát hành trong khoảng 618 đến 627 Tây lịch, các sản phẩm địa phương, những loại hạt chuỗi, sản phẩm thủy tinh, di tích của những con thuyền cổ và những giếng phun cũng đã được khai quật trong khu vực này.

Các nhà khảo cổ cho rằng toàn thể những thương điểm nằm dọc vùng bờ biển Andaman ở Nam Thái Lan có thể được gọi chung bằng cái tên "Takola" hoặc những cái tên tương tự. Những danh từ riêng dẫn xuất từ cái tên "Takola" đã được nêu lên trong *Kampir Milinthapanha*, một tài liệu tôn giáo xuất hiện trước thế kỷ thứ nhất; tên "Takola Emporion", một điểm tụ điểm thương mại nằm trên bờ Tây bán đảo Mã Lai đã được nêu lên trong sách *Địa lý vùng Đông Á* (Geography of Eastern Asia) của Ptolemy xuất bản vào khoảng năm 150; tên "Talaittakolam" xuất hiện trên một tấm bia đá ở Tanjore, Ấn Độ.

Các nhà khảo cổ cũng tin rằng con đường tơ lụa phía Nam này có thể đã là một yếu tố quan trọng đối với cả sự vinh quang lẫn sự suy tàn của Chaiya, thủ phủ của đế quốc Srivijaya tồn tại từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 11. Các chứng cứ khảo cổ học khẳng định rằng Chaiya và các thương điểm dọc con đường tơ lụa ấy đã hiện diện trong cùng thời kỳ.

Sau vài thế kỷ hoạt động nhộn nhịp, các thương khẩu dọc con đường này đã bị bỏ quên. Có nhiều lý thuyết đã được nêu ra để giải thích cho sự suy tàn của con đường này. Trước hết, khi đường qua eo biển Malacca trở nên an toàn hơn thì việc đi bằng đường biển dễ dàng hơn là phải vượt thêm một đoạn đường bộ. Thứ hai, việc thương mại có thể đã bị ảnh hưởng bởi chính sách bế quan tỏa cảng của Trung Quốc. Thứ ba, những thành phố cảng này có thể đã bị cướp bóc bởi sự xâm lăng của đế quốc Chola, một nhánh của đế quốc Tamil, như đã được ghi nhận trên một bia đá dựng ở Tanjore, Ấn Độ.

Các nhà khảo cổ học Thái Lan cho rằng con đường tơ lụa phía Nam đã đóng một vai trò quan trọng với tính cách là một phương tiện kết nối hai vùng đại dương và đem lại sự phát triển cho bán đảo Mã Lai; do đó đã là một bộ phận quan trọng của quá trình tiếp biến văn hóa của cả vùng Á châu. Vì vậy, họ đang nghĩ đến việc vận động để con đường này được công nhận là một di sản thế giới. ■

(Viết theo tài liệu của Bangkok Post, số ra ngày 21-6-2009)



Quỳnh hoa

TRẦN NGỌC HOÀNG

Trong hết thảy các loài hoa trên mặt đất, có lẽ hoa Quỳnh là một trong hiếm hoi những loài hoa đặc biệt nhất. Cây hoa giản dị, họ nhà xương rồng, ban ngày trông xoàng xĩnh tầm thường, nhưng về đêm Quỳnh là vua của muôn hoa. Hoa Quỳnh rất dễ trồng, chỉ cần nửa chiếc lá cắm vào đất tối xốp, vài tháng đã có một khóm hoa Quỳnh nhỏ. Nhiều người hay trồng hoa Quỳnh trong chậu, hoặc ven hiên nhà phía ngoài cửa sổ. Thường những người đã có tuổi hoặc từng trải mới dám trồng hoa Quỳnh. Có người trồng cả đời nhưng Quỳnh không chịu nở hoa. Hoa Quỳnh kén người trồng như kén bạn tâm giao.

Ngắm hoa Quỳnh nở là một cái thú vào loại bậc nhất trên đời. Còn gì hơn dưới ánh trăng sáng mờ như lụa bóng, trái chiếu chiếu nhỏ, bày độc ẩm trà và thêm một ít mẽ tửu, cùng với vài người bạn tốt uống rượu ngắm hoa. Nhân gian bảo hoa Quỳnh nở vào nửa đêm nhưng không phải vậy. Hoa Quỳnh nở sớm hơn rất nhiều. Từ chập tối, nụ hoa đã no tròn chúm chím. Đài hoa nở dần, những đường gân hoa trắng xanh bung ra từ từ. Cống hoa mới ban ngày còn rất nhỏ, vào đêm thoát dài ra như một cánh tay con gái xanh xao. Thường vào cử tám giờ tối là giờ hoa Quỳnh bắt đầu nở. Nhìn nụ hoa mở lòng trinh bạch, ta nghe tim mình bỗng dưng đập rộn. Gió đêm thoảng nhẹ, cống hoa cứ



vươn dài ra, những cánh hoa run run e ấp. Từ giữa lòng hoa, một bầy nhụy trắng đội mũ vàng trơ nguyên tủa sâu vào lòng đêm. Ánh trắng đã lên cao sáng rờ rờ sau bờ tre. Mùi xạ hương bay ra ngầy ngất. Hương Quỳnh ôm choàng lấy chút bóng đêm còn sót lại dưới tán cây lớn.

Có lẽ không có màu trắng nào sánh được với màu trắng cánh hoa Quỳnh. Là màu hoa sen nhưng không

phải là hoa sen. Là màu Bạch mã mà không phải là màu Bạch mã. Đường như có một chút gì đó rất liêu trai trong màu trắng hoa Quỳnh, khiến tôi nghĩ đến màu trắng của những chiếc lông ngỗng mà nàng My Châu đã đánh dấu sau chân ngựa, trên đường tình trốn giặc năm nào... Một sắc trắng trinh bạch đẹp đến xao xuyến lòng, và dự báo những tai ương khôn lường ở cuộc đời này. Cho nên không lạ khi nhiều người ngắm sắc trắng hoa Quỳnh bỗng nghe trong mũi hương Quỳnh lan nhẹ có tiếng vó ngựa lao xao, tiếng reo hò một thuở, và tiếng bật khóc nức nở của ai đó bên ngoài hiên vắng...

Nhưng thương nhất vẫn là những nụ Quỳnh nở vào đêm ba mươi. Hoa nở thắm. Hết mình. Lặng lẽ như chưa từng có mặt trên đời. Có lần ngắm hoa Quỳnh nở trong đêm ba mươi, dưới bóng đêm u huyền, bỗng dung tôi thấy sắc hoa trắng lay lắt như gương mặt một thiếu nữ nhối phần. Miệng hoa cười rất tươi. Ở một bên khoe môi trẻ xuống một nhụy hoa nuốt nà như chiếc răng khểnh mười sáu. Hoa Quỳnh của đêm ba mươi là hoa Quỳnh của niềm kiêu hãnh, cô đơn và trắng xóa đêm dài.

Đúng nửa đêm, hoa Quỳnh nở rộ, phô phang trọn vẹn nhan sắc. Đêm ướt đẫm sương và hương thơm lẫn quất như vừa có một gót sen tiên nữ đi qua. Lúc này, cuống hoa đã to bằng ngón tay út người lớn, màu hoa chuyển sang trắng ngà và hương thơm ngai ngái phủ phê lòng. Ngày nhỏ ngắm hoa Quỳnh nở bên hiên nhà chỉ thấy hoa đẹp và lạ. Chưa thấy rằng ngụ trong đời sống của hoa là bao nhiêu ý nghĩ thế nhân. Nở rục rở và lụi tàn trong một đêm, Quỳnh hoa là ngôi sao băng trên bầu trời của cái đẹp. Một cái đẹp ngắn ngủi như những hạt sương buổi sớm gieo thắm trên lối đi. Nó thổi vào tâm thức ngọn lửa của vô thường.

Buổi sáng. Tôi trở lại gốc Quỳnh. Tìm nụ hoa đêm qua nhưng chỉ thấy một cánh tay mỏng manh buông thõng xuống cội hoa. Đêm qua, đóa hoa Quỳnh đã chết. Tôi chong mắt cố tìm cái màu trắng rục rở như một vòm ánh sáng nhưng giờ đây đã không còn nữa. Trong tâm thức mơ hồ thoảng một chút dư hương sót lại. Và tôi cứ ngỡ như mình vừa đi qua một giấc mơ hoa... ■

THÔNG BÁO

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng thông báo:

Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2009, địa điểm phát hành tạp chí số 113 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh sẽ ngưng hoạt động. Tạp chí sẽ được phát hành tại trụ sở tòa soạn *Văn Hóa Phật Giáo*.

Địa chỉ liên lạc:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Phòng phát hành

Số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08. 38484576 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn



Một cảnh trong phim *Story of the Kelly gang capture*-1906

Một vài nét về điện ảnh, truyền hình

QUANG VŨ

Trong đời sống hiện đại, truyền hình - một phương tiện truyền thông đại chúng - đã trở thành nhu cầu thiết yếu đến nỗi hàng ngày, không ai lại không nhìn vào màn hình TV, dù chỉ một vài phút. Ngoài các chuyên mục như thời sự, thể thao, khoa học, ca nhạc... người ta tốn nhiều thời gian nhất để xem phim phát trên nhiều kênh nội địa và các kênh thuê bao của nước ngoài như HBO (Home Box Office), Cinemax, Star Movie, Star World... liên tục 24/24 giờ.

Để giúp cho việc thưởng thức, đánh giá phim được công bằng hơn, cũng nên phân biệt đâu là phim điện ảnh (PĐA), đâu là phim truyền hình (PTH). Lâu nay, hầu như không mấy ai quan tâm tìm hiểu về sự khác biệt

giữa hai loại hình nghệ thuật này, ngay cả một số người nghiên cứu về văn hóa cũng vậy. Trường hợp một nhà nghiên cứu văn hóa là khách mời dự lễ khai mạc trại sáng tác kịch bản của Hội Điện ảnh Việt Nam tại một thành phố lớn ở miền Trung năm 2005 đã phê phán gay gắt điện ảnh trong nước chỉ căn cứ vào một số tập PTH đang phát sóng trên các kênh của VTV (?), khiến cho cử tọa bên dưới lâm vào trạng thái khó xử.

Vậy PĐA và PTH có những điểm dị đồng nào?

Trước hết, dù là PĐA hay PTH thì cũng được gọi là "phim", mặc dù chúng có lịch sử, quá trình phát triển và những đặc điểm riêng. PĐA, dạng phim truyện, đầu tiên trên thế giới là bộ phim *The Story of the Kelly Gang* của đạo diễn Charles Tait (1868-1933) do Hãng J. & N. Tait

more sản xuất tại Úc năm 1906, chỉ hơn chục năm sau sự kiện hai anh em ông Lumière công chiếu những thước phim nhựa đầu tiên năm 1895 tại quán Grand Café, Paris, Pháp. Nhưng mãi tới năm 1957, bộ PTH có cốt truyện đầu tiên *The Pied Piper of Hamelin* mới được Hãng phát thanh truyền hình Mỹ NBC sản xuất. So ra, điểm xuất phát của PĐA và PTH cách nhau đến nửa thế kỷ.

Về mặt kỹ thuật, PĐA được ghi và lưu trữ cả hình ảnh lẫn âm thanh trên phim nhựa, trong khi PTH ghi, lưu trữ hình ảnh và âm thanh trên băng từ, đĩa quang. Trước thập niên 1970, khi máy quay video hiệu "Ikegami" và "U-matic VCRs" của Nhật Bản chưa xuất hiện trên thị trường, người ta phải sử dụng phim nhựa 16 ly để quay các "show" truyền hình.

Nếu PĐA là một sản phẩm nghe nhìn thuần túy nghệ thuật, do ngành điện ảnh - ngành nghệ thuật thứ bảy - sản xuất, thì PTH là một chương trình (show) truyền thông mang tính điện ảnh, ban đầu chỉ do các đài truyền hình sản xuất nhưng từ thập niên 1980 đã có các hãng phim truyền hình tham gia. Chính tính điện ảnh quy định chất lượng một bộ PTH.

Về quy trình dàn dựng, dù là PĐA hay PTH, cả hai đều có những điểm cơ bản giống nhau. Trước hết, cả hai đều phải dựa vào một kịch bản - văn bản tường thuật câu chuyện bằng ngôn ngữ tượng hình, tượng thanh và lời thoại của nhân vật. Sau đó, người ta chia kịch bản thành từng cảnh (shot), phân đoạn (scene), đoạn (sequence), gọi là kịch bản phân cảnh kỹ thuật (script shooting) để tiến hành quay phim (truyền hình gọi là thu hình, ghi hình). Một đoàn phim sẽ được thành lập gồm đạo diễn, quay phim, chủ nhiệm phim (lo phương tiện, máy móc, thuê mướn, ngoại giao...), diễn viên thủ vai các nhân vật trong phim (riêng PTH gọi nghệ sĩ, người dẫn chương trình, phát thanh viên... xuất hiện trên màn ảnh TV là "te-lơn" (talent); các bộ phận nghiệp vụ như thiết kế mỹ thuật (dựng cảnh, trang trí), hóa trang, ánh sáng, phục trang (quần áo của nhân vật), đạo cụ (những vật dụng trong cảnh phim), nghệ nhân hớt, tạo mẫu tóc v.v. Khi kết thúc phần quay phim (thu hình) chính (principle photography) trong giai đoạn tiền kỳ (production) thì đến phần dựng phim trong phòng dựng (editing room) gồm các công đoạn: cắt, ghép nối các cảnh với nhau, viết phụ đề, lồng thoại (nếu cần), lồng nhạc, làm kỹ xảo hình ảnh, tiếng động giả...), gọi là hậu kỳ (post production) để thành một bộ phim thương phẩm hoàn chỉnh, có thể phát hành ra thị trường.

Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, PĐA và PTH có nhiều điểm khác biệt về quy trình sản xuất và sáng tác. Phạm vi bài viết chỉ nêu khái quát vài nét dị biệt hai loại hình nghệ thuật nghe nhìn này.

PĐA (cinematic film, motion picture) ghi (thu, quay) hình bằng máy quay phim nhựa (motionpicture camera), dùng vật liệu phim nhựa, chiếu bằng máy chiếu bóng (motion picture projector) lên màn ảnh lớn trong rạp.

Một PĐA muốn phát lên truyền hình phải qua công đoạn telecine để chuyển hình ảnh quang học của phim nhựa sang hình ảnh số hóa có thể in vào băng từ hoặc đĩa quang, đĩa cứng (HDD)... Trong khi PTH quay bằng video camera, ghi tiếp và lưu giữ hình vào băng từ (video tape), ổ đĩa cứng; phát bằng đầu video player, hiển thị trên TV set, màn hình monitor, màn vải khi phóng lên bằng video projector. Như vậy, về máy móc ghi, vật liệu lưu trữ, nguyên tắc hiển thị hình ảnh của PĐA và PTH đã rất khác nhau, một dạng là hình ảnh quang hóa (phim nhựa), một dạng là hình ảnh điện tử.

Về tài chánh, vốn để sản xuất một bộ PĐA cũng cao gấp nhiều lần một tập PTH. Riêng tiền mua phim nhựa đã phải tốn hàng trăm triệu đồng. Quay xong, phim còn phải trải qua công đoạn in tráng tốn kém cả thời gian lẫn kinh phí (theo công nghệ chuẩn ở các nước phát triển, người ta tráng phim ngay sau khi quay trong ngày để biết kết quả, kịp xử lý nếu có sự cố). Đã vậy, công đoạn tráng phim cũng rất tốn thời gian, tiền bạc và cả những rủi ro tiềm ẩn do lỗi kỹ thuật của xưởng in tráng (lab) hoặc lỗi của đoàn phim như: làm trầy xước, không có hình, bị lọt sáng, thiếu hoặc dư sáng v.v. Tráng phim xong, lại phải sao ra ít nhất một âm bản, gọi là bản "đúp nè" (dupe negative), rồi thêm một bản dương (dupe positive) cũng mất vài chục triệu nữa mới yên tâm dựng.

PTH lại quay bằng băng từ hoặc đĩa nên có thể kiểm tra hình ảnh ngay lập tức, nếu thấy hình, tiếng chưa đạt kỹ thuật, đạo diễn có thể cho quay lại (reshoot) ngay, tránh được sự cố, khắc phục rất nhẹ nhàng. Thường khi làm một tập phim truyền hình 45 phút chỉ tốn vài ba triệu tiền băng (HDV tape, Beta tape). Khi quay trong studio, chuyên viên cắt suýt (switcher) đưa thẳng tín hiệu hình, tiếng từ các video camera ghi thẳng vào ổ đĩa cứng (HDD) của máy dựng (máy tính có phần mềm dựng video) thì giá thành còn hạ hơn, tiết kiệm được thời gian "nhập" (capture) hình ảnh, âm thanh của băng từ...

Về độ dài, một bộ PĐA có thời lượng trình chiếu tối đa đến 210 phút, ví dụ như phim *Cuốn theo chiều gió* (Gone with the wind), đạo diễn Victor Fleming, Mỹ, sản xuất năm 1939. Nhưng đó là thời lượng của những phim kinh điển ở thế kỷ trước. Hiện nay, thời lượng trung bình của một PĐA khoảng trên dưới 100 phút. Trong khi một phim truyền hình có thể phát sóng lê thê cả năm, số lượng từ vài chục đến vài trăm tập!

Về mặt chất lượng hình ảnh, PĐA sử dụng chất liệu phim nhựa nên vẫn có ưu thế tuyệt đối về độ sắc nét, độ phân giải cao, hình ảnh mịn, màu sắc trung thực, không gian sâu, màn ảnh có diện tích hàng chục mét vuông trong rạp. Chưa kể loại phim 70mm có thể chiếu lên màn ảnh khổng lồ (IMAX) diện tích rộng hàng trăm mét vuông mà hình ảnh vẫn sắc nét, màu sắc lộng lẫy, trung thực... Trong khi PTH hiển thị lên TV, monitor, màn ảnh vải của máy phóng (video projector) diện tích vài chục inches đường chéo, cho hình ảnh không sắc nét, lỳ, quá

rực màu, nhiễu hạt v.v. Vì vậy, PTH chưa có hiệu quả thị giác cao như PĐA chiếu trong rạp. Dù hiện nay, truyền hình độ nét cao HDTV (High Definition Television) đã cải thiện đáng kể về độ nét, màu sắc hình ảnh nhưng chưa được phổ biến rộng ở nước ta do công nghệ chưa đồng bộ từ camera ghi hình đến thiết bị phát sóng, vận tốc đường truyền, độ phân giải của máy thu hình (TV set), giờ phát sóng còn ít, nhất là giá thành dịch vụ còn cao.

Ngoài ra, PĐA tường thuật câu chuyện chỉ trong khoảng trên dưới 100 phút nên nội dung phải có “độ nén”, sự kiện, hành động phim phải có tính biểu trưng cao, hình ảnh phong phú, lời thoại gọn, súc tích, thoại càng hạn chế càng tốt. Việc sử dụng chất liệu phim nhựa cũng đòi hỏi nghiêm ngặt về kỹ thuật quay phim, chiếu sáng (lighting), âm thanh... Vì vậy, dàn dựng một bộ PĐA tốn rất nhiều thời gian, có khi phải quay hàng năm mới xong. Có phim, riêng giai đoạn trừ bị (pre-production) cũng mất 3 năm (phim *L'Amant* của đạo diễn Pháp Jean-Jacqué Annaud quay tại Việt Nam, 1992). Trong khi mỗi tập PTH chỉ mất khoảng trên dưới 10 ngày cả quay lẫn dựng. Hiện nay, các hãng PTH đang áp dụng kỹ thuật “Sitcom” quay đồng bộ một lúc nhiều máy, chỉ trong hai ngày đã làm xong một tập phim dài 45 phút. Như vậy, PTH gọi đúng nghĩa là kịch truyền hình (tele film, tele novel, tele movie) mang nặng tính kịch nên các nhân vật nói rất nhiều, sự kiện, hình ảnh và hành động ít, không gian cảnh chật hẹp, nội dung không nêu vấn đề gì quá lớn...

So sánh PĐA với PĐA, loại nào hay hơn? Thật sự, đem so sánh hai loại phim này thì chưa chắc “mèo nào cắn mitsu nào”. Một bộ PĐA hay PTH cũng đều phải phải đạt đến những chuẩn mực về nội dung và nghệ thuật. Điều này là yếu tố quyết định sự thành công mọi mặt, nhất là về tài chính, mà bộ phim mang lại. Nhiều bộ PĐA đã ngốn những khoản tiền đầu tư khổng lồ nhưng do có một ngàn lẻ một lý do khiến chúng chưa đạt được yêu cầu, dẫn đến lãng phí nhiều tỷ đồng tiền thuế của dân nếu là phim nhà nước, hoặc “sập tiệm” nếu là phim của tư nhân. Một PTH hay vẫn có giá trị hơn bất cứ PĐA nào. Chẳng hạn như bộ PTH nhiều tập *Nàng Dae Jang Geum* do Hàn Quốc sản xuất, phát sóng hồi 2004 ở Việt Nam, đã thu được hàng triệu USD lợi nhuận, lại quảng bá được hình ảnh dân tộc, đất nước Hàn Quốc ra khắp thế giới, điều mà nhiều PĐA và PTH ở nước ta vẫn chưa làm được.

Hàng năm, số lượng PĐA sản xuất ở nước ta chỉ đếm trên đầu ngón tay do nhà nước đầu tư nhưng chất lượng còn thấp, rất ít người xem. Số phim của các hãng tư nhân có gây được tiếng vang, thu được tiền lời nhưng thực sự vẫn chưa tạo ra bước đột phá về nội dung và nghệ thuật cho điện ảnh trong nước.

Trong thời đại thông tin bùng nổ hiện nay, truyền hình ngày càng chiếm ưu thế vượt trội không chỉ về mặt truyền thông mà còn đáp ứng được nhu cầu giải trí của xã hội. Dần dần, người ta đã quen xem cả PTH lẫn PĐA



Một cảnh trong phim *Duyên trần thoát tục*

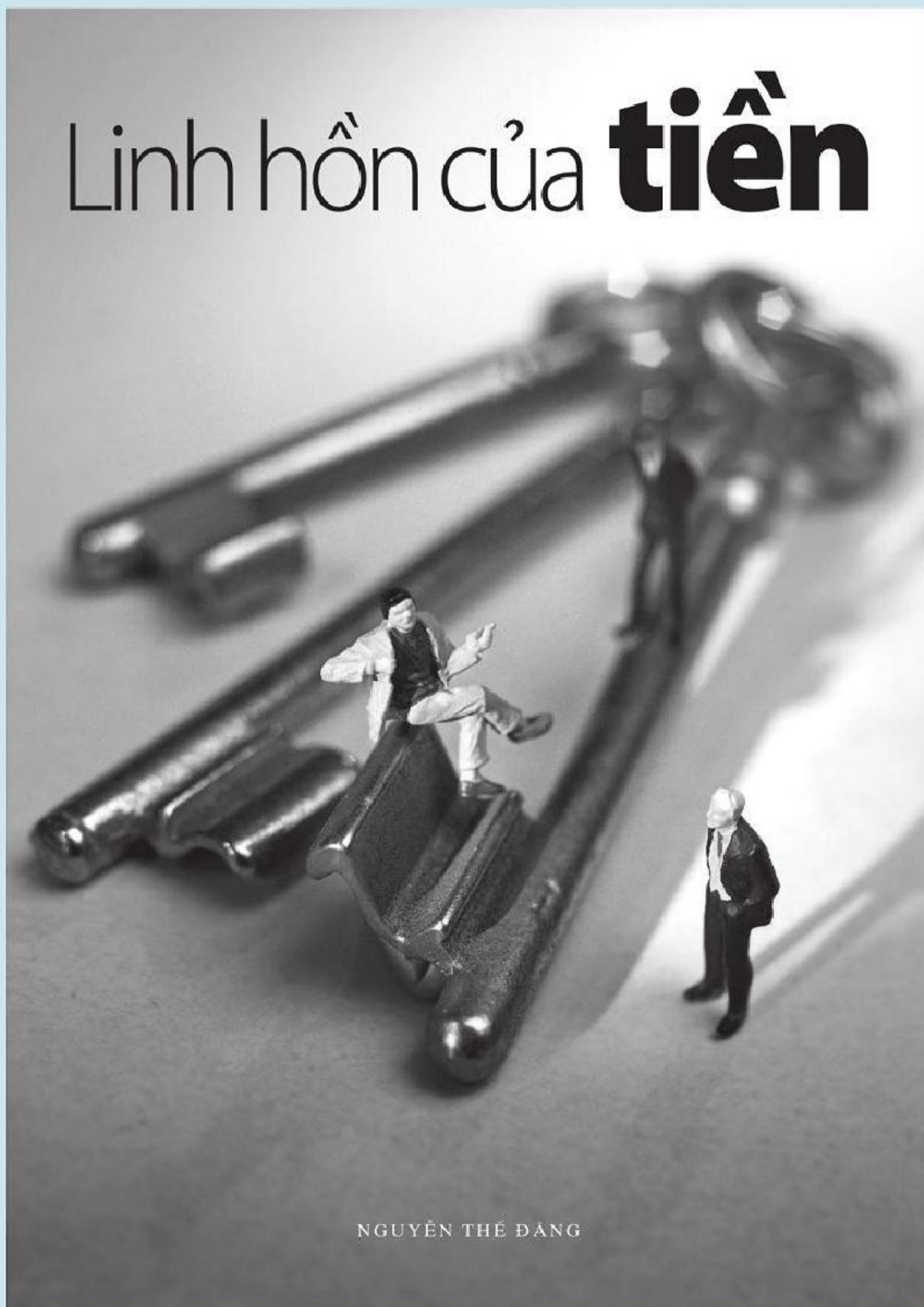
trên sóng hoặc truyền qua đường cable đến tận phòng ngủ của từng nhà với giá thuê bao quá rẻ so với đi xem phim ngoài rạp thì nhu cầu đến rạp sẽ giảm. Truyền hình là phương tiện đưa PĐA, PTH vào tận phòng ngủ của mọi gia đình.

Nhờ tính đại chúng và sức cảm hóa, dẫn dụ phi thường, điện ảnh không chỉ phục vụ giải trí mà còn là công cụ giáo dục sâu sắc. Từ khi phim chưa có âm thanh, gọi là “phim câm” (silent film), các nhà điện ảnh thế giới là Phật tử, thậm chí cả những đạo diễn nổi tiếng người Âu - Mỹ theo các tôn giáo khác, đã xây dựng những bộ phim có đề tài Phật giáo. Tính từ năm 1923 khi bộ phim Phật giáo đầu tiên có tựa đề Lord Buddha của đạo diễn tiến bối Ấn Độ Dadasaheb Phalke (1870-1944) ra đời đến bộ phim Gautama Buddha của đạo diễn đương đại Ấn Độ Sridhar Allani dàn dựng năm 2007, đã có đến vài chục tác phẩm điện ảnh lớn về đề tài Đức Phật được sản xuất. Mới năm ngoái, 2008, bộ phim Buddha được đạo diễn - biên kịch Mỹ David S. Ward (sinh 1945) - từng đoạt giải Oscar kịch bản - chuyển thể từ tác phẩm “Đường Xưa Mây Trắng” (Old Path White Clouds) của thiền sư Thích Nhất Hạnh đang được dàn dựng ở “Bollywood”, là một sự kiện lớn của điện ảnh thế giới. Nhiều liên hoan phim Phật giáo đã được tổ chức ở Mỹ (2003), Singapore (2007), Luân Đôn (Anh Quốc), Sri Lanka (2009)...

Ở Việt Nam, dù hoàn cảnh khó khăn về công nghệ, kinh phí, nhiều bộ phim có nội dung Phật giáo đã được sản xuất như: Tỉnh mộng (2006), đạo diễn Xuân Phước; Duyên trần thoát tục (2008) của đạo diễn Lê Cung Bắc... và các dự án phim Phật giáo khác mà hãng Sena Phim sắp bấm máy... đã phần nào thể hiện lòng tôn kính vô bờ của giới điện ảnh Việt Nam đối với Đức Phật.

Cùng với văn chương, kiến trúc, hội họa, điêu khắc, điện ảnh - truyền hình đã, đang góp phần quảng bá, tô điểm cho nền văn hóa Phật giáo vĩ đại ngày thêm huy hoàng, rạng rỡ. ■

Linh hồn của **tiền**



NGUYỄN THẾ ĐĂNG

The Soul of Money, tác giả Lynne Twist, 2003; *Linh hồn của Tiền*, Hoàng Anh và Thanh Hà dịch, 2009, Nxb Alpha Books – Hà Nội.

Chúng ta hãy đọc vài lời giới thiệu cuốn sách:

"*Linh hồn của Tiền* là nỗ lực tiên phong, đầy thẩm thấu của một nhà gây quỹ để biến đổi xã hội mang nỗi ám ảnh coi tiền là thước đo giá trị đầu tiên thành những hành động lâu dài và đem lại sự mãn nguyện. Một câu chuyện đầy sức mạnh về cuộc đấu tranh và chiến thắng dành cho cả những người giàu cũng như những người nghèo khổ", TS. Edgar Mitchell. "*Linh hồn của Tiền* miêu tả cách sử dụng đồng tiền như một phương tiện giúp chúng ta hoàn thành những lý tưởng cao nhất về cuộc sống, tình yêu và khám phá ý nghĩa mới trong chính cuộc sống chúng ta", TS. Y học Dean Ornish. "*Linh hồn của Tiền* là tiếng chuông đánh thức dài chậm rãi cho sự chuyển biến của chúng ta và thế giới hướng tới hòa bình, hòa hợp và sự giàu có cho tất cả mọi người", Robert Muller, cựu phụ tá Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc.

Lynne Twist là một nhà gây quỹ Dự Án Xóa Đói, hoạt động khắp thế giới. Trong 25 năm làm việc, tác giả tiếp xúc nhiều với những người nghèo khổ nhất (để cho) và những người giàu có nhất (để xin) và luôn luôn dính dáng với tiền bạc: "Trừ khi ngủ, tôi luôn dành phần lớn thời gian của mình cho những câu chuyện liên quan đến tiền bạc" (tr. 254). Bà đã đến nhiều lần "Ấn Độ, trái tim của nạn đói", Bangladesh, nạn đói năm 1984 ở Ethiopia, những làng thổ dân chưa từng tiếp xúc với văn minh hiện đại ở Nam Mỹ..., cũng như đến với các nhà lãnh đạo các tập đoàn tư bản như Microsoft, Hollywood, tham dự Hội thảo lần thứ 4 về Phụ nữ của Liên Hiệp Quốc ở Bắc Kinh... cũng như gặp ở Mẹ Theresa ở Calcutta và Đức Đạt-lai Lạt-ma. Thế nên tác giả là người có nhiều kinh nghiệm về tiền bạc, sự giàu sang và sự nghèo khổ trên thế giới và sự khám phá ý nghĩa của tiền, linh hồn của tiền chắc là phải có giá trị.

1. Thiếu và đủ

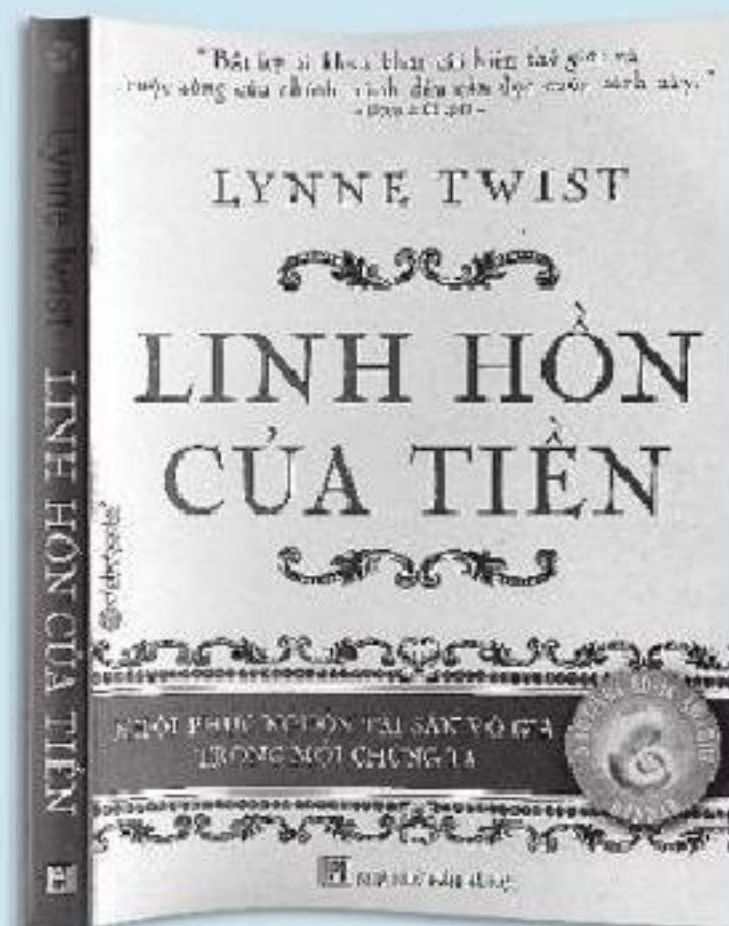
Không ai thoát khỏi tiền bạc. Nếu không có tiền bạc, chắc chắn thế giới hiện đại không thể thành lập được, nhưng vấn đề quan trọng nhất là quan niệm của chúng ta nhìn nó và sự hoạt động của nó như thế nào. Người trung bình thấy mình luôn luôn không đủ tiền, và người rất giàu cũng thấy mình không đủ tiền. Mọi người đều luôn luôn cảm thấy mình thiếu thốn tiền. Đây là một tâm lý, một mặc cảm, một ám ảnh lớn của con người. Tác giả đã tìm

được nguyên nhân gây ra căn bệnh khổ đau ấy trong văn đề tiền bạc: Sự thiếu thốn, lời nói dối lớn (Đầu đề chương 3). Mở đầu tác giả trích dẫn một câu của Paul Zaiter: "Luật dư dả của tự nhiên tràn ngập toàn vũ trụ, nhưng nó không thể đi qua cánh cửa của những người thiếu niềm tin và thừa giới hạn". "*Cầu kính không có đủ*" lặp đi lặp lại cả ngày, trở thành một thứ được cài đặt mặc định trong suy nghĩ của chúng ta về mọi thứ... về sau nó trở thành cái cớ tối cao để ta lý giải vì sao cuộc đời ta không hoàn thiện" (37). "Trạng thái tâm lý hay ám ảnh về sự thiếu thốn nằm trong chính lòng ghen tỵ, sự tham lam, định kiến và bất đồng của chúng ta trước cuộc sống, nó gắn chặt mọi quan hệ với tiền" (57), "Thị trường tự do với 'bàn tay vô hình' của lợi ích cá nhân điều tiết, hệ thống kinh tế của Adam Smith là việc phân bổ các tài nguyên có hạn thông qua lòng tham của cá nhân. Toàn bộ quá trình của kinh tế học hiện đại của Smith thực tế có nguồn gốc từ nỗi sợ nguyên thủy đối với sự thiếu thốn vì lòng tham" (59) "Lý thuyết 'nạn nhân mãn' của Thomas Malthus và lý thuyết 'chỉ kẻ thích nghi nhất mới tồn tại' của Charles Darwin làm trầm trọng thêm nỗi sợ này" (178).

"Những ngộ nhận nguy hiểm về sự thiếu thốn. Ngộ nhận thứ nhất: Không có đủ. Thứ hai: Càng nhiều càng tốt. Thứ ba: Đó là lẽ tất nhiên. Đây là án chung thân hạn chế khả năng của chúng ta. Hầu hết các bản án chung thân gắn với tiền là sản phẩm của thứ ngôn ngữ của sự thiếu thốn trong nền văn hóa của chúng ta" (61-71). "Nền văn hóa của chúng ta là văn hóa của sự thiếu thốn" (60). Và tác giả nhận ra điều đó ngay trong gia đình sung túc của mình: "Vợ chồng chúng tôi nhận ra rằng cuộc chiến trước kia nhằm tích lũy và nâng cấp mọi thứ của mình và cuộc đời mình cũng là một thứ nạn đói" (26). Tác giả nhìn thấy đời sống xã hội đánh mất

hạnh phúc vì đồng tiền: "Khi chúng ta đi vào lãnh địa tiền bạc, dường như chúng ta lạc mất con người sâu sắc vốn là bản chất của mình... Mâu thuẫn đó còn khiến chúng ta không thể hòa nhập thế giới bên trong với thế giới bên ngoài và trải nghiệm sự trọn vẹn viên mãn của cuộc đời, khoảnh khắc thăng hoa khi chúng ta thấy bình yên trong phút giây hiện tại, một phần của đời sống và cũng chính là đời sống. Trải nghiệm lặng lẽ này hầu như đã biến mất trong nền văn hóa của chúng ta" (29).

"Tôi đã chạm đến một bước ngoặt trong đời khi được nghe bài giảng của một nhà dự đoán vĩ đại theo chủ nghĩa nhân văn, Buckminster Fuller. Trong những năm 70, ông đã đi thuyết giảng ở nhiều nơi về những ngộ nhận trong khoa học cơ bản đã ngăn cản chúng ta có cái nhìn chính xác về



thế giới và khả năng nuôi sống cuộc đời sung túc cho tất cả chúng ta. Ông nói: Trong hàng thế kỷ, thậm chí hàng ngàn năm, chúng ta đã sống với niềm tin rằng không có đủ cho tất cả mọi người, và chúng ta phải chiến đấu và giành giật để thu thập những tài nguyên cho mình... Vào thời điểm này, xét trên phạm vi cộng đồng loài người, chúng ta rõ ràng đã đạt đến mức có thể đáp ứng đầy đủ, thậm chí thừa nhu cầu để mọi người ở mọi nơi đều được sống một cuộc đời lành mạnh và có ích. Khoảnh khắc đó đại diện cho một mốc kỳ diệu trong sự phát triển của văn minh nhân loại. Lúc con người nhận thức được sự thật sâu sắc ấy, giây phút đó có tầm quan trọng đặc biệt bởi nó đồng nghĩa với việc chúng ta có thể rời bỏ thế giới 'chỉ có bạn hoặc có tôi' để đến với thế giới 'bạn và tôi', nơi tất cả chúng ta đều thành người chiến thắng. Trong thế giới đó, tất cả chúng ta có đủ thức ăn, nước uống, đất đai, nhà ở... mọi thứ cơ bản để sống cuộc đời có ích và mãn nguyện" (73-74).

Kinh nghiệm ở Bangladesh, với người Achuar ở vùng Amazon, và ngay cả cuộc sống của tác giả ở Mỹ, đã chứng minh điều trên. Tiếp theo chương 3, "Sự thiếu thốn: lời nói dối lớn" là chương 4, "Sự đầy đủ: sự thật đáng ngạc nhiên".

Trong cuốn sách, tác giả lặp lại rất nhiều những từ ngữ: hài lòng, viên mãn, trọn vẹn, mãn nguyện, đầy đủ... "Sự đầy đủ: tìm lại sức mạnh của những thứ có sẵn. Sự đầy đủ nằm bên trong chính bản thân ta, và chúng ta có thể khơi nó dậy... Khi và chỉ khi chúng ta quan tâm đến những nguồn lực nội tại, chúng ta mới nhận ra rõ rệt sự đầy đủ trong bản thân ta và có sẵn trước mắt ta... Và cảm giác thanh thản vô bờ khi ta thống nhất được tâm hồn với tiền" (91). "Sự dư dả thực thụ là điều thực sự tồn tại; nó sinh ra từ cảm giác đầy đủ, trong trải nghiệm về vẻ đẹp và sự viên mãn của nó. Dư dả là sự thật của tự nhiên. Luật cơ bản của tự nhiên là có đủ và có hạn. Chúng ta phải biết rằng nguồn lực là có hạn và quý giá, nhưng nó luôn có đủ" (102).

"Quan điểm này thống nhất với các quy luật của tự nhiên, kéo theo một hệ thống nguyên tắc và định nghĩa mới cho nền văn hóa tiến bộ mới. Nó dạy chúng ta cách sử dụng tiến bộ khôn ngoan và hiệu quả để phản ánh những tài sản tâm hồn, thay vì khoa trương các tài sản vật chất. Khi làm như vậy, dù bạn là một tỷ phú người Mỹ hay một nông dân Guatemala... cảm giác đầy đủ và việc quản lý đầy trân trọng nguồn tài chánh và các nguồn lực khác sẽ mở rộng cánh cửa dẫn đến hạnh phúc viên mãn. Sẽ chẳng có sự hy sinh – mà chỉ có sự hài lòng... Nhận thức đó khơi nguồn cho sự chia sẻ, hợp tác và cống hiến" (105). "Khi chúng ta ngừng cố gắng tìm kiếm thêm những thứ chúng ta không thật sự cần, chúng ta cũng tự giải phóng một nguồn năng lượng mạnh mẽ đã bị cấm tù trong suốt cuộc đua tranh... Dù đó là những người được gọi là giàu có hay lam lũ, họ cũng đều được nếm trải cảm giác viên mãn và đầy đủ khi dùng những nguồn lực họ có, ở bất cứ mức độ nào, để tạo ra sự thay đổi... trải nghiệm về sự giàu có thật sự của chính họ tự mở rộng ra" (105). "Khi chúng ta nhìn nhận thế giới này là một chỉnh thể có đủ,

chúng ta đủ để biến thế giới này thành nơi đẹp đẽ cho mọi người ở mọi nơi, trong đó không ai bị gạt ra ngoài, thì tiền sẽ mang nguồn năng lượng đó, sản sinh ra các mối quan hệ và hợp tác khiến mọi người đều cảm nhận được năng lực và giá trị của mình, bất kể hoàn cảnh kinh tế của họ ra sao" (121).

"Đối với người Achuar, giàu có là được nếm trải và chia sẻ sự trọn vẹn, phong phú của hiện tại" (82). "Gandhi đã từng nói: Có đủ cho nhu cầu của chúng ta, nhưng không đủ cho lòng tham của chúng ta" (211).

Chính trong ý nghĩa của sự giàu có thật sự này mà tác giả viết: "Nếu bạn sẵn sàng từ bỏ cuộc đua tích lũy hay giành giật thêm và từ bỏ thế giới quan đó, bạn có thể dồn cả sức lực và tinh thần cho những thứ bạn hiện có. Khi ấy bạn sẽ tìm ra những kho báu không thể tưởng tượng được, và sự giàu có sâu sắc phong phú đáng ngạc nhiên, thậm chí gây choáng váng (90).

Ở đây chúng ta đi sâu vào cái tâm lý, nỗi ám ảnh, nguyên nhân của nỗi khổ đau này: cảm giác luôn luôn thấy mình thiếu thốn trong khi thực tế là luôn có đủ cho mỗi người. Tại sao chúng ta, dù giàu hay nghèo, đều luôn có cảm giác không đầy đủ, lo âu, bất an, không toại nguyện? Thật ra cảm giác không đủ, thiếu thốn, không chắc chắn, dễ vỡ, mong manh, sợ xui rủi, sợ tương lai... này không chỉ ở trong vấn đề tiền bạc, mà nó nằm sâu hơn, lan tỏa trong mọi hoạt động của con người, nằm trong chính hiện sinh của con người. Con người luôn luôn cảm thấy sự mong manh, bất an, bất trắc, hữu hạn của mình. Cảm giác về sự trống rỗng, về thời gian bất trắc, về sự mất mát và sự mất mát tối hậu là cái chết. Và thông thường chúng ta hằng hái (hay lo sợ?) tìm kiếm danh vọng, tình yêu, tiền bạc, quyền hành... để tự che giấu nỗi bất an thường trực, nỗi trống rỗng thường trực nằm sâu bên trong mình. Con người là một hữu thể không đầy đủ, không mãn nguyện, bất an và trống rỗng, đó là sự khổ đau của nó.

Đây là sự thật thứ nhất, chân lý về sự khổ, sự bất toại nguyện (Khổ đế). Nguyên nhân của sự khổ ấy (Tập đế) là chúng ta không nhận ra tính cách hữu hạn, vô thường, trống rỗng của mình và không tìm cách vượt lên những tính cách hữu hạn đó để đạt đến cái gì vượt thoát mọi hữu hạn khổ đau (Diệt đế). Đã không tìm cách vượt lên khỏi, chúng ta lại còn trảm mình vào, khoắc lấy những cái hữu hạn và vô thường nên bệnh khổ càng thêm nặng. Sự mua bán, trao đổi, lấp liếm những cái hữu hạn vô thường bằng những cái hữu hạn vô thường khác chỉ kéo dài thêm một cách vô vọng căn bệnh khổ của mình. Chúng ta không thể có được cái vô hạn, cái không hoại diệt, cái bất tử, cái viên mãn bằng cách gom góp tích lũy cái hữu hạn, cái bị hoại diệt, cái thiếu thốn trừ khi chúng ta vượt lên khỏi chúng. Con đường của sự vượt khỏi, sự chiến thắng này được gọi là Đạo đế.

2. Vài cách chữa trị

Nhưng chúng ta hãy trở lại với *Linh hồn của Tiền*. Theo

tác giả, phương thức chữa trị cho cảm giác không đủ, bất an này là nhìn ra sự thật của tiền. “Những ngộ nhận về sự thiếu thốn trong nền văn hóa đại chúng thúc đẩy mọi người sở hữu, lưu giữ, thu nhập và tích lũy” (122). “Gertrude đã dạy tôi rằng tiền giống như nước. Tiền chảy qua cuộc sống của tất cả chúng ta. Nhưng khi nó bị giam hãm, bị ngưng lại quá lâu thì có thể thành nước tù đọng và độc hại đối với những ai tích trữ nó” (119). Khi chúng ta coi tiền là dòng chảy qua cuộc đời mình và thế giới, nó thực sự không thuộc về ai, mà về tất cả mọi người. Trách nhiệm của chúng ta là để tài nguyên đó chảy tự do trên thế giới giống như dòng nước, phục vụ cho nhiều người nhất và những mục đích cao nhất. Đó là vòng luân chuyển thiêng liêng của tiền” (123).

Trong một cái nhìn được thay đổi như thế, “Tiền mang theo năng lượng của tâm hồn” (124).

Chương 6: “Những điều bạn trân trọng sẽ tăng thêm giá trị... Chúng ta có thể dùng sự trân trọng của mình – sự chú ý và chủ định có ý thức – để tăng cường quyền làm chủ của mình với tiền bạc, biến mối quan hệ với tiền thành một không gian mở, chào đón sự phát triển và tự do” (142). “Từ thiện chỉ thật sự có ý nghĩa nếu nó được đặt trên nền tảng của sự đoàn kết” (186). “Hoạt động từ thiện và giúp đỡ đã trở thành minh chứng cho sự tương thuộc... Sự cởi mở và tương hỗ đó, hình ảnh đôi tay và trái tim rộng mở đó, không chỉ nối kết chúng ta với người khác, mà còn với cảm giác mãn nguyện và đầy đủ trong tâm hồn mình” (191).

Chương 7, “Hợp tác tạo ra sự thịnh vượng”. “Thiên nhiên khi ở trạng thái cân bằng thì cho phép sự cạnh tranh cùng tồn tại. Một số điều tuyệt vời này sinh từ sự cạnh tranh, số khác thì lại nảy sinh từ hợp tác. Bạn không phải đang sống trong một cuộc chiến, mà là trong một cộng đồng” (180).

Kinh nghiệm từ Bangladesh, nước nghèo thứ hai thế giới vào cuối những năm 1970: “Viện trợ bên ngoài không những không thể đưa họ vào vị trí làm chủ tương lai của mình, mà chỉ dẫn biến họ thành những người ăn xin, một cách có hệ thống và trên phương diện tâm lý” (145). Bằng những nỗ lực hợp tác, tôn trọng và tự trọng của nhiều người, nhiều chương trình, trong đó có Dự Án Xóa Đói và Ngân hàng Grameen của TS. Kinh tế Muhammed Yanus, “năm 1991, Thủ tướng Bangladesh đã nói đầy tự hào về dân tộc mình: Không phải chúng ta có 120 triệu cái miệng để nuôi, mà là 240 triệu bàn tay sẵn sàng lao động. Thứ chúng ta có là 240 triệu lỗ tai để lắng nghe lẫn nhau... Chúng ta là những thi sĩ, những người dệt vải, những nhạc sĩ, những trí thức... và chúng ta có thể đẩy lùi thiên tai. Chúng ta nằm trong số những dân tộc sáng tạo và quật cường nhất trên thế giới. Chúng ta không cần từ thiện. Thứ chúng ta cần là quan hệ đối tác” (195).

Chương Hợp tác này kết thúc bằng “Sấm truyền về Đại bàng và Kền kền” có từ hàng ngàn năm trước của thổ dân Achuar: “Vào thời điểm đầu của Pachakuti thứ 5, thời đại chúng ta đang sống đây, sẽ diễn ra một sự tái hợp giữa

hai dân tộc từ lâu đã bị chia cắt – dân tộc Đại bàng và dân tộc Kền kền. Câu chuyện Sấm truyền kể rằng lúc khởi thủy trên thế giới chỉ có một tộc người nhưng về sau họ phân ra thành hai nhánh. Dân tộc Đại bàng, dân tộc của trí óc và sự thông minh, của khiếu thẩm mỹ và khả năng nhận thức, sẽ đạt đến đỉnh cao của khoa học, công nghệ, kỹ thuật... Cùng lúc đó đời sống tinh thần của họ lại trở nên nghèo nàn cùng cực, thậm chí còn đẩy họ đến nguy cơ diệt vong. Dân tộc Kền kền là dân tộc của trái tim, của tinh thần, của các giác quan và của những mối quan hệ sâu thẳm với thế giới tự nhiên... Rõ ràng là nền văn minh Tây phương của chúng ta đại diện cho dân tộc Đại bàng. Những dân tộc bản địa trên thế giới là dân tộc Kền kền. Cả Đại bàng và Kền kền đều sẽ không thể sống sót mà không có sự hợp tác, và từ cuộc tái hợp của hai dân tộc này, thế giới sẽ trở lại trạng thái cân bằng sau một giai đoạn gần đi đến diệt vong. Mở rộng và đào sâu ý nghĩa của mối liên kết này (Đại bàng và Kền kền), tôi thấy sự hợp tác và những nhánh con của nó – sự tương hỗ, đoàn kết, liên kết – đều tuôn chảy từ thượng nguồn của sự đầy đủ. Chúng ta là một, các nguồn lực của chúng ta là vô hạn” (198).

Chỉ xin nhìn rộng ra, không phải chỉ có những dân tộc bản địa trên thế giới là dân tộc Kền kền, những tộc người còn sót lại và rất thiệt thòi trong thế giới hiện đại đang theo kiểu mẫu Tây phương. Dân tộc Kền kền là tất cả Đông phương, với những dân tộc đông đúc, nhờ có ngôn ngữ, triết học, văn hóa, văn học nghệ thuật... đã giữ được truyền thống của mình cho đến bây giờ. Họ cũng hùng mạnh, giàu có vì biết học theo những ưu điểm của Tây phương như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Hoa, Việt Nam... Thế nên sự “hội ngộ”, sự “tái hợp” này phải nhìn trên bình diện thế giới, nghĩa là sự hội ngộ và tái hợp của hai nền văn minh Tây phương và Đông phương, có như thế chúng ta mới có thể “hãy thay đổi giấc mơ”, phần IV, như tác giả đề nghị.

Đây là cái nhìn thấy thế giới của người Achuar ở Ecuador mà tác giả học tập để “bắt đầu tạo ra một giấc mơ và một tương lai nhất quán với sự trân trọng và nâng niu của chúng ta đối với đời sống... Họ nhìn thấy một thế giới hoàn toàn đầy đủ, sống động với những linh hồn, một thế giới bí ẩn, nhạy cảm và sáng tạo – luôn luôn sản sinh ra sự sống và tự hồi sinh mình trong một sự hài hòa, vô cùng phong phú và đa dạng tương tác, tương hỗ lẫn nhau nhờ vào sự bí ẩn của đời sống. Họ thấy con người là một phần của sự bí ẩn to lớn ấy, và mỗi người đều có một khả năng sáng tạo, hợp tác và đóng góp vô hạn. Chúng ta làm hao mòn sự giàu có thực thụ của mình, tài năng và khả năng sáng tạo của tất cả mọi người, sự giàu có luôn tồn tại trong mỗi cơ thể sống” (210).

Buckminster Fuller cũng từng nói: “Tất cả mọi người đều có một món quà hoàn hảo để tặng cho thế giới, và nếu mỗi người trong chúng ta được giải phóng để có thể mang đến món quà độc đáo của mình, thế giới sẽ trở nên hài hòa tuyệt đối” (212).

Minh triết Đông phương cũng nhìn thấy như thế.

Nhưng minh triết Đông phương thì phong phú hơn, sâu thẳm hơn, hệ thống hơn, logic hơn, nhiều thực hành hơn để có thể thành hiện thực hơn, và có một lịch sử lâu dài với nhiều “anh hùng” bảo vệ cho truyền thống đó.

Không nghi ngờ gì, cuộc hội ngộ, tái hợp (là giấc mơ của tác giả) có thể thành sự thật cụ thể với sự trao đổi, đối thoại, bổ sung của hai nền văn minh thế giới là Tây phương và Đông phương.

3. Xu thế mới

“Xu thế mới” là chương cuối của cuốn sách. Nhưng chúng ta trích thêm một đoạn ở chương 6 có tiêu đề “Phật huệ”:

“Đức Phật đã dạy các môn đệ của mình rằng bất cứ điều gì mà họ chú ý tới, yêu thương, trân trọng, lắng nghe và ủng hộ đều sẽ nảy nở trong cuộc đời và thế giới của họ. Ngài ví cuộc đời mỗi người như một khu vườn. Trong khu vườn đó có những hạt giống của sự cảm thông, tha thứ, thương yêu, sự gắn kết và lòng can đảm. Cùng với những hạt giống đó, là những hạt giống của sự ghen ghét, đố kỵ, báo oán, bạo lực và tất cả những gì chết chóc và đau đớn... Chỉ những hạt giống mà chúng ta chú ý tới mới phát triển được. Nếu chúng ta quyết định tập trung sự chú ý đến những hạt giống của sự thiếu thốn – như giành giật, tích góp, tham lam vô độ... - thì thiếu thốn chính là thứ sẽ tràn ngập cuộc sống và thế giới của chúng ta. Nếu chúng ta chăm sóc những hạt giống của sự sung túc bằng sự chú ý của mình, và dùng tiền của mình như nước để tưới chúng với những mục đích thánh thiện, thì chúng ta sẽ thu hoạch những vụ mùa cây trái bội thu” (167).

Chương Xu Thế Mới chủ yếu kể lại cuộc gặp gỡ với Đức Đạt-lai Lạt-ma trong cuộc hội thoại Synthesis Dialogue mùa hè năm 2001 ở Ý, “nơi hội tụ của 30 người, tất cả đều là những nhà hoạt động xã hội toàn cầu, lãnh tụ tôn giáo, những chuyên gia tâm linh.

“Chúng tôi gặp mặt nhau vài ngày trước khi Ngài tới. Giữa chúng tôi đã hình thành một mối tâm giao sâu sắc khiến mỗi người đều tôn trọng, yêu thương lẫn nhau, cho đến lúc mà Đức Đạt-lai Lạt-ma cùng các nhà sư và học giả xứ Tây Tạng tới thì chúng tôi có thể cùng làm việc và trò chuyện với nhau thật hài hòa hiệu quả.

“Khi Ngài cùng sự hiện diện ‘linh thiêng’ của mình tham gia vào cuộc đối thoại, mọi thứ được nâng lên một nấc thang mới. Dường như mỗi chúng tôi đều tách mình ra khỏi ‘câu chuyện’ hay ‘tấn kịch đời’ cá nhân để chứng kiến cả thế giới, thay vì cứ lún sâu vào những vấn đề còn đang bức xúc của nó...

“Tuy nhiên điều hiện lên rõ nét trong những cuộc hội thoại chính là sự tâm giao, một sự đồng tâm rằng thế giới đang thức tỉnh, rằng xu thế đang xoay chiều... Những giả định cũ và sai lệch dần được loại bỏ, thay vào đó là một năng lực tinh thần, một làn sóng xúc cảm và biến đổi tinh thần đang sục sôi khắp nơi...

“Mặc dù mỗi người chúng tôi gọi điều này bằng một cái tên khác nhau, chúng tôi hiểu rằng tất cả đều cùng

nói tới một khái niệm. Đối với tôi, đó là điểm khởi đầu cho sự tan rã của sự thiếu thốn trong cái thế giới ‘bạn hoặc tôi’ mà nó tạo ra, một thế giới có thể hủy diệt chúng ta trong mối quan hệ với tiền bạc. Đó là cái thế giới ‘bạn và tôi’ mà Fuller đã tiên đoán từ nhiều năm trước. Đó là nơi bạn và tôi cùng sống trong bối cảnh và chân lý của sự đầy đủ, sự đầy đủ đích thực cho tất cả mọi người ở khắp mọi nơi; một thế giới dành cho tất cả chúng ta, trong đó tình đoàn kết thể chân cho sự bố thí; một thế giới nơi mà ước mơ của người này không phải là tai họa của người khác; một thế giới nơi chúng ta tôn trọng và tuân theo uy lực sáng suốt và nhân từ của Tự nhiên; một thế giới nơi tình yêu tiến bậc được chuyển thành cách sử dụng tiền bạc để thể hiện tình yêu thương...” (289).

“Trong mối quan hệ với tiền bạc, Ngài nói rằng nếu chúng ta mang theo mình quan niệm linh thiêng về sự đầy đủ, chúng ta sẽ tạo nên một mối quan hệ đích thực và hợp đạo lý đối với tiền, khi đó mối quan hệ này sẽ nảy nở, phát triển và tự nhân rộng giá trị của nó.

“Với sự hiện diện của Ngài trong cuộc đối thoại của tôi và các đồng sự, tôi đã nhận thấy điều mà tôi chưa từng thấy. Tôi cảm nhận được nó, hoàn toàn theo bản năng, theo tự nhiên, một xúc cảm sâu lắng. Tôi nhớ lại một câu của Teilhard de Chardin được biết từ nhiều năm trước: ‘Chúng ta không phải là những con người với trải nghiệm tinh thần, mà là những thực thể tinh thần với trải nghiệm của con người’. Đối diện với Đức Đạt-lai Lạt-ma, tôi cảm nhận được mình như một thực thể tinh thần đang có những trải nghiệm con người” (290).

Đến đây chúng ta hiểu tại sao tác giả để câu chuyện này ở chương cuối: Bà tin rằng thế giới mới ấy có thể thành tựu bằng những con người sống thực được truyền thống của Đông phương và Tây phương. Sự hiện diện của những con người như vậy đã là sự thành tựu của thế giới mới.

Muốn có thế giới mới mẻ và giàu có, phải có những con người mới mẻ và giàu có. Có chánh kiến rồi chánh mạng, chánh nghiệp trong vấn đề tiền bạc, chúng ta sẽ đứng trước sự giàu có thật sự, sự giàu có tâm linh vốn bình đẳng, sự giàu có của Phật tánh sẵn đủ của mỗi người. Như nhà vua – thiền sư Trần Thái Tông đã nói cách đây 8 thế kỷ trong *Phổ Thuyết Hướng Thượng Nhất Lộ* (Khóa Hư Lục):

“Hỡi các người! Đến trong ấy... thì chỗ nói là gió lay thông hát, chỗ im là trăng rọi đầm trong. Đi thì mây trôi nước chảy, đứng thì núi vững non yên... Buông ra thì tám chữ mở tung, nắm lại thì một cửa khép kín. Sống trong hang quý cũng là lâu đài Di Lạc, ở Hắc Sơn đâu khác cảnh giới Phổ Hiền. Chốn chốn là tạng đại quang minh, cơ cơ là pháp môn bất nhị... Viên ngọc sáng trên tay, xanh phản chiếu xanh, vàng phản chiếu vàng. Gương cổ trên đài, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Can gì huyền thế, trọn là Pháp thân... Biến đại địa thành cõi nước vàng ròng, nắm sông dài làm thành sữa ngọt cho trời người cùng hưởng... Hoa vàng rờ rờ, không gì chẳng phải là tâm trí huệ; trúc biếc xanh xanh, tất cả đều là thể tánh Chân Như...” ■

TRƯƠNG NAM HƯƠNG

Sen I

*Hoa sen không dạy bảo
Mà bùn ao thật thà
Chấp tay vào thủa mẹ
Ngát hương đầm trong ta!*

II

*Nương nủ bùn lên mà phảng phất
Mát hây cả chỗ đã sinh thành
Làn hương úng ở như môi trẻ
Cuộn ngủ thơm tròn vông-lá-xanh!*

Tuổi thơ

*Mùa xuân theo mẹ lên chùa
Oản, xôi cũng nhận - chuối, bùa cũng đeo
Mẹ quỳ, tôi nép quỳ theo
Lạy từ ngọn cỏ lạy veo... tới trời!*

Lên Yên Tử

*Ngày mồng mờ hơn chuông rõ hơn
Trúc vịn nghìn bậc đá rêu mòn
Núi khom khom vãi mây dâng lễ
Tùng thấp xanh trời vạn nén thơm!*

Chim phóng sinh

*Bầy chim sẽ nhốt trong lồng
Hót ngơ ngác đợi tấm lòng phóng sinh
Cửa thiền hương khói phiêu linh
Lồng chim đã mở, buồn mình chưa bay.*

Hoa lau

*Người cô đơn cả bóng người
Lau xao xác bạc chớm trời phơ lau
Sâu từ thơ thấm niêm sâu
Buồn từ lơ lắc nghiêng đầu cũng buồn.*



NGUYỄN LOAN

Về Với Tuổi Thơ

*Về với tuổi thơ – về với nụ cười vô tư trong trắng
Bỏ rơi những buổi chiều căm lặng
Ngồi thu mình như lũ ốc sên*

*Về với tuổi thơ – về với sự hồn nhiên
Về với ông Bụt hiền trong truyện kể của bà
Tóc râu bạc trắng
Về với túi quần đầy dế, cào cào...
Những trưa hè đội nắng
Về với cánh diều chờ mơ ước lên cao
Về với đêm bình yên giữa mặt ngắm trăng sao
(Nơi không có cơn bão đời trú ngụ)*

*về với tuổi thơ – về với những mùa trăng
trên dãy đồi xanh cỏ
đuổi bắt nhau vấp vỡ cả tiếng người
về với đàn bò đi lạc – ta bị trận đòn roi*

*về với tuổi thơ – về với mẹ cha thương từng giọt mồ hôi
nảy mầm thành lời ru câu hát.*



Hương trà sen

Bố tôi cẩn trọng treo vẽ câu đối chữ nho khám trai đã ngả vàng vì thời gian lên ban thờ. Đây là vẽ câu đối trong bộ câu đối gia bảo mới tìm lại được sau mấy chục năm thất lạc do giặc giã loạn lạc.

Ông lấy bộ ấm chén cổ màu da lươn của cụ nội tôi để lại thường được cất kỹ trong tủ ra lau rửa cẩn thận rồi bảo tôi lấy chậu than và chiếc siêu đồng cổ ra quạt than đun nước. Tôi biết bố tôi chỉ dùng bộ ấm chén này khi thờ cúng. Khi nước sôi, ông lựa loại chè quý do chính ông tự tay sao suốt và ướp sen rất công phu pha một ấm.

Chờ chè ngấm, ông nhẹ nhàng rót ra những chiếc chén mỏng tang dâng lên bàn thờ rồi thành kính thấp hương khấn vái. Nhìn nét mặt, tôi biết ông đang cố nén nỗi xúc động. Lát sau khi đã tĩnh tâm, bố tôi bảo:

- Con uống nước đi, chè ướp sen này xưa cụ nội con thường dùng.

Tôi bồi hồi nâng chén trà, trong tĩnh lặng của sớm mai, hương sen man mác, dư vị của trà ngon và hương hoa thanh cao hòa quyện, tinh thần chợt thư thái lạ lùng.

Hương về phía bàn thờ đang tỏa hương thơm ngát, bố tôi trầm ngâm:



TRẦN VĂN HẠC

- Đây là một vẽ trong câu đối xưa cụ con rất quý. Câu đối này do một người bạn tri âm tặng trong một lần hội ngộ, vừa thưởng thức trà sen, vừa ngâm thơ xướng họa.

Quê tôi ở xã Hiến Lương - huyện Hạ Hòa - tỉnh Phú Thọ. Căn nhà của cụ tôi để lại ngay bên sông Hồng, phía thượng nguồn là Gành Hạc, theo truyền thuyết đây là nơi xưa chim Hồng Hạc thường về đậu. Trước nhà là cánh đồng thẳng cánh cò bay và một đầm sen rộng gần chục mẫu. Mỗi khi hè về, đầm sen đua hoa ngát hương cả một vùng "rừng cọ, đồi chè, đồng xanh" quê tôi. Vào thu sen tàn, nhưng sức sống diệu kỳ vẫn ẩn sâu dưới lớp bùn để

mùa xuân năm sau lại bùng dậy hoàn sinh nuốt nà.

Thuở còn thơ, không biết bao lần tôi tròn mắt lắng nghe chuyện mẹ Âu Cơ đưa năm mươi người con lên đây khai đất vỡ hoang và dạy cho dân biết cấy biết cày. Rồi khi xuống đón mẹ Âu Cơ về trời, các nàng tiên đã ẩn trong những đóa sen để tránh những ánh mắt phàm tục; và những đêm trăng sáng đôi khi vẫn văng vẳng từ hồ sen khúc nghê thường. Đầm sen ngày ấy là cả một thế giới linh thiêng và huyền bí với tôi. Sau này lớn lên mỗi lần về thăm quê, từ xa ánh mắt mới chạm vào bóng đa xanh thẫm và mái đền cổ kính, nghe thoang thoang trong gió hương sen thân thuộc, là trong tôi lại bồi hồi xúc động với một tình cảm trong sáng, máu thịt và ấm áp lạ thường.

Tôi được các cụ cao niên trong họ kể rằng, thời trai trẻ cụ tôi là người ngay thẳng, trung thực, nhân hậu và rất giỏi trong kinh doanh. Cụ cùng một số người thân tín tổ chức làm ăn, nhờ vậy kinh tế gia đình khá giả. Song cụ luôn ủng hộ giúp đỡ các phong trào yêu nước và những cảnh đời cơ nhỡ. Cụ luôn răn dạy con cháu: "Chữ hiếu, chữ trung là cái gốc của đạo làm người. Con người ta sống không phải chỉ cho riêng mình mà còn phải biết sống vì nước, vì dân". Ngôi nhà của cụ tôi ngày ấy có một căn gác xinh xắn có tên là "Nguyệt Cẩm hiên". Đây là nơi thỉnh thoảng cụ với bạn bè tâm giao cùng chí hướng đàm đạo về thế sự, thưởng thức trà sen, ngâm vịnh thơ phú.

Bố tôi kể rằng lúc sinh thời cụ nội tôi chỉ dùng duy nhất trà ướp sen. Cụ tôi cho rằng uống trà mộc là để thưởng thức cái tinh túy của trà, còn uống trà ướp sen, hương vị trà tinh khiết hòa cùng hương hoa cao sang làm cho con người như đạt tới sự thoát tục, giúp mỗi người có thể chiêm nghiệm được quá khứ, hiện tại và tương lai trong mối giao hòa thiên - địa - nhân sâu sắc. Sen còn là loài hoa cao quý tượng trưng cho cội Niết-bàn và là biểu tượng của quy luật nhân quả.

Do ảnh hưởng của cụ tôi nên ông nội tôi sớm giác ngộ cách mạng. Chính vì vậy, năm 1930 ông nội tôi bị chính quyền thực dân phong kiến bắt giam tại đế lao Phú Thọ với tội danh tiếp tay cho cuộc khởi nghĩa Yên Bái của ông Nguyễn Thái Học. Không khuất phục được ông cụ, chúng lại giở chiêu bài dụ dỗ, phong cho ông nội tôi hàm: "Hàn lâm thị độc", song ông nội tôi khăng khái từ chối. Năm 1943, ông nội tôi dùng tiền của tổ chức và của gia đình vào xã Hạ Bằng La (Văn Chấn - Yên Bái) mở đồn điền trồng chè để làm cơ sở đón các chiến sĩ cách mạng vượt ngục từ Sơn La, Nghĩa Lộ về. Ông nội tôi đã anh dũng hy sinh năm 1951 khi đưa đoàn dân công của huyện Hạ Hòa đi phục vụ chiến dịch Hòa Bình.

Từ ngày tìm được về đối của tổ tiên, tôi bao lần trần trở muốn tìm hiểu nội dung, để rồi qua đó ít nhiều có thể hiểu thêm về các bậc tiền nhân. Duyên may qua con đường viết văn, viết báo, tôi quen thân với một ông giáo già vốn xuất thân từ một ông đồ xứ Nghệ. Trong một lần cùng ông thưởng thức trà sen, tôi đã được ông chân tình chỉ dạy:



- Đây là câu đối của một bậc văn tài, trượng nghĩa, yếu lễ phải và công bằng, mang một nỗi niềm đau đáu về dân tộc, về gia phong, ẩn chứa một ý chí, hoài bão và niềm tin vào tương lai của đất nước và con cháu. Cũng vì vậy không thể chỉ dựa vào từ điển mà có thể hiểu được ý nghĩa sâu xa của người xưa.

Vượt chòm râu trắng như cước, ông giáo già ngâm nga về câu đối:

“Anh Vũ loa thâm phiến tế lãng”

Dừng lại giây lát như cân nhắc điều gì, ông giáo trầm ngâm:

- “Về câu đối thật là hóc hiểm. Nếu chiết tự thì “Anh” có nghĩa là đứa trẻ mới sinh, song “Anh Vũ” cũng là một loại cá quý có ở sông Bạch Hạc. Nhưng khi kết hợp với “loa” là con ốc, là những vòng tròn tiếp nối nhau tuần hoàn bất tận thì đã nảy sinh những ý nghĩa mới là con ốc biển đẹp và quý hiếm. Ông giáo già lưu ý tôi: “Nhân dân vùng duyên hải, đặc biệt là ngư dân, dùng vỏ ốc Anh Vũ làm tù và. Nhưng đó không chỉ là dụng cụ phóng thanh mà còn là mệnh lệnh, thông điệp. Người xưa truyền tụng rằng mỗi khi tù và bằng ốc Anh Vũ cất tiếng, âm thanh dường như vẫn đọng lại ngàn đời trên sóng nước, có sức truyền cảm mạnh mẽ, tương thanh tương khí về lòng người, về thế sự. Tù và bằng ốc Anh Vũ là vật thiêng, không phải ai cũng được dùng và biết dùng cho hiệu quả, mỗi khi dùng đến là báo hiệu có việc trọng đại, linh thiêng của một dòng họ, một làng, một tổ chức”.

Từ đó khi hiểu “thâm” là sâu, sâu của không gian và thời gian, sâu của ân đức và lòng người, “phiến” là phản hồi, lật trở lại, “tế” là rất nhỏ, “lãng” là sóng nước, phải chăng về đối ấy có thể được hiểu là: “Tiếng tù và bằng ốc Anh Vũ từ sâu thẳm, từ ngàn xưa vẫn làm gợn từng làn sóng li li gọi nên bởi những mệnh lệnh, thông điệp về lòng người, về thế sự?”

Tôi hiểu rằng nếu áp đặt cho về đối một ý nghĩa nhất

định nào đó theo ý mình sẽ là sự nông cạn, hời hợt và xúc phạm. Song lời cắt nghĩa của ông giáo già khiến tôi rung rung xúc động. Từ sâu thẳm dâng lên lòng kính trọng đối với công sức, tâm tư, tình cảm của tổ tiên.

Từ lâu gia đình tôi nuôi một ý nguyện xây dựng một về đối thay cho về đối đã bị mất, thể hiện tấm lòng của con cháu. Dù được nhiều bậc cao niên gợi ý cho một số về đối mà vẫn phân vân khó quyết được.

Anh em tôi công tác xa, ở quê chỉ có gia đình người chú ruột, nhưng hàng năm chúng tôi từ mọi miền đất nước đều sum họp nơi mảnh đất thân yêu. Bao giờ anh em tôi cũng thắp hương báo cáo với tổ tiên những bước đi, những thành công và cả những thiếu sót, vấp ngã trên đường đời. Mỗi thành viên trong đại gia đình đều thấy như được tiếp thêm niềm tin và sức mạnh, gắn bó với nhau hơn. Bao giờ anh em tôi đều cùng con cháu quây quần nơi gác “Nguyệt Cầm hiên” đắm mình trong hơi thở hổi hổi một sức sống mới của quê hương. Con sông Hồng vẫn êm ả trôi xuôi, cần mẫn bền bỉ chuyên chở phù sa bồi đắp những cánh đồng màu mỡ. Bình minh xôn xao trên sóng nước lẫn tan lan xa tới tận chân trời. Hương lúa đồng hòa quyện cùng hương sen ngào ngạt. Chúng tôi xúc động giờ từng trang gia phả của dòng họ. Ngoài kia nhịp sống mới đang hối hả. Những con đường hiện đại toả đi muôn nơi, những công trình mang tầm thời đại, những ngôi nhà mới xây tươi rói, những ánh mắt nụ cười tin yêu, ngôi đền Mẹ Âu Cơ nhân từ bao dung ấm áp, quá khứ và hiện tại đan xen. Ôi mảnh đất quê hương, nơi đã sinh ra và nuôi dưỡng nên biết bao người con ưu tú. Biết bao người đã không tiếc máu xương, công của để bảo vệ và xây dựng, trong đó có những người thân yêu của gia đình lớn chúng tôi. Đâu đây như vẫn vang vọng tiếng tù và bằng ốc Anh Vũ trầm hùng trên sóng nước. Trong tôi bỗng vụt hiện lên về đối do ông giáo già gợi ý:

“Hạc Âu đức viễn khai thuần phong”

Đúng rồi! Tuy không dám nói đối lại về đối của tổ tiên. Nhưng lịch sử của giống nòi, nơi phát tích và trưởng thành của dòng họ, tiếng gọi đàn của chim Hạc, chim Âu, tiếng của Mẹ Âu Cơ gọi nhớ Lạc Long Quân từ buổi chia tay lên ngàn xuống biển. Công đức to lớn sâu dày của tổ tiên, công đức ấy khởi nguồn cho ngọn gió lành. Sóng không chỉ là sóng đơn thuần mà còn mang giá trị nhân văn sâu sắc. Gió không chỉ là gió, mà còn là thuần phong mỹ tục con cháu nguyện với cha ông giữ gìn nếp nhà - gia phong trong bước chuyển mình của quê hương đất nước trên con đường hội nhập với bạn bè năm châu. Cái gia phong ấy đã được công đức của tổ tiên gây dựng từ ngàn xưa mãi mãi sâu nặng và trường tồn.

Tôi thanh thản thắp nén hương trầm trên bàn thờ tổ. Cơn gió mát lành từ cánh đồng biếc lúa thoang thoang hương sen lồng lộng thổi. Tôi bỗng mỉm cười và đọc thành lời câu đối:

“Anh Vũ loa thâm phiến tế lãng

Hạc Âu đức viễn khai thuần phong”. ■



Huế cười lang bang

VU PHAM HUONG HANG

T háng tư Tây Nguyên, đã quỳ tàn. Tôi cố tìm đến mỗi mắt cũng chỉ thấy lác lác vài ba bông lờ thì còn sót lại trên những đám lá úa tàn ven đường hay trên những hàng rào phân cách các rẫy cà phê đang rộ hoa trắng. Nhưng trời đất ở đây vẫn mùa nào thức ấy mà vị nhân, chiều người. Hết đã quý thì đã có bướm. Vào tháng này, bướm chao qua, liệng lại như những cơn lốc vô tận khắp núi đồi, thung xa, làm mê đắm lòng người. Có những khúc đường vắng, xe chạy nhanh, một số con không may đập cả vào cửa kính chiếc Land Cruise, khiến “bác tài” trẻ thỉnh thoảng phải bấm cần gạt nước rửa cho rõ tầm nhìn.

Xe rẽ vô bãi đất trống cách đường lộ chừng vài trăm

mét thì đậu lại cùng nhiều xe khác của quan khách đã đến trước. Cửa xe vừa mở, mọi người đã nghe văng vẳng tiếng “kính koong” trầm ấm vang động khắp cả rừng núi mênh mông của vùng Lộc Thượng. Tôi theo đoàn người đi bộ trên con đường nhỏ dẫn vào buôn, nơi diễn ra lễ hội.

Đã từng nghe cồng, rồi cả dàn chiêng cải tiến có đủ 7 thang âm như nhạc cụ phương Tây nhưng chưa bao giờ tôi được nghe những tiếng cồng có âm sắc cuốn hút kỳ lạ đến như vậy. Đeo hai máy ảnh trên người, tiếng cồng đã làm tôi háo hức, như một kẻ đi săn sẵn sàng “bắn hạ” “con mồi”. Máy ảnh trường, pho phồng bên quản lý văn hóa trong nhóm cũng nài nịt với máy ảnh số, handy cam đắt tiền, phấn khích không kém gì tôi.

Qua khỏi con dốc cao, tiếng cồng lớn dần, mọi người đã nhìn thấy một căn nhà cộng đồng, mái vươn lên trời giống kiểu nhà rông của người Ba Na. Phía sân trước, có một cây nêu cao, tua rua đang lắc lư theo từng đợt gió ngàn.

Và đây rồi, tôi đã nhìn thấy đúng đối tượng mà mình ao ước được ghi vào ống kính. Đó là những cô gái dân tộc thiểu số mặc váy liền áo màu đỏ đậm, thêu những họa văn xanh, trắng bó sát thân hình đang nhún nhảy vòng quanh cây nêu. Điều nhạc "Tiếng chày trên sóc Bom Bo" phát ra từ dàn chiêng do các chàng trai địa phương đóng khố, mặc áo thổ cẩm tấu lên nhịp nhàng, làm cho không khí lễ hội càng thêm náo nức. Ở giữa vòng tròn các cô gái múa là một cây cột gỗ lớn có khắc những hình kỷ hà bí ẩn, quấn một sợi dây to bên bằng cây le xoắn lại buộc chặt vào cổ một con trâu sừng còn ngắn nhưng to lớn, da đen lánh.

Ngoài dân của buôn làng, đại biểu, quan chức các cấp trong và ngoài tỉnh còn có vài chục người châu Âu, đại diện cho phía tài trợ công trình cấp nước sạch cho xã. Một cán bộ văn hóa tỉnh nói với tôi, thật ra năm nay rừng bị phá trụi, gây khô hạn nên mất mùa, có lúa đầu mà bà con tổ chức Lễ Cơm Mới. Hơn nữa, lễ này thường chỉ được tổ chức vào tháng 11 hàng năm chứ đâu phải bây giờ. Đây chỉ là màn trình diễn để quay phim chụp hình quảng bá văn hóa, du lịch đối với quan khách, nhất là những người ngoại quốc có mặt hôm nay.

Nghe nói vậy thì tôi hiểu ra ngay. Nhưng không quan trọng vì bản thân đã quá quen với nhiều thứ "trình diễn" kiểu này rồi. Hơn nữa, tôi đang bám sát mục tiêu của mình. Lần này, thế nào tôi cũng "chộp" được hình ảnh báu vật mà từ lâu tôi mong ước. Tiếng cồng lại vang lên bí hiểm, sâu lắng, báo giờ hoàng đạo. Các "con mối" của tôi dừng múa, tản ra gần lễ đài. Phía trên bậc thang của nhà cộng đồng, một cán bộ văn hóa tỉnh đang phát biểu lý do buổi lễ và lời chào quan khách. Sau đó, già làng nói vài câu rất ngắn bằng giọng Kinh khá sôi, rồi ông vẫy tay ra hiệu.

Một tiếng cồng vang lên. Một người đàn ông lực lưỡng, tay cầm con phảng - loại dao dài dùng để phát rẫy - tiến lại gần con trâu múa vài động tác như một võ sĩ chào đối thủ trước khi giao đấu. Bất ngờ, anh ta cầm phảng chặt thẳng vào hai khuỷu chân sau của con trâu. Bị đau, con trâu muốn nhảy lên khỏi mặt đất vài lần rồi quỳ phục xuống đất. Vết chặt làm trơ ra những thớ gân trắng tươi, rỉ máu. Loài trâu không biết kêu lớn như loài bò. Nó cố khạc ra những âm trầm đục tắc nghẹn trước những đau đớn bất ngờ mà con người, một động vật cùng có máu nóng, cũng biết đau đớn thế xác khi bị đánh, bị đâm chém, gây ra cho nó. Con trâu quỳ xuống hoàn toàn sau vài nhát phảng nữa chém thẳng vào hai đầu gối của cặp chân trước còn lại, khiến cho nó phải nằm bẹp bụng xuống đất giãy giụa bất lực. Mặc dù bốn chân đã bị chém gần đứt lìa, con trâu vẫn cố vươn đầu lên giương đôi mắt thất thần tuyệt vọng bởi bản năng

sống của muôn loài động vật. Sau đó, một người đàn ông khác cầm cây giáo, cán dài khoảng 2 mét, quơ quơ qua lại như một nghi thức trình diễn rồi lao thẳng mũi giáo sắc nhọn vào dưới ức trái của con trâu làm nó rùng mình. Người đàn ông xoay xoay cán giáo vài lần rồi rút ra khỏi mình con vật. Tức thì, một dòng máu đỏ phun ra xối xả trên nền cát trắng trước khi một cánh tay khác đưa cái thau nhựa hứng lấy.

Bỗng một tiếng la thất thanh vang lên nghe đến sồn gai ốc. Thì ra, một phụ nữ mắt xanh tóc trắng ôm mặt khóc thét chạy thẳng ra phía ngoài. Có lẽ sự việc diễn ra đã không giống như những động tác điệu nghệ, thượng võ của chàng matado ở xứ sở của mình nên cô ta bị chấn động tâm lý. Một số người - cả ta và Tây - vội chạy theo người phụ nữ. Một người đàn ông ngoại quốc ôm lấy người phụ nữ để giữ lại. Mấy anh cán bộ du lịch ta nói tiếng Anh trấn an người phụ nữ này đừng quá sợ. Đây chỉ là một tập tục lâu đời của tín ngưỡng bản địa... Người phụ nữ vẫn gào khóc, lắc đầu lia lịa đòi ra phía ngoài, nơi những chiếc xe đang đậu. Nhưng không phải chỉ có vậy, một số người châu Âu cũng lục tục đi ra với nét mặt căng thẳng. Chỉ còn lại một ít khách châu Âu, người Việt và những cán bộ văn hóa. Lạ nhất là có một cô trong nhóm múa người dân tộc thiểu số cũng lẳng lặng đi ra ngoài xa đứng nhìn cảnh đâm trâu bằng nét mặt buồn buồn. Tôi muốn lại chỗ cô ấy nhưng còn bận phải ghi hình tiếp vì đây là sự kiện quan trọng nhất của lễ hội.

Từ này đến giờ tôi đã chụp được vài chục tấm hình lễ đâm trâu, các quan chức phát biểu, không khí chung của người đến dự. Như vậy, về nội dung căn bản đã xong. Tôi đã chứng kiến khá nhiều lễ tương tự của đồng bào dân tộc thiểu số ở nhiều vùng của Tây Nguyên nhưng chưa lần nào tôi có cảm giác nặng nề như lần này. Những anh cùng nhóm với tôi đang vây quanh đồng lửa thui con trâu hiến tế chụp hình, quay video liên tục. Vài người khác thì xoắn lấy đám thiếu nữ vừa nhảy múa bấm máy liên tục đủ các tư thế, góc độ. Tôi lảng xa tốp người đang thui trâu, lại gần những cô gái.

- Nào cho anh chụp vài tấm nhé! Các em đẹp quá!

Người đẹp, múa cũng đẹp!

Một cô nhìn về hướng tôi cười, mở to mắt đen mí lót nhìn tôi.

- Máy anh có phim không đấy?

- Em yên tâm. Bây giờ máy ảnh số, khỏi cần phim.

Cô gái có vẻ "tinh tướng".

- Vậy thì có hình không?

Nhìn cô gái, tôi ngờ ngợ như đã từng gặp cô ở đâu rồi. Hay là cô gái bỏ ra đứng một mình trong lúc đâm trâu tôi đã trông thấy hồi nãy rồi tưởng mình đã quen? Tôi chưa kịp nghĩ thêm thì cô đã nói tiếp.

- Nhà báo các anh hay xạ loàm. Lúc chụp thì hứa gởi hình. Chụp xong rồi thì như con bướm trên rẫy, con chim trên đồi, biết đâu mà tìm?

- Anh hứa mà!

Tôi liền mở túi lấy ra tấm các rồi chia ra trước mặt cô gái.

- Không tin thì địa chỉ, số điện thoại, tòa soạn của anh đây.

Cô gái cầm danh thiếp đọc rồi nhìn lên. Trong đôi mắt với hàng mi dài, rậm đặc trưng dân tộc, cô ngược lên nhìn như xoáy vô tận tìm tôi. Tôi cũng nhìn cô và nhận ra là ai. Đó là người tôi quen trong một dịp lễ hội di sản công chiêng tại Pleiku cách đây vài năm.

Cô gái nở nụ cười nhìn tôi.

- Em đã nhận ra anh từ đầu. Có phải anh là... phóng viên của báo... không?

- Sao em nhớ?

- Thực ra em quên chuyện đã gặp anh ở sân vận động Pleiku năm nào rồi. Nhưng trông anh cũng quen quen. Tới khi đọc tấm danh thiếp này thì em nhớ...

- Thế em tên gì?

- Biết ngay mà! Anh có hàng trăm cô như con gà trống với cả đàn gà mái trong rừng thì làm sao nhớ...

- Em nói hơi quá đấy?

- Không quá đâu! Người Kinh đa số hay xảo lắm. Mà nhà báo các anh thì còn hơn thế, đúng không?

Vẫn giọng cười cợt nhưng đầy khoan dung như năm nào. Cô nói tiếp:

- Em là Cil Kar Xuân.

- À, anh nhớ rồi. Nhưng lần trước anh chưa hỏi tại sao tên em lại thêm chữ "Xuân"?

- "Xuân" là chữ sau của "Tấm Xuân" đó.

- Vậy em mang tên một giống hoa hoang dại à?

- Em "hoang" nhưng hồng dám "dại" đâu! - Cười hồn nhiên - Em thích tấm xuân nên mỗi lần xuống Đà Lạt, em lại rủ lũ bạn đến đồi Cù ngắm hoa đó.

- Đồi Cù đã biến thành sân golf, sao em vô được?

- Em biết, từ ngày đồi Cù là sân golf thì không có người dân nào dám bén mảng đến đấy nhưng em đứng ở ngoài chứ! Giống cây này leo hàng rào của sân



golf nhiều lắm. Nhất là mẹ hồ Xuân Hương.

- À...

- Thấy em thích thứ hoa này, tụi bạn học ở trường dân tộc nội trú đặt ngay cái tên của nó cho em. Em đồng ý.

- Đà Lạt thiếu gì hoa đẹp mà em chỉ thích tầm xuân?

- Vì con người không phải vất vả chăm sóc mà nó vẫn ra hoa đẹp, hương lại thơm nữa.

- À...

Hóa ra cô gái này cũng có nhiều điều hấp dẫn đây!

- Tôi nghĩ.

- Anh đợi em chút. Các bạn cùng đoàn gọi. Gặp anh sau nhé!

Kar Xuân chạy nhanh về phía đám đông trước sân nhà cộng đồng.

Một mình, tôi ngồi xuống cây gỗ lớn trên bãi cỏ nhớ lại dịp tôi quen người con gái K'ho đáng yêu này. Đây là một sự kiện làm cho tôi suy nghĩ nhiều về cách đối nhân xử thế.

"... Cách đây hai năm, có một nhóm phóng viên, cán bộ văn hóa từ TP. HCM lên dự lễ hội văn hóa cồng chiêng. Riêng tôi lên để viết bài, chụp ảnh. Trên sân vận động, nắng chiếu đã ngả vàng nhưng phải còn hai giờ nữa mới đến giờ khai mạc. Trong lúc chờ đợi, mỗi đoàn đại diện cho một dân tộc đang ngồi giải lao tại chỗ. Họ ngồi, đứng, chụp hình lẫn nhau rải rác trên sân cỏ. Nhóm chúng tôi đi đến chỗ những cô gái đang đứng ngồi nói chuyện vui vẻ. Hoàng, một trưởng phòng cấp sở cầm máy ảnh để nghị một cô rằng anh muốn chụp ngực trần của cô ấy. Cô gái người K'ho nghe vậy mỉm cười khẽ lắc đầu. Anh chàng này nhìn bộ ngực căng trong chiếc áo thổ cẩm bằng con mắt thèm muốn. Tưởng cô gái mắc cỡ, anh ta chỉ ra phía xa nơi có những góc khuất của khán đài vắng người hơn. Cô gái vẫn lắc đầu. Anh chàng cán bộ văn hóa liền rút tờ 50.000 đồng ra, đưa cho cô gái. Cô gái lắc đầu, vẫn cười. Anh chàng rút thêm một tờ 50.000 nữa đưa ra. Cô gái vẫn lắc đầu, cười gượng rồi quay mặt sang hướng khác. Chàng cán bộ văn hóa nói: "Một trăm mà còn chưa chịu, được tiền, có mất gì đâu mà làm cao đũ vậy?". Cô gái im lặng trong tư thế cũ. Hoàng với vẻ mặt vừa giận vừa què bả sang nhóm khác.

Nhìn Hoàng, tôi nổi máu anh hùng. Đúng là "tay mơ!", tôi nghĩ vậy. Từ đầu, tôi đã để ý một cô xinh xắn, da bánh mật, ngồi yên theo dõi câu chuyện chụp hình của Hoàng với cô bạn cùng đoàn nhưng không có phản ứng gì. Thoạt đầu, tôi cứ tưởng nàng là một cô gái người Kinh mặc giả trang người dân tộc thiểu số để biểu diễn như nhiều lễ hội khác. Chỉ đến khi nghe giọng Kinh lơ lớ nhưng khá chuẩn thì tôi hiểu nàng là người K'ho trăm phần trăm. Nhìn tấm thân tròn lẳn, chắc chắn, gương mặt cân đối, mắt mí lót nhưng lớn, tia nhìn ấm, tự tin của cô gái, tôi như miếng sắt nhỏ để gần cục nam châm. Khác với gương mặt ngẩn của đa số các bạn, mặt cô hơi

dài như người Kinh ở Bắc Bộ và Nam Bộ. Điều này làm tôi càng bị cuốn hút như một thợ săn tiệm cận con mồi lớn, sẵn sàng khai hỏa.

Nhìn cô say đắm, tôi mở màn bằng một giọng trìu mến, tán tỉnh.

- Chào em!

Cô gái mỉm cười tự nhiên đáp lại.

- Chào anh!

- Em đẹp quá! Thật là đóa hoa của núi rừng!

- Em mà đẹp à? Anh nói thật hay anh đùa em?

- Anh nói thật đấy! Cho anh chụp em vài kiểu hình nhé?

- Vâng! Nhưng em đứng ở đâu?

- Em ra mé góc sân đằng kia ánh sáng ngược, phong âm, lại vắng người để chụp hơn.

Cô gái mỉm cười, lưỡng lự đứng lên. Cô nhìn các bạn rồi cầm tay kéo lên, mời họ ra chụp cho vui. Nhưng các bạn chỉ cười mỉm, lắc đầu.

Ra đến góc khuất cạnh khán đài, nơi ánh nắng chiếu vàng rất đẹp, tôi bấm liên tiếp được hàng chục kiểu chân dung của cô. Xong, tôi vội để nghị như sợ vuột mất cô. Hình như đàn ông lúc nào cũng hấp tấp như vậy?

- Em cởi áo ra có được không?

Cặp mắt to mí lót mờ lớn nhìn tôi hỏi lại.

- Để làm gì anh?

- Anh muốn chụp ngực đẹp của em.

Cô gái cúi nhìn xuống ngực mình rồi ngẩng lên khẽ lắc đầu gượng cười.

- Không được đâu! Mắc cỡ lắm!

- Phụ nữ người dân tộc em thường ở trần mà?

Cô gái lắc đầu cười.

- Đó là ngày xưa. Bây giờ còn ai ở trần nữa! Muối cắn, sốt rét thì chết! Anh lại nhìn những tấm hình phụ nữ Tây Nguyên ở trần do mấy ông thực dân chụp hồi đó chứ gì? Bây giờ chỉ còn một ít bà già ở trần hôm trời nóng thôi - Cô chỉ tay về hướng đám đông người dân các buôn đang đứng chờ xem lễ hội ở cách đó không xa - Sao anh không chụp mấy bà mẹ lớn tuổi đang ở trần đằng kia kia? Họ còn khổ lắm! Các anh nên quan tâm đến!

Tôi nhìn về phía những bộ ngực nhăn nheo, teo tóp như những con mực khô mới phơi một nắng mà ngao ngán. Tôi muốn có những tấm hình "nude" người thiếu nữ cao nguyên căng tràn sức sống như những bức tượng đồng hun, giống như các bức ảnh mà người Pháp đã chụp được khi họ mới bước chân lên thám hiểm vùng này từ đầu thế kỷ trước. Vì vậy, tôi phải nghĩ cách thuyết phục "người mẫu", để cô ta đồng ý. Tôi liền xỏ ra những câu rất "sến".

- Đây là "hình nghệ thuật", chụp em để đưa lên báo, không phải chụp chơi đâu! Thân hình "vệ nữ" của em sẽ được cả nước, cả thế giới chiêm ngưỡng, em sẽ nổi tiếng. Khi ấy em phải cảm ơn anh ấy chứ!

- Thế anh là phóng viên à?

- Anh là phóng viên mà!

Để chứng minh là thật, tôi móc bóp, rút tấm thẻ nhà báo ra đưa cho cô. Cô gái cầm tấm thẻ ngắm nghía cười.

Bất ngờ, tôi nhanh tay cầm cái nút trên ngực áo thổ cẩm của cô bật ra. Cô gái chụp lấy tay tôi hất ra rồi vẫn thản nhiên mỉm cười cài lại. Tôi chột dạ, ngượng ngùng. Một tay cầm tấm thẻ, bàn tay kia phất qua phất lại vào góc có ảnh tôi, miệng nói liên tục "Chứa này! Chứa này!...". Tôi tái mặt đầu đờn như chính mình đang chịu những cái bạt tai của cô. Cô gái đưa lại tôi tấm thẻ, vẫn giữ vẻ thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Một phút sượng sùng trôi qua, nhìn về phía lễ đài ở xa, cô nói.

- Sắp đến giờ rồi, em phải về đoàn.
- Địa chỉ của em để anh gửi hình?
- Cil Kar Xuân, lớp 12 b, trường dân tộc nội trú tỉnh ...
- OK!

Cô gái đi khỏi, tôi liền lấy bút ra ghi ngay. Tôi nghĩ, lần này bằng bất cứ giá nào tôi cũng phải gửi hình cho Kar Xuân. Tôi nhớ, tôi đã từng chụp bao nhiêu người từ cô gái, bà già, bác nông dân đến em học sinh, anh bộ đội trong những dịp đi công tác thế này nhưng tôi chưa hề bao giờ gửi hình cho họ như đã hứa.

Uể oải đi về phía lễ đài, tôi không còn chút hứng thú để chụp gì nữa mặc dù lễ chính phải nửa giờ nữa mới khai mạc...".

... Đứng lên khỏi cây gỗ, tôi đi về phía nhà cộng đồng. Bên đồng lửa, mọi người đang nướng từng xiên thịt trâu vừa ăn vừa hút rượu cần, cười nói vui vẻ. Tôi đang mãi ngắm vài kiểu hình cảnh này thì có người vỗ nhẹ lên vai tôi. Ngẩng lên, tôi sung sướng thấy Kar Xuân cùng vài cô gái người thiểu số khác tươi tắn nhìn tôi.

- Anh chụp cho chúng em một tấm hình chung nhé.
- OK! Các cô ra đứng ở trước cửa nhà cộng đồng nhé!

Lần này tôi chụp chung, chụp riêng cho các cô đến hàng trăm kiểu. Chụp xong, các cô gái biết ý quay ra chỗ đồng lửa. Hai chúng tôi ở lại rồi cùng ngồi xuống cây gỗ. Kar Xuân im lặng và vẫn nụ cười mỉm thường trực trên môi. Tôi lên tiếng trước.

- Địa chỉ của em vẫn như cũ phải không?

- Không anh ạ. Anh gửi về lớp Lý 2A, Trường Cao đẳng Sư phạm... À, anh không phải gửi hình rồi mà chỉ cần gửi file vào địa chỉ "karxuan@...".

Tôi ngạc nhiên.

- Kar Xuân học cao đẳng rồi à? Em giỏi thật. Lại còn học vật lý thì chắc phải giỏi toán lắm?

- Em không dám nhận là giỏi đâu nhưng em làm được bài thi.

Tôi thực sự ngạc nhiên quay sang nhìn Kar Xuân vẫn đang cười mỉm. Tôi ngập ngừng như gà mắc tóc.

- Anh xin lỗi lần trước hứa gửi hình cho em nhưng...
- Ó! Anh hứa à? Em không nhớ điều ấy. Lần đó về

chúng em phải lao vào học để thi nên không còn nhớ gì hết.

Nghe cô nói mà tôi cảm thấy khó xử. Tôi đã hứa lèo với nhiều người trong những lần đi công tác như thế này. Hứa nhưng không làm là thói quen của giới công chức chúng tôi. Thực lòng, tôi chỉ muốn chụp hình để xã giao cho được việc. Vậy mà cô gái vẫn tha thứ. Tôi thật đáng trách. Nhớ đến chuyện đâm trâu, tôi hỏi cô.

- Hình như trong khi đang đâm trâu em bỏ ra ngoài đứng phải không?

- Vâng.

Về mặt của Kar Xuân thoáng buồn.

- Tại sao?

- Em không thích!

- Đó là văn hóa truyền thống của dân tộc em kia mà?

- Em nghĩ khác. Em cho rằng đó chỉ là một tập tục bản địa. Đã gọi là văn hóa thì nhiều dân tộc khác dù ở tận đâu cũng bắt chước làm theo chứ? Tỷ như, số "pi", chiếc cà vạt... khắp nơi ai cũng dùng.

- Nghĩ như em thì lễ đâm trâu một ngày nào đó sẽ...

- Ý anh là hết phải không? Em chưa dám nghĩ như vậy. Nhưng người Tây Nguyên bây giờ đã biết làm lúa nước để có nhiều gạo hơn, không phải du canh du cư, phá rừng, đốt rẫy như trước. Chắc anh rõ hơn em, muốn làm được lúa nước thì phải cần có con trâu kéo cày, bừa. Trong khi con bò sợ bùn sinh nên không dám xuống ruộng. Từ đó mà thương con trâu. Giết nó như vậy thì tội lắm.

Nghĩ đến đồng lửa mọi người đang quây quần ăn, uống, nơi cô gái vừa ở đó ra, tôi hỏi.

- Thịt trâu có ngon không em?

Kar Xuân cười mỉm.

- Hôm nay là ngày em ăn chay nên...

Cô im lặng, khẽ lắc đầu.

- Người Tây Nguyên cũng ăn chay à?

- Không! Nhưng em theo đạo Phật!

Tôi trợn mắt.

- Thật à? Lâu chưa?

- Thật mà! Em mới được quy y đợt năm ngoái. Bộ anh nghĩ người Tây Nguyên không theo đạo Phật được sao?

- Cười mỉm - Hôm nay anh có chụp được tấm "hình nghệ thuật" nào chưa?

Tôi chột dạ.

- Thôi, anh biết lỗi rồi!

Kar Xuân lại cười mỉm. Nhìn ra phía nhà cộng đồng, cô nói.

- Tụi bạn vậy em tập trung rồi. Chào anh nhé!

Kar Xuân đứng lên rồi bước rất nhanh về phía cây nêu gần những chùm tua rua lắc lư trên nền trời cao nguyên xanh thẳm. ■



Một chặng khác trên Con Đường

NGUYỄN ĐỒNG NHẬT



Người cầu nguyện (Trà Kiệu)
Tranh bút sắt

Giới thiệu:

Tranh Phan Ngọc Minh là sự kết liên giữa khoảng không và ngọn ngọn chất liệu. Và dưới lớp sơn óng ánh kia là những ký hiệu tượng hình, những totem mà anh gửi gắm. Tôi nhận ra ở đó cả phận người - hạnh phúc có mà đớn đau có. . .

Họa sĩ Đinh Cường

... Vũ trụ thánh Chăm của Minh, nếu còn lại điều gì, thì đó chính là tiếng nói yêu thương dịu dàng của con người giữa những khốc liệt của đời sống. Nhìn như thế, những gì mà các tác phẩm này mang lại đã vượt cả thời gian và biên giới: nó là khát vọng của con người.

.... Và dưới cái nhìn của tôi, Phan Ngọc Minh, bằng những tác phẩm của mình, đã đóng góp thật sự vào nền hội họa của thế kỷ XX.

Catherine Franceschi

nhà phê bình mỹ thuật người Pháp

... "Vũ khúc xuân" chính là vũ điệu của sự phồn thực, vũ điệu của sự sinh sôi nảy nở, vũ điệu của thời gian bất diệt trong nền văn hóa Chăm. Như vậy, ở tranh Minh, một lần nữa chúng ta bắt gặp văn hóa Chăm hội tụ, phát sáng và thăng hoa.

Văn Món (Sakaya)

Nhà nghiên cứu văn hóa Chăm



Chân dung Họa Sĩ Phan Ngọc Minh. Ảnh: Lê Hải

Nếu nghệ thuật là cái mà con người đã “thêm vào” giới tự nhiên và sau đó, khi con người đã quên đi, thì nghệ thuật, một lần nữa, tạo ra sự sống lại của thời gian.

Với họa sĩ Phan Ngọc Minh (PNM) - người mà hơn mười năm trước, giới thưởng ngoạn mỹ thuật đã biết đến qua những tác phẩm về Hội An và Mỹ Sơn, khi hai địa chỉ này còn chìm dưới lớp bụi quên lãng của thời gian - nghệ thuật là tình yêu của sự lãng quên. Và tình yêu ấy có cội rễ từ hai mảnh đất Việt - Chăm: những bức tranh bút sắt sống động về một ông tổng đánh trống, một người thổi kèn, một cụ bà bán hàng rong ở phố cổ...; những bức tranh sơn dầu chứa đựng ánh lấp lánh của bóng tối về sự cảm nín của một mảng tường rêu ở Hội An hay điệu múa thần linh chấp chờn ký ức trên điêu tàn nền gạch - đất Mỹ Sơn...

Thường thấy trong tranh PNM những sắc cực đoan như đỏ - đen. Tất nhiên, còn có những sắc chuyển tiếp: xám, trắng nhẹ... Và những hình khối vuông - tròn... Đây là những biểu tượng của căn úy dòng sống (bức *Ký ức Chăm*). Và những đối cực tâm lý: đau buồn và hân hoan, sự tuyệt vọng và niềm tin (bức *Nhịp điệu thời gian*). Ở những bức tranh này, có thể thấy được sự hài hòa giữa màu sắc, hình khối và cấu trúc. Nhất là cấu trúc: các khối hình xuất hiện ở bề ngang và bề đứng như những vị thế vừa đối lập, vừa quân bình. Hay nói cho đúng hơn: an trụ trong sự chông chênh..

Nhưng, về mặt thẳng tiến trong đời sống nội tâm của chính tác giả, những bức tranh ấy, hơn mười năm trước, mới chỉ là những biểu hiện đầu tiên cho những dự cảm của PNM: người nghệ sĩ vốn có cái tố chất thấu thị; nhưng khả năng ấy phải được nghệ thuật mài giũa để đến một lúc nào đó, năng lực ấy mới trở thành sức mạnh sáng tạo: xin nói về những tác phẩm gần đây của họa sĩ.

Mười lăm năm trước, một lần, tôi đã nói với Minh về chỗ đứng chưa rõ nét của những con - người - bình - thường trong những bức tranh sơn dầu của anh. Khi ấy, với Minh, họ “... mới chỉ hiện lên trong tranh như một tất yếu còn mù mờ”. Giờ đây, những tìm kiếm nghệ thuật đã dẫn anh đến với tiếng kêu gọi của cuộc sống trần trụi qua hơn 20 bức tranh mới nhất (chất liệu tổng hợp trên vải) có chung chủ đề mang tên “*Tự họa với Shiva*”. Trong Ấn Độ giáo, nếu thần Vishnu tượng trưng cho sự bảo tồn, thần Brahma (là hiện thân của sự sáng tạo, sinh thành), thì thần Shiva là thần hủy diệt và tạo dựng. Không là tín đồ Ấn giáo, cũng không là người “làm công tác” về văn hóa Chăm, PNM chỉ là “người cầm bút vẽ yêu cái đẹp” qua những chuyến “đi lùi” về một quá khứ huyền thoại và đầy hoạn lạc. Và sau hơn 20 năm, khoảng thời gian không ngắn cho cuộc rong chơi dài, tại sao bây giờ, anh lại đứng trước sự ám ảnh của Shiva (hủy diệt - để tái tạo)? Có phải chính cuộc sống này đã không cho phép anh đi mãi vào thế giới lãng quên kia nữa? Đã “tạm đủ” rồi, cho những ước muốn nghệ thuật của những ngày



Loạt tranh "Tự họa với Shiva", chất liệu tổng hợp trên vải

tháng ấy. Bây giờ, thì Nàng Thơ lại kêu gọi anh (hay chính anh, thêm một lần tự vấn), để quay lại với những ưu tư trước ngày – hôm – nay. "Tự họa với Shiva" là điệu múa của một thứ ý thức muốn chiếu rọi vào thực tại trên cái nền những tiếng trống bập bùng của hiện thực. Trong ý nghĩa ấy, họa sĩ đã từng bộc lộ: "Chúng ta mắc nợ quá nhiều từ đời sống, từ lịch sử, văn hóa...". Tất nhiên, PNM tìm cách "trả nợ" theo kiểu thức của người nghệ sĩ. Đã trả được món nợ (đối với tất cả những ai biết đón nhận sự trao tặng từ quá khứ) ấy chưa? Không biết. Không cần biết. Và cũng không cần thiết. Vì, nghệ thuật không phải những lời đáp trực diện. Hay nói đúng hơn, "tự họa" đã chính là câu trả lời, trong mọi hình thức sáng tạo.

Đoạn trên, đã nhắc đến "sự thăng tiến về đời sống nội tâm" của họa sĩ. Và mong, "Tự họa với Shiva" chính là, thêm một bước quay trở lại, nhìn thật tường tận khuôn mặt cuộc đời, để rồi, sẽ chia - tay - mà - gặp - lại chính đời sống.

Vì sao? Bởi vì, PNM đã từng thâm cảm: các nghệ nhân Chăm pa xưa là những đạo sư - nghệ sĩ: sự tận hiến cho lễ Đạo lễ Đời, thông qua sáng tạo.

Điều sau cùng muốn nói về PNM, với PNM: Đằng sau những bức vẽ của anh, tôi vẫn nhìn thấy, thấp thoáng nét cười mơ hồ của thần Kala (thần thời gian). Thời gian, nơi lưu giữ - che giấu - hiển lộ tất cả. Đang hiện ra như một Câu - Hỏi - Lời - Đáp.

Và, cái bóng nhảnh nại của người họa sĩ.
Trên Con Đường... ■



Nhịp điệu thời gian, sơn dầu

Họa sĩ Phan Ngọc Minh sinh năm 1954 tại Gò Nổi, Quảng Nam.
Tốt nghiệp Đại học Mỹ thuật TP. HCM.
Đã có nhiều tác phẩm tham dự triển lãm chung trong và ngoài nước.

Triển lãm cá nhân:

- 1994: Triển lãm "Ký ức phố" tại Đà Nẵng
- 1998: Triển lãm "Nhật ký Mỹ Sơn" tại thánh địa Mỹ Sơn
- 2000: Triển lãm "Phan Ngọc Minh và Champa" tại gallery Impression, Paris.
- 2004: Triển lãm "Hội An - Mỹ Sơn và những kỷ niệm Paris" tại gallery Dung Bùi, Paris.
- 2005: Triển lãm tại Nhà Việt Nam, Paris.
- 2007: Triển lãm "Vietnam - Kerry & Minh, tại gallery Gregory Kerry, Ireland.

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh đến thăm và tặng quà Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



Nhân ngày Báo chí Việt Nam 21-6, đoàn đại diện Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh do chính ông Giám đốc Lê Mạnh Hà dẫn đầu, đã đến thăm và tặng quà Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Cùng đi với ông Giám đốc Sở còn có ông Trần Trọng Châu, Phó Trưởng phòng Báo chí và Xuất bản; ông Trần Vĩnh Sa, Phó Trưởng phòng Thông tin điện tử và bà Đoàn Việt Tâm, chuyên viên Phòng Báo chí và Xuất bản. Tại tòa soạn, số 294 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP. HCM, ông Giám đốc Sở đã ân cần thăm hỏi tập thể Ban Biên tập và Ban Trị sự của Văn Hóa Phật Giáo, ghi nhận một số kiến nghị về việc phát hành báo và chúc Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo ngày càng đáp ứng được nhu cầu tâm linh của độc giả.

PV

Tổng thống Sri Lanka kêu gọi sự giúp đỡ của các xứ Phật giáo



Theo tin của *The Nation on Sunday*, Sri Lanka, ngày 20-6-2009, trong buổi lễ bày tỏ sự ủng hộ của các giáo phái Phật giáo Sri Lanka đối với người lãnh đạo Nhà nước Sri Lanka, Tổng thống Mahinda Rajapaksa đã tuyên bố rằng các quốc gia Phật giáo có thể có vai trò quan trọng cho tương lai của

Sri Lanka để làm đối trọng với các thế lực phương Tây. Ông cũng cho rằng các tu sĩ Phật giáo Sri Lanka có thể đóng một vai trò quan trọng trong các quan hệ quốc tế của Sri Lanka bằng cách đưa các quốc gia Phật giáo khác đến giúp Sri Lanka. Tổng thống Mahinda Rajapaksa tuyên bố ông cũng đang có kế hoạch để kết hợp chặt chẽ những nguyên tắc của Phật giáo vào việc quản trị đất nước. Được biết hiện nay ở Sri Lanka vẫn tồn tại hai giáo phái Phật giáo, giáo phái Amarapura có 12.700 tu sĩ và giáo phái Ramanna có 6.000 tu sĩ, lâu nay vẫn không thống nhất với nhau. Đây là lần đầu tiên hai giáo phái này tập hợp lại để thể hiện sự ủng hộ đối với một vị Tổng thống mà họ cho là "người thẳng thắn, lương thiện, can đảm và gắn gũi với tầng già".

PV

Tổ đình Pháp viện Minh Đăng Quang đang được trùng tu



Khai sáng hệ phái Khất sĩ Việt Nam là ngài Minh Đăng Quang, chỉ hoằng hóa trong thời gian 10 năm từ 1944 đến 1954 thì bỗng nhiên vắng bóng. Di sản của Ngài là cả một hệ phái tu tập theo truyền thống ôm bình bát đi khất thực, gồm đủ tứ chúng không chỉ phát triển ở Việt Nam mà còn ở ngoại quốc nữa. Để tưởng niệm Ngài, vào năm 1968, một ngôi "Pháp viện Minh Đăng Quang" đã được Hòa thượng Giác Nhiên, bấy giờ là Tổng Trị sự trưởng Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, tạo dựng. Pháp viện Minh Đăng Quang tọa lạc tại 505 Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh là một ngôi tông lâm u tịch nằm ở cửa ngõ phía Đông đường vào nội thành thành phố Hồ Chí Minh. Sau hơn 40 năm mở cửa đón Phật tử thập phương, ngôi chùa có nhu cầu được trùng tu. Đáp ứng lòng mong mỏi của tứ chúng thuộc hệ phái Khất sĩ, việc trùng tu ngôi tổ đình này đã được khởi công vào ngày 4 tháng 2 âm lịch Kỷ Sửu. Mới đây, Hòa thượng Thích Giác Toàn, Phó ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái, Trưởng ban Vận động tài chánh cho công cuộc trùng tu vừa phổ biến một thông bạch khơi gợi đạo tâm của Phật tử gần xa hỗ trợ Phật sự cho công cuộc trùng tu sớm viên thành.

PV

Lời cảm ơn cuộc sống

Người ta nói rằng tính cách của một người biểu hiện qua nét chữ. Tôi không biết có thật hay không, nhưng tôi biết việc rèn luyện chữ viết đã tác động rất lớn đến quá trình hình thành tính cách của một con người qua kinh nghiệm bản thân.

Hồi đó tôi viết chữ rất xấu, có chữ thì to, chữ thì nhỏ, có chữ ngã ra sau, chữ nghiêng về phía trước. Nhưng từ khi xuất gia, tôi được thầy đặc biệt uốn nắn về phương diện chữ viết này. “Người sao chữ vậy, chữ sao người vậy, từ nay con phải tập viết các chữ cho thẳng đứng. Vì sao à? Vì để cho phù hợp với tánh tình thật thà ngay thẳng của con”. Lúc đó tôi không biết là mình có thật thà ngay thẳng như thầy nói hay không, nhưng rõ ràng là tôi rất thích và đã cố gắng nghe theo lời thầy. Nhờ vậy mà chữ tôi càng ngày càng... đẹp thật. Giờ đây, chiêm nghiệm lại tôi nhận ra rằng quá trình rèn luyện viết chữ cũng là quá trình rèn luyện tính cách của mình. Để viết được những con chữ thẳng hàng thì tôi phải ngồi cho thẳng lưng. Và tự nhiên tâm ý tôi cũng không thể nghĩ ngợi lung tung nữa. Nét chữ thẳng đứng ấy không chỉ để ra tính thật thà mà còn góp phần hình thành nên những đức tính khác như trung thực, dũng cảm... Đó là nét chữ “cúi không thẹn đất, ngửa không thẹn trời”.

Tôi nhớ mãi bàn tay ấm áp của thầy cầm tay tôi nắn nót từng chữ mà thầm cảm ơn. Cảm ơn thầy, cũng như cảm ơn đời đã cho tôi làm đệ tử của thầy. Giờ thì thầy đã đi xa, nhưng với tôi thầy vẫn còn đó... qua nét chữ thân thương. Thêm một lý do nữa để cho tôi thích viết tay hơn là gõ bàn phím. Tôi nhớ thầy như nước chảy trường giang...

Nguyễn Văn Phát, Bình Dương

Một chiều thứ Bảy, tôi đang đứng đợi một người bạn trên đường Đồng Nai, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Cái nóng của buổi trưa vẫn còn đâu đây khiến người ta mong ngóng chiều xuống nhanh hơn để cái nóng giảm dần bên cạnh cái nóng ruột chờ người. Tôi có cảm giác rất khó chịu với mọi người xung quanh.

Thời gian luôn chậm chạp trôi qua đối với những ai đang có tâm trạng chờ đợi một điều gì. Mặt trời vẫn nở nụ cười của chiều vàng; đông người vẫn tấp nập trên đường phố, kẻ bán người mua vẫn diễn ra ở các shop bên lề đường. Mọi người như chẳng để ý đến ai, mong sao làm xong công việc của mình. Tôi vẫn đứng trước cổng trường Chánh Nghiệp computer, nhìn mọi người qua lại để giết thời gian.

Tôi chợt chú ý đến một người trung niên, với trang phục gọn gàng của một viên chức bỗng dừng xe trước mặt tôi, không nói không rằng, đi bộ một đoạn ngắn, băng qua nửa đường, cúi xuống luộm một nửa viên gạch đang nằm giữa đường. Tôi đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Lúc đầu thấy người trung niên bỏ xe trước mặt tôi rồi bỏ đi, tôi nghĩ thầm, ông này không sợ mất xe hay sao mà để xe như vậy. Nhưng khi thấy ông ta cúi xuống luộm nửa viên gạch tôi mới chợt hiểu ra. Một cảm giác khó tả trong lòng tôi... Ông cầm nửa viên gạch bỏ một bên góc cột đèn rồi rẽ ga phóng đi, để lại một làn khói trắng phía sau.

Mặt trời đã tắt nắng, một làn gió mát đi qua tôi, cái nóng biến mất, tôi ngỡ ngàng trước hành động của người trung niên, chợt mỉm cười. À, thì ra giữa phố phường tưởng chừng không ai quan tâm đến ai, nhưng lại có những người biết quan tâm đến tai nạn của người khác, đã có những hành động âm thầm nhưng đáng trân trọng đến như vậy.

Lê Thị Như Sương, quận 3, TP. Hồ Chí Minh



Canh rau sam

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Rau sam còn có tên là ma-xi, là một loại rau hoang dã, mọc nhiều vào mùa hè và mùa thu. Tuy được xem như loài cỏ dại, nhưng rau sam lại chứa nhiều vitamine A, B và C, là nguồn kháng sinh tự nhiên, đặc biệt có nhiều acid béo omega 3 so với các loại rau lá khác. Rau sam có tác dụng ngăn ngừa bệnh tim mạch, tăng cường hệ miễn dịch của cơ thể, có tác dụng chống viêm nhiễm, đặc biệt giúp thải acid uric trong các khớp ngón của người bệnh gút (gout)...

Không chỉ riêng nước ta mà ở các nước phương Tây, người ta cũng dùng rau sam để ăn sống, nấu canh hoặc làm thuốc.

Nguyên liệu:

- Rau sam: 300gr
- Đậu hũ: 1 bìa
- Nấm rơm khô: 50gr
- Thân boa-rô: 1 khúc
- Muối, tiêu, dầu ăn, nước tương.

Cách làm:

- Rau sam: Giữ đất cát, lật ngấn. Rửa sạch, để ráo.
- Đậu hũ: Chiên vàng, xắt lát mỏng.
- Nấm rơm kho: Ngâm nước

một lúc cho nở. Rửa sạch, vắt ráo.

Bắc nồi nóng, cho vào 1 muống súp dầu ăn phi thơm với boa-rô xắt nhỏ. Bỏ nấm và đậu hũ vào, nêm gia vị xào thơm. Tiếp đổ nước vừa dùng vào nấu sôi. Thả rau sam vào, khi canh sôi lại là được. (Đừng để rau chín quá, không ngon).

Canh rau sam có vị mát, hơi chua và nhớt.



Ảnh: Võ Lộc



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn

Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2008
(1 trong 2 giải loại hình chung cư)

"Chuẩn từng cm"



ĐẤT LÀNH NẮNG GIÓ THÁI AN
Chung cư Xanh

www.datlanhthai-an.com.vn - nanggiiothai-an@yahoo.com.vn

Quý vị có nhu cầu quảng cáo trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Xin liên hệ: **Ms. Sương**
Mobile: 0918032040 hoặc Email: vietartsupply@gmail.com



CƠM CHAY Cát Tường

Giờ mở cửa : 9h → 21h hàng ngày
Nghỉ mừng 2, 16 âm lịch hàng tháng

Chuyên : • Phục vụ các món chay thuần túy Việt Nam
• Nhận đặt tiệc, cơm chay tháng
• Buffet mừng 1, rằm hàng tháng

Đặc biệt: Giảm 10% Quý Tặng Ní

Khung cảnh yên tĩnh, lịch sự, thoáng mát

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

ĐC: 15 Bis Trần Khánh Dư
P. Tân Định, Q. 1, TP. HCM

Tel: 38467086
Mobile :0918 264 925 (Cô Mỹ Linh)



**Nhà Hàng Chay
Thiện Tâm**

☛ **THIỆN TÂM - Q.10**

443 Sư Vạn Hạnh nối dài - ĐT: 38630798

☛ **THIỆN TÂM - Q. PHÚ NHUẬN**

121 Phan Đình Phùng - ĐT: 39953638

*Hơn 80 món chay Việt Nam và Quốc tế
Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, trang nhã và thư giãn
Nhận đặt tiệc chay*

CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO
Thủ Công Mỹ Nghệ Cao Cấp

Hoa Nghiêm



82/112 Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, TP.HCM.
(cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, đối diện chùa Vĩnh Nghiêm)
ĐT: (84.8) 22.128.757
E-mail: hounghiem09@yahoo.com.vn

Chuyên cung cấp các sản phẩm nghệ thuật văn hóa Phật giáo si & lẻ:

- Tượng điêu khắc nghệ thuật cao cấp bằng gỗ, đá, đồng theo các truyền thống PG.
- Tượng mạ vàng, tranh vẽ (Thangka) theo truyền thống Tây Tạng, Trung Quốc.
- Nhận chế tạo tượng Phật lớn cho các công trình, chùa, viện.
- Chuông mõ, tháp xá lợi, lư hương, trầm hương, đèn hoa sen.
- Pháp phục tu sĩ & cư sĩ, hàng lưu niệm, chuỗi hạt san hô, hồ phách, v.v....
- Các loại trà & trà cụ.
- Kinh sách Phật học nghiên cứu.



Yoga Secret Club

14 lớp Yoga mỗi ngày

Kết hợp cho tất cả mọi trình độ từ cơ bản đến nâng cao.

Thời gian hoạt động :

- Buổi sáng: 5:00 - 10:30

- Buổi chiều: 15:00 - 20:30

Đội ngũ giáo viên nước ngoài và Việt Nam
với bằng cấp quốc tế, chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm.
Nhận mở lớp theo yêu cầu đặc biệt cho công ty hoặc cá nhân.

Your health inspires our spirit

70 Trương Quốc Dung, P.10, Q.PN
Tel: 8.453.271 - Fax: 8.453.679

Email: info@yogasecretclub.com
Website: www.yogasecretclub.com



Nuôi lớn mầm yêu thương
Nourish compassion



Mở cửa từ 7 giờ đến 22 giờ.

VIỆT CHAY VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
P.7, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (08) 38 48 33 99 - 35 26 58 59

VIỆT CHAY THĂNG LONG

25 Thợ Nhuộm, P. Hàng Bông
Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (04) 3825 0272
Đang được dời đến địa chỉ khác.
Nhà ngoại cảm: Phan Thị Bích Hằng

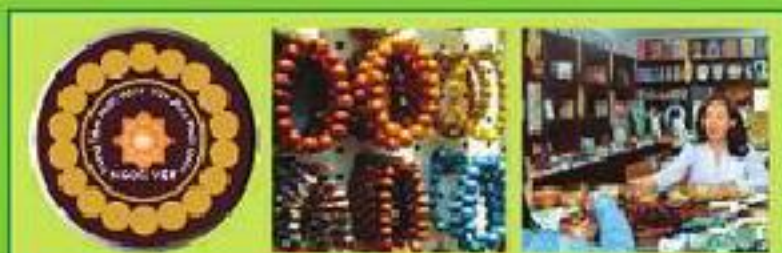
VIỆT CHAY ĐÀ NẴNG

Sẽ được khai trương vào mùa Vu Lan...
678 Lê Văn Hiến, P.Hòa Hải
Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Tel: 0914 083 688
TT.Huệ Vĩnh - Chùa Quán Thế Âm

BAN VĂN HÓA THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HCM

TRUNG TÂM PHÁT HÀNH
VĂN HÓA PHẬT GIÁO NGỌC VIỆT

Kinh Sách, Băng Dĩa
Trang Tượng, Chuỗi Hạt
Quà Lưu Niệm
Văn Hóa Phẩm Phật Giáo



Cung cấp sỉ cho hệ thống và các cửa hàng phát hành...

CHÙA PHỔ QUANG

64/3 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Mobile: 0913 808 338 / Tel/Fax: (08) 3845 1828
Website: www.vietpearl.vn
Email: trungtamngocviet@yahoo.com/ngocviet@vietpearl.vn

www.vietchay.vn
www.vietpearl.vn

BUFFET VIỆT CHAY

Ngày rằm và mừng 1 hàng tháng
với nhiều món mới lạ.

89.000đồng/vé



NGỌC VIỆT TRAVEL

Hành Hương Phật Tích

Tây Tạng, Ấn Độ, Nepal,
Trung Quốc (Tứ Đại Phật Sơn)
Miến Điện, Thái Lan...

- Du lịch hành hương
- Du lịch tâm linh



NGỌC VIỆT TRAVEL

CHÙA VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM
Tel: (08) 38 48 33 88 Fax: (08) 35 26 58 62
Mobile: 0933 88 33 63 - 0913 80 83 38
Email: ngocviettravel@vnn.vn

Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Số 85

Phát hành ngày 15-7-2009

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Bà Nguyễn Thị Xuân
Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0904 990 666

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, Chi nhánh Cty Cổ phần
Lao Động tại Quảng Nam
86 Lê Duẩn, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

KHÁNH HÒA

Sư cô Chơn Ánh,
Cơm chay Thiền Duyệt
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 3819 198 - 0935 536 061

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

Nhà sách Hòa Phong
69A2 đường Nguyễn Trãi,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.271

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 0703.834.654 - 0936.237.832
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG